

VIỆN NGHIÊN CỨU & PHỔ BIẾN KIẾN THỨC BÁCH KHOA
TỦ SÁCH HỒNG PHỔ BIẾN KIẾN THỨC BÁCH KHOA
CHỦ ĐỀ: THANH THIẾU NHI & HỌC SINH
TS. NGUYỄN QUANG HUỲNH

BÉ HOẠT ĐỘNG VÀ SUY NGHĨ NHƯ THẾ NÀO?



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ
2004

VIỆN NGHIÊN CỨU & PHỔ BIẾN KIẾN THỨC BÁCH KHOA
PGS. TS NGUYỄN QUANG HUỠNH

BÉ HOẠT ĐỘNG VÀ SUY NGHĨ NHƯ THẾ NÀO ?

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ
Hà Nội 2003

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ PHỔ BIẾN KIẾN THỨC BÁCH KHOA
INSTITUTE FOR RESEARCH AND UNIVERSALIZATION FOR
ENCYLOPAEDIC KNOWLEDGE (IRUEK)

Văn phòng liên hệ: B4, P411 (53) TT Giảng Võ - Đường Kim Mã
Quận Ba Đình - Hà Nội.

ĐT (04) 8463456 - FAX (04) 7260335

Viện Nghiên cứu và Phổ biến kiến thức bách khoa là một tổ chức khoa học tự nguyện của một số trí thức cao tuổi ở Thủ đô Hà Nội, thành lập theo Nghị định 35/HĐBT ngày 28.1.1992.

Mục đích: Hoạt động nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng khoa học nhằm mục đích phục vụ nâng cao dân trí và mục đích nhân đạo.

Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ:

1. Nghiên cứu các vấn đề văn hoá khoa học.
2. Biên soạn sách phổ biến khoa học công nghệ.
3. Biên soạn các loại từ điển.

Nhiệm vụ cụ thể: Trong những năm tới (từ 2001 đến 2005): phát huy tiềm năng sẵn có (hiện có hơn 200 giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, chuyên gia), Viện tổ chức nghiên cứu một số vấn đề khoa học; biên soạn từ điển; biên soạn sách phổ biến kiến thức bách khoa (trí thức khoa học cơ bản, chính xác, hiện đại, thông dụng) dưới dạng SÁCH HỒNG (sách mỏng và chuyên luận) phục vụ độc giả rộng rãi theo các chủ đề như nông nghiệp và nông thôn; phòng bệnh và chữa bệnh; thanh thiếu nhi và học sinh; phụ nữ và người cao tuổi, v.v..

Phương hướng hoạt động của Viện là dựa vào **nhiệt tình say mê khoa học, tinh thần tự nguyện** của mỗi thành viên, liên kết với các viện nghiên cứu, các nhà xuất bản.

Hoạt động khoa học của Viện theo hướng **"Chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá"** (Nghị quyết Đại hội IX).

Vốn hoạt động của Viện là vốn tự có và liên doanh liên kết. Viện sẵn sàng hợp tác với các cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước hoặc nhận đơn đặt hàng nghiên cứu các vấn đề nêu trên.

Rất mong được các nhà từ thiện, các doanh nghiệp, các cơ quan đoàn thể và Nhà nước động viên, giúp đỡ.

Viện Nghiên cứu & Phổ biến kiến thức bách khoa

LỜI GIỚI THIỆU

Khoa học tâm lí trẻ em mới ra đời được gần một thế kỉ, các nhà tâm lí và giáo dục trên thế giới đã phát hiện ra nhiều vấn đề làm chúng ta hiểu được đặc điểm tâm lí của trẻ em.

Ở nước ta hiện nay, nghiên cứu tâm lí trẻ em là khoa học có tính cấp thiết, mang ý nghĩa giáo dục và xã hội rất lớn.

“Bé hoạt động và suy nghĩ như thế nào?” của tác giả Nguyễn Quang Huỳnh, tiến sĩ tâm lí-giáo dục, trình bày một số vấn đề tâm lí trẻ em thông qua hai chị em Thu Hương - Hà Khoa từ lúc sơ sinh đến tuổi đi học, nhằm giúp phần nào các bậc cha mẹ và các nhà giáo dục hiểu thêm tâm tình của trẻ em.

Các gia đình, cô nuôi dạy trẻ và cô giáo mẫu giáo-mầm non có thể sử dụng sách này để hiểu biết thêm tâm lí các cháu nhằm giáo dục trẻ tốt hơn.

Trân trọng giới thiệu với bạn đọc.

Viện Nghiên cứu & Phổ biến kiến thức bách khoa

I. MỞ ĐẦU HAI CUỘC CÁCH MẠNG COPECNIC

Thu Hương vui sướng khi thấy bác Dung cùng bố Anh, mẹ Hạnh đưa em Khoa vừa mới chào đời từ Viện Bảo vệ Bà mẹ và Trẻ sơ sinh trở về nhà. Thế là bé Hương đã lên cấp chị. Hương muốn bế em ngay như ôm búp bê hàng ngày mà bé vẫn thích, nhưng mẹ không cho ẵm, bé tỏ ra hờn dỗi.

Mẹ sung sướng biết bao khi sinh một đứa bé trong điều kiện mẹ tròn con vuông. Bé Khoa cất tiếng khóc chào đời là biểu hiện niềm sung sướng của bố mẹ sau bao ngày mong đợi. Bố mẹ đặt rất nhiều hi vọng vào con, nhiều gia đình chuẩn bị khá kĩ ngoài quần áo, tã lót cho trẻ đầy năm, mà còn cả đồ chơi cho bé khi lớn lên, điều đó có nghĩa là chuẩn bị đáp ứng nhu cầu tâm lí của trẻ.

Trẻ em không phải là một người lớn thu nhỏ lại mà có những đặc điểm riêng biệt về cấu tạo, sinh lí và tâm lí ở trẻ và ở người lớn - tư duy khác nhau và tình cảm cũng khác nhau. Bé mới lọt lòng là sự chia sẻ tình cảm của người mẹ đối với chị (anh) của bé. Không lấy gì làm lạ khi bé đang bú mẹ thì chị (anh) của bé khoảng 4-5 tuổi ghét và giằng miệng em bé khỏi bầu sữa mẹ mà xưa nay chị (anh) bé chiếm hữu độc quyền. Hành động đó làm bé khóc lên vì *bé bú mẹ đang là một thể thống nhất, bé và mẹ là một, là điều hạnh phúc nhất của bé*, thế mà chị (anh) của bé lại phá vỡ hạnh phúc đó!

Hai bé Hương, Khoa cũng như trăm nghìn bé khác ở Việt Nam cũng như bên kia Đại Tây Dương, khi sinh ra vẫn chưa có những tri thức và kĩ năng, chưa có những quá trình tâm lí và thuộc tính cá nhân như người lớn. Bé Khoa mới sinh chỉ có thể cảm giác được một số tác động nhất định bên ngoài, bên trong và phản ứng lại những tác động đó bằng một vài cử động bẩm sinh, không chủ định. Trên cơ sở đó trong thời kì tuổi thơ những quá trình tâm lí phức tạp như tư duy logic, tưởng tượng, sáng tạo, hành động, ý chí... được hình thành.

Trong quá trình phát triển tâm lí không những có những thay đổi về số lượng mà còn có những thay đổi về chất lượng. tâm lí trẻ em khác hẳn người lớn. Bé Hương chưa thể hiểu được thế nào là phong tục, tập quán vì đó là những khái niệm trừu tượng, bé chưa thể suy nghĩ được bằng những khái niệm chung mà bằng hiện vật cụ thể như con búp bê, đồ chơi... là những thứ mà trẻ em ưa thích, trong khi đó người lớn lại thích cái khác. Sự phát triển tâm lí ở trẻ không phải chỉ là tăng số lượng những tri thức và kĩ năng lĩnh hội được, mà còn là sự hình thành chính những quá trình và thuộc tính tâm lí cá nhân.

Bé lớn lên đồng thời hệ thần kinh phát triển, đó là điều kiện cần thiết cho sự phát triển tâm lí của trẻ. Trọng lượng não tăng lên có sự thay đổi cấu tạo và hoàn thiện hoạt động của não. Sự phát triển những bộ phận cao nhất của hệ thần kinh - các đại bán cầu não - có ý nghĩa đặc biệt quan trọng; tâm lí chính là sản phẩm của hoạt động của các bộ phận đó.

Ở trẻ có những đặc điểm bẩm sinh của cơ thể nói chung và của hệ thần kinh nói riêng, những đặc điểm này tạo ra những tiền đề

nhất định cho sự phát triển tâm lí của trẻ. Trước hết phải nhận thấy rằng trẻ sinh ra với bộ não người - bộ não hoàn chỉnh hơn hẳn não những động vật cao đẳng nhất, và ở một giai đoạn phát triển nhất định, bộ não người có khả năng thực hiện những quá trình hoạt động thần kinh cấp cao phức tạp nhất. Nhờ vậy bất cứ một trẻ em bình thường nào cũng có thể học được những hành động, lĩnh hội được những tri thức và kĩ năng mà các con cái các động vật không học được và không lĩnh hội được.

J. Piaget - nhà nghiên cứu tâm lí trẻ em nổi tiếng, người Thụy Sĩ - đã quan sát trẻ con hàng 30 năm. Piaget đã lập phòng thí nghiệm nghiên cứu tâm lí trẻ em trong những năm 1958-1968. Ta có thể tóm tắt khái quát một số nét cơ bản về quá trình phát triển tâm lí trẻ em như sau.

Ta hãy xem bé Hương đã xây dựng phác đồ hành động như thế nào? Bé nhiều lần kéo khăn tay về phía mình, hành vi đó lặp đi lặp lại thành thạo, có sự mềm dẻo đủ để ghi lại kết quả bằng thí nghiệm (như quay phim). Nếu việc kéo khăn tay về phía mình đem lại kết quả thích thú thì bé sẽ tăng cường vì điều đó phù hợp với bé. Phản xạ trên không phải chỉ lặp lại những điều đã biết làm mà có thể là ngẫu nhiên (12 tháng). Bé Hương quăng quả lắc theo nhiều hướng, xem cách va chạm ở dưới đất, trên giường. Sự đồng hoá phác đồ làm xuất hiện những khái niệm. Đồng hoá tìm cách sáp nhập tình huống mới vào phác đồ của nó. Gặp vật gì mới bé lắc, vò... để tìm hiểu.

Thu Hương 4 tuổi đã biết dùng dao để cắt, dép để đi cho sạch chân, bé đã quen định nghĩa vật bằng công dụng của nó, đã xuất hiện khái niệm định nghĩa.

Biện pháp là phác đồ đồng hoá lẫn nhau để xây dựng khái niệm. Bước đi của con người đã có tiền thân từ đó.

Trong khoảng từ 1-12 tuổi xảy ra những cái đảo ngược trong tâm lí bé Hương, đó là cuộc cách mạng “Copecnic” trong con người: *bé là chủ thể đối với các sự vật, từ sơ sinh đến 1 tuổi bé không phân biệt được “tôi” và “thế giới bên ngoài”*. Cảm giác bé đã qua, không được gắn với cái riêng nào cho tới bé lúc 1 tuổi. Tôi là trung tâm của tồn tại, thế giới bên ngoài được sự vật hoá, đối tượng hoá, khách hoá từ lúc bé hơn một tuổi.

1. Cuộc cách mạng Copecnic lần thứ nhất

Ý thức của bé đã hình thành như thế nào? Bắt đầu từ duy ngã toàn vẹn bé đã có khái niệm tập hợp một phần tử này trong một phần tử khác, có một thế giới bên ngoài đối lập với thế giới bên trong, bé đã hoàn thành cuộc cách mạng Copecnic lần thứ nhất lúc 2 tuổi.

Bốn nội dung của cuộc cách mạng Copecnic (bốn quá trình cơ bản) bé đã xây dựng được: *vật, không gian, quan hệ nhân quả, dãy thời gian*.

Vật: trước bé chỉ xuất hiện những bức tranh cảm giác, không phân biệt được mình và cái mình cảm giác. Bé Hương, Khoa thấy mẹ là một thành phần trong bức tranh cảm giác. Mẹ ra khỏi môi trường tình cảm của mình vẫn còn là bà mẹ, bà mẹ chưa phải là vĩnh cửu, bé nhận ra bức tranh cảm giác coi là quen thuộc.

Từ 6 tháng trở lên bé bắt đầu nắm bắt được cái nó thấy nhưng chưa làm được việc tìm kiếm.

Từ 9-12 tháng bé bắt đầu tìm kiếm, tìm lại cái nó thấy lần trước nhưng chưa có khái niệm di chuyển.

Từ tháng 11-12 trở đi xuất hiện phác đồ hành động: bé Hương thấy khăn tay, nắm lấy góc và kéo về phía mình.

Từ 18 tháng bé đã phân biệt được vật có màu sắc, bé có thể cầm gậy kéo vật về phía mình: bé đã phân biệt được *mục tiêu và biện pháp*, biểu hiện trí tuệ bắt đầu phát triển.

Lúc 1 tuổi bé đã tìm ra tri giác, bắt đầu đối tượng hoá (ngoại cảm hoá thế giới bên trong).

Không gian: Việc hình thành phạm trù không gian đi song song với cảm giác, đối với bé lúc đầu *bao nhiêu cảm giác thì có bấy nhiêu không gian*: cảm giác bú, thấy, sờ đối với bé là mỗi không gian riêng biệt, đặc biệt là không gian thị giác. Lúc đầu không gian thị giác không có chiều sâu; chiều sâu được xây dựng dần dần sau này. Đối với nhà toán học thì không gian là cho sẵn, thực ra không gian là tự xây dựng. Đối với người lớn không gian là khuôn khổ cho tư duy có tính chất trừu tượng, có tính chất thuần nhất, đối với nhà toán học thì đó là không gian ba chiều hoặc n chiều, không có giới hạn.

Mẹ Hạnh bảo: từ nhà ra chợ Hoè Nhai khoảng 400m, đối với người lớn khoảng cách đó không đổi, như nhau đối với mọi người. Nhưng đối với bé Hương không phải là 400m trừu tượng, mà là quãng đường đó có hàng bán hoa (để trên xe đạp), bánh kẹo, bán sữa, cửa hàng giày dép trẻ em mà hằng ngày mẹ đi làm đèo Hương qua nơi này.

Quan hệ nhân quả: Bé sinh ra với ngẫu nhiên, nhân quả đi đôi với xác suất. Quan hệ giữa ngẫu nhiên-nhân quả trở thành rất rõ. Bé Hương cử động tay với lấy đồ chơi treo ở phía trên, liên hệ giữa cử động tay với việc lấy đồ chơi là nhân quả. Hệ quả không thể đi trước nguyên nhân, nằm trong hình nón ánh sáng, nếu nằm ngoài thì không thuộc qui luật.

Bé Hương hỏi: tại sao bố-mẹ lại đi làm việc, tại sao hôm qua mẹ lại đánh con? Tại sao mẹ lại tên là Hạnh? Nhưng tiếng tại sao có nhiều nghĩa khác nhau, bé Hương hỏi là về tình ý. Còn nếu hỏi tại sao trời mưa là hỏi về nguyên nhân. Trẻ em thường hỏi về tình ý hơn là về nguyên nhân. Lên 6 tuổi bé còn hiểu mọi vật đều có tình ý.

Quan hệ nhân quả không mang tính chất phân hoá giữa *tâm* và *vật*, quan hệ này có tính chất bao trùm, ràng buộc. Bé Hương hiểu chiếc thuyền nổi trên mặt nước là vì thuyền phải nổi; sở dĩ trăng sáng ban đêm là vì lệnh từ trên trời; nhìn dòng suối chảy bé cho là suối có đá chảy nên mới trôi; đó là khía cạnh duy ngã của quan hệ nhân quả.

Vì tình ý là động cơ của mọi sự việc nên có thể chỉ mong ước, cầu nguyện, không cần hành động trực tiếp cũng có thể ảnh hưởng đến sự vật, *pháp thuật* đối với trẻ em không có gì là lạ. Bé chưa quan niệm được mỗi sự việc đều có những nguyên nhân nhất định, nên trẻ em cũng dễ nghĩ rằng việc gì cũng có thể dẫn đến bất kì một việc nào khác; những sự việc ta cho là kì lạ, không biết vì sao thì đối với bé chỉ là bình thường thôi.

Thời gian: Khái niệm thời gian có tính chất trừu tượng, bé không thể hiểu được thế nào là quá khứ, hiện tại, tương lai. Việc

nhẹ nhàng đối với bé tùy theo tình cảm. Hương đợi mẹ đi chợ 15 phút cảm thấy lâu, đã kêu ầm lên và trách mẹ đi lâu thế; trong khi đó Hương chơi đu quay, bán hàng, đi xe đạp, lái ô tô cả buổi vẫn thấy chóng và còn ham chơi nữa.

Cũng như không gian, quãng đường dài 1km, 5km là như nhau đối với mọi người, nhưng bé không nhận thức được như vậy, thì đối với thời gian bé cũng không nhận thức được là nửa giờ, một ngày, một tuần là như nhau đối với mọi người, không phụ thuộc vào đời sống riêng của từng người.

Đối với bé *thời gian là một dòng thao thao bất tuyệt*, trong đó liên tiếp xảy ra những tình huống khác nhau: vui, đổi, khóc... Từ dòng thời gian trôi chảy, mang theo tất cả màu sắc của hoạt động, của tình cảm từng lúc, không khoảng nào giống khoảng nào, tiến tới một thời gian trừu tượng, thuần nhất, khoảng nào cũng như khoảng nào, có thể đo theo những mực thước chung cho mọi người: phút, giờ, ngày, tháng, năm, là cả một quá trình lâu dài.

Sinh hoạt hằng ngày dần dần đã hình thành cho bé yếu tố thời gian: sáng dạy rửa mặt, ăn sáng, đến Trường Mẫu giáo Mầm Non B; trưa ăn cơm tại trường, ngủ, thức dạy học hát và chơi, chiều bố-mẹ đón về, chơi ở nhà, tắm, ăn cơm, xem vô tuyến, đi ngủ... các việc đó dần dần đã hình thành những cái mốc để xây dựng một thời gian có quá khứ, hiện tại, tương lai; một thời gian thuần nhất, như nhau đối với mọi người.

2. Cuộc cách mạng Copecnic lần thứ hai

Bước vào tuổi lên 3 bé Hương lại có thay đổi lớn. *Bé khẳng định được bản ngã của mình, ngày càng tiến tới con đường tự lập.*

Bé muốn độc lập làm lấy các việc, không cần nhờ ai: bé tự xách xô một mình, không khiến chị Ngọc làm hộ. Bé cầm dao thái củ khoai làm con lợn, mẹ mắng và bảo: để mẹ gọt khoai làm con lợn cho, bé nhất định không nghe và đòi làm lấy. Bé trở nên ương bướng, muốn làm ngược lại bố-mẹ.

Trong giai đoạn này tay chân bé đã vững, không cần sự giúp đỡ, làm được một số việc. Nghe người lớn nói bé đã hiểu nhiều, nói được thành câu. Bé nhận biết thái độ của bố-mẹ đối với mình. Càng ngày bé càng *"vỡ"* ra mình là một cá thể riêng biệt, bé muốn làm theo ý riêng của mình. Bố định chụp ảnh cho Hương, bé không muốn và kêu âm lên, nhiều cái bé tỏ ra ngỗ ngược, khó bảo. Bé xác định được vị trí của mình trong gia đình, biết xưng con, cháu, em, chị đối với từng nhân vật trong gia đình.

Từ 3 đến 7 tuổi bé đã biết rút kinh nghiệm đối với các vật dụng và tự nhiên, biết gà cục tác khi dễ trứng, chó sủa biết sợ.

Đến 6-7 tuổi bé đã ít nhiều có *vốn sống*, đỡ mò mẫm, tay chân vững vàng hơn. Bé thích hoạt động nhiều hơn, nhiều lúc làm bố-mẹ bực mình và kêu rằng: con nghịch quá.

Lúc này bé Hương đã hiểu khi nào bố-mẹ yêu, giận, khen, chê. Tư duy phát triển mạnh, bé không chỉ hoạt động tay chân mà hay hỏi tại sao đối với nhiều sự kiện, hiện tượng, đầu óc bé Hương tràn đầy suy nghĩ (bé *tắm* trong bể tư duy - Piaget). Bé hay thích nghe chuyện người lớn nói với nhau, sau đó hỏi lại bố-mẹ hoặc lại nói với bé khác với vẻ thích thú.

Tư duy của bé còn chưa ổn định, bé còn suy nghĩ mông lung, đồng thời có những nỗi lo sợ mà ta khó hình dung. Thỉnh thoảng

người hàng xóm dọa nào “ông ba bị chín quai”, nào “mẹ mìn”, nào “ông khổng lồ” làm bé sợ. Vì vậy bé luôn luôn muốn bố-mẹ bên cạnh để bảo vệ mình, củng cố tình yêu. Có bố-mẹ bên cạnh bé vững tâm hơn, có *thể dựa*. Điều đó giải thích tại sao có bố-mẹ bé hay quấy. Nếu bố-mẹ đi vắng, ở với bà hoặc người xung quanh khác thì bé tỏ ra ngoan ngoãn hơn, ít nghịch ngợm hơn. Trong người bé Hương phát sinh mâu thuẫn: một mặt muốn độc lập với bố-mẹ để khẳng định bản ngã của mình, làm theo ý mình; một mặt lại luôn luôn muốn bố-mẹ đồng tình với mình, bảo vệ mình.

II. SỰ PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG THẦN KINH CAO CẤP Ở TRẺ EM

Não bộ, trước hết là vỏ não - cơ sở vật chất của hệ thần kinh cao cấp; sự phát triển chức phận của hệ thần kinh có liên hệ chặt chẽ với sự trưởng thành của tổ chức não. Trong những năm đầu tổ chức não phát triển nhanh nhất, cũng là những năm phát triển nhanh của hoạt động thần kinh cao cấp.

Sự phát triển hoạt động thần kinh cao cấp trẻ em không đều nhau trong quá trình phát triển. Nói chung ở những trẻ càng ít tuổi thì sự phát triển của những hoạt động thần kinh càng nhanh.

Tính chất phức tạp, muôn màu muôn vẻ của con người đều bắt đầu từ cái vốn nghèo nàn của *các phản xạ không điều kiện bẩm sinh* ở trẻ sơ sinh. Ngay sau khi chào đời, trên cơ sở những phản xạ không điều kiện, các phản xạ có điều kiện bắt đầu phát sinh ở bé. Trên cơ sở những phản xạ có điều kiện - *hệ thống tín*

hiệu thứ nhất - dần dần hình thành *hệ thống tín hiệu thứ hai* là lời nói và chữ viết.

Những kích thích gây nên những cảm giác trực tiếp, hình tượng và cụ thể như thị giác, thính giác, vị giác, khứu giác, xúc giác và những cảm giác khác; sự thụ cảm, sự ghi sâu, sự tổ hợp làm thành hệ thống tín hiệu thứ nhất của cơ thể. Những kích thích gây nên sự hoạt động về ngôn ngữ, sự thụ cảm bằng lời nói, sự khái quát hoá tạo thành hệ thống tín hiệu cao hơn - hệ thống tín hiệu thứ hai. Sự hoạt động chung của hai hệ thống tín hiệu dưới sự hướng dẫn của hệ thống thứ hai tạo thành cơ sở khoa học tự nhiên của tư duy con người. Đó là quá trình phát triển của hoạt động thần kinh cao cấp. Nghiên cứu hoạt động thần kinh cao cấp cho phép phân chia quá trình phát triển của nó theo từng giai đoạn.

1. Giai đoạn sơ sinh

Những vận động có tính chất không nhịp nhàng, có dạng múa vờn và có đặc tính lan toả. Trong thời gian này lúc thức bé luôn luôn cử động. Ngay trong khi ngủ bé Khoa lúc sơ sinh cũng hay vận động. Cơ của trẻ sơ sinh ở trạng thái tăng trương lực cơ, vì thế Kernig luôn luôn dương tính. Những phản xạ sau đây của trẻ sơ sinh là biểu hiện của quá trình lan toả:

- Phản xạ về thức ăn biểu hiện rõ rệt. Những phản xạ không điều kiện về tiêu hoá như phản xạ bú và nuốt;

- Phản xạ Babinski;

- Phản xạ bắt chộp: vỗ vào mông hoặc gõ vào nôi khi bé Khoa nằm thì hai tay bé bắt chộp một cách cân đối;

- Hiện tượng bò: cho bé Khoa nằm sấp rồi để một vật gì ở lòng bàn chân bé thì hai chân đạp.

Một số cơ quan tiếp thu đã hoạt động ngay sau khi sinh như khứu giác, vị giác và xúc giác. Vận động của nhãn cầu còn chưa phối hợp nên có thể thấy hiện tượng lác mắt hoặc rung nhãn cầu sinh lí.

2. Giai đoạn từ 2 đến 3 tháng

Trong giai đoạn này tính hưng phấn, lan toả hãy còn, cho nên các phản xạ trong giai đoạn sơ sinh vẫn còn. Đến tháng thứ hai phản xạ bắt chớp mắt, khả năng tập trung của thị giác lâu hơn, bé đã có thể nhìn một vật sáng trong 1-2 phút.

Trong thời gian này bé đã hình thành những phản xạ có điều kiện tự nhiên của tất cả các cơ quan phân tích. Bé đã phân biệt được kích thích về thị giác và thính giác. Bé có thể biểu hiện sự vừa ý hay không như mỉm cười khi bằng lòng; đôi khi có thể phát ra những âm thanh *a, ơ*.

Thời gian thức và ngủ phân biệt hơn: đêm ngủ nhiều hơn ngày.

Về phát triển chức năng vận động: bé đã có thể giữ đầu đứng thẳng trong vài phút. Đến tháng thứ 3 Khoa đã có thể ngừng đầu lên; khi nằm sấp Khoa lấy tay kéo các đồ chơi.

3. Giai đoạn từ 3 đến 5 tháng

Trong giai đoạn này các phản xạ ở thời kì sơ sinh mất đi. Tình trạng tăng trưởng lực cơ sinh lí mất nên những cử động được tự do và phân biệt hơn. Bé có thể nắm lấy đồ chơi (như cầm được quả lắc đưa vào miệng), tự lật mình từ sấp sang ngửa và ngược

lại. Đến tháng thứ 6 bé biết ngồi, biết bò. Khoa đang cầm quả lắc, Hương giằng lấy, bé la khóc.

Bé Khoa đã bắt đầu phân biệt được mẹ và các người quen ở xung quanh, thể hiện trên nét mặt cũng như bằng phản ứng xúc cảm và tiếng kêu thanh quản. Đến 6 tháng Khoa đã biết bập bẹ.

4. Giai đoạn từ 6 tháng đến 12 tháng

Bé ngồi vững, bò nhanh hơn. Không những thế, bé có thể tự nằm, tự ngồi dậy được. Mẹ giữ, Khoa đứng lên được. Cuối giai đoạn này bé đã biết bắt vịn vào thành giường, đi men, biết chấp chững và cuối năm có thể đi được vài bước (hình 1).



Hình 1. Bé có thể ngồi sau bàn, chơi đồ chơi, bập bẹ, vịn thành giường

Những cử động của tay dễ dàng hơn, bé Khoa đã cầm được quả lắc, đưa đồ chơi vào miệng để thăm dò, tìm hiểu, cầm lấy bình sữa cho vào miệng. Bé bắt đầu dùng cả hai tay chơi đồ chơi, quan sát tìm hiểu, thích leo cầu thang, tập nói bi bô (hình 2).



Hình 2. Bé chơi bằng cả hai tay, tìm hiểu đồ chơi, leo thang và tập nói khi xem tranh

Đến 1 tuổi mẹ hỏi: mắt ở đâu, tai ở đâu, Khoa có thể dùng tay chỉ đúng. Khi 8 tháng Khoa gọi được *bà bà, cha cha*, biết bắt chước tiếng nói của người lớn. Đồng thời bé đã biết được nghĩa của một vài tiếng. Mẹ hỏi: Bà ngoại ở đâu, Hương đưa tay chỉ đúng. Cuối năm Hương nói được khoảng 8-10 từ.

5. Giai đoạn từ 12 đến 18 tháng

Từ 12 đến 18 tháng bé có thể bước đi một mình, đứng lên, ngồi xuống, tự cầm chén uống nước, hút bằng ống nhựa để uống sữa tươi, thổi bong bóng, phì nước bọt, bò lên cầu thang, trèo lên ghế. Hương thích chơi với anh Minh, với bạn, nhưng đã biết ganh tị, tranh giành đồ chơi.

Từ 15 đến 18 tháng Hương đã biết tự xỏ tay áo khi mẹ mặc áo cho bé. Hương đã đi nhanh, chạy vững, mẹ dắt tay Hương lên được cầu thang. Hương thích chồng nhiều các miếng gỗ hình hộp lên nhau. Khi xem tranh bé nhận ra được con gà, con mèo, biết đòi tiểu tiện khi cần, muốn tự xúc cơm ăn bằng thìa.

Trong độ tuổi này tính nết Hương đã thay đổi, thích tự ý làm, hay nổi giận, đòi nhiều thứ, nếu bố-mẹ không thỏa mãn sẽ nằm lăn ra khóc, bé trai hay đập đầu xuống sàn. Mẹ dỗ dành Hương, phải đợi đến khi bé 3 tuổi mẹ mới giải thích được cho con hiểu. Nhưng bố-mẹ không nên thỏa mãn tất cả những đòi hỏi của con, tốt nhất bố-mẹ hãy lánh đi và người thân hoặc bé khác xuất hiện, Hương sẽ nín.

Bé cần thêm đồ chơi như quả bóng để tung đá, ô tô để kéo, các hộp gỗ để xây nhà, tranh ảnh màu để tập nhận xét, ghép xích đu. Hương rất thích chơi với bạn hàng xóm.

6. Giai đoạn từ 18 tháng đến 24 tháng

Giai đoạn này Hương đã đi vững, trèo lên ghế, leo thang gác dễ dàng hơn (21 tháng). Hương thích dùng bút vẽ trên giấy, trên tường, cầm quả bóng bàn ném vào hộp, dùng thìa ăn cơm, mở sách xem tranh, nói được những câu ngắn.

Khi gần được 2 tuổi Hương hay tranh giành đồ chơi với bạn, mẹ cũng không bắt bé phải nhường nhịn nhiều. Dần dần Hương hiểu điều gì nên làm và điều gì không được làm. Đôi lúc Hương cũng bướng bỉnh, không chịu đi ngủ đúng giờ. Hương bây giờ hay bắt chước, mẹ huấn luyện Hương sắp xếp lại đồ chơi sau khi chơi, biết chỗ để giày, mũ, áo quần cho ngăn nắp. Trước khi đi ngủ mẹ hay kể chuyện *Mèo vằn hoàn mèo* cho bé, tuy Hương không hiểu hết chuyện nhưng mẹ dùng sách tranh ảnh để bé xem hình và chỉ tên các vật trong tranh.

7. Giai đoạn từ 2 đến 3 tuổi

Bé đi vững và nhanh hơn, Hương có thể vượt qua những chỗ dốc, bậc cửa. Đến 3 tuổi những vận động cơ bản như đi, chạy đã trở nên nhịp nhàng và nhanh hơn. Bé có thể cử động bằng tay và ngón tay tinh vi hơn: bé có thể nhặt các vật nhỏ bằng hai ngón tay, cầm bút chì vạch các đường thẳng... Bé Hương tự cài được khuy áo, đi bút tất, giày.

Hương tự đi đại tiện tiện vào bô, bé đã tự chủ kìm hãm, các cử động của tay đã được kiểm tra bằng mắt.

Tiếng nói phát triển nhanh, đồng thời bé đã hiểu được ý nghĩa của lời nói. Lên 2 tuổi Hương đã nói được 200-400 từ và tiếng nói đã trở thành một phương tiện thông tin quan trọng.

Lên 3 tuổi Hương biết được khoảng 400-1000 từ và có thể hiểu được gần hết các từ đó. Hương có thể nói những câu thông thường và trả lời những câu hỏi đơn giản.

Hương tự xúc cơm ăn, rửa mặt và mặc quần áo. Trong giai đoạn này tình cảm phát triển nhanh, bé có những biểu hiện bối rối, luyến tiếc, nhút nhát, tự ái.

8. Giai đoạn từ 3-4 đến 7 tuổi

Tiếng nói của Hương phong phú và có văn phạm hơn. Trong lời nói đã biểu hiện được những ý trừu tượng và tổng quát hơn. Mẹ dạy Hương học thuộc bài hát *Cháu lên ba, cháu đi mẫu giáo; Ali Baba...* bé gần như thuộc cả bài.

Trong lứa tuổi này đã hình thành những nét đặc biệt về cá tính, bé đã dần dần trở nên một người của xã hội. Hương rất thích chơi với các bạn cùng lứa tuổi và thích ở lại tập thể lớp mẫu giáo.

9. Giai đoạn đi học và thiếu niên

Do sự biến đổi về hệ thần kinh nội tiết của thời kì dậy thì nên dễ gây ra những rối loạn chức phận ở hệ thần kinh nội tiết dưới hình thể rối loạn mối liên hệ điều hoà giữa vỏ não và dưới vỏ não. Vì vậy ta thường thấy những rối loạn về sự phối hợp động tác giảm trương lực cơ cho đến khi giảm ảnh hưởng ức chế của vỏ não.

Hệ thần kinh thực vật trẻ em nói chung không bền vững, nhưng đặc biệt trong thời gian này càng biểu hiện rõ. Do sự rối loạn hoạt động điều hoà của vỏ não nên gây ra sự rối loạn chức năng ở một số bộ phận, trước hết là hệ tim mạch và tiêu hoá như tăng

hoặc giảm huyết áp, loạn nhịp, cơ tim đập nhanh hoặc chậm, co hoặc giãn mạch, tăng hoặc giảm độ axít của dịch vị, hoặc có những biểu hiện co thắt dạ dày, môn vị, tá tràng, ruột...

Tóm lại sự phát triển của hệ thần kinh có liên hệ chặt chẽ đến sự phát triển thể chất nói chung, nó còn phụ thuộc vào những ảnh hưởng của ngoại cảnh (ăn, uống, giáo dục...) cũng như vào từng đặc điểm cá thể từng em bé. Từ giai đoạn phát triển này chuyển sang giai đoạn phát triển khác cũng rất khác nhau. Tuy nhiên sự phân chia các giai đoạn nêu trên cũng giúp cho ta tìm ra phương pháp, chế độ giáo dục thích hợp cho mỗi lứa tuổi.

III. SỰ PHÁT TRIỂN TINH THẦN Ở TRẺ EM

A. ĐẶC ĐIỂM CỦA SỰ PHÁT TRIỂN TINH THẦN

1. Thế nào là khái niệm phát triển

Sự phát triển tinh thần (PTTT) có thể xem là một quá trình xảy ra theo thời gian và gây ra sự biến đổi. Ta hiểu sự PTTT là một *quá trình* có tính năng động lớn, động lực của sự phát triển. Sự phát triển không phải là một cái gì tĩnh mà là một hiện tượng tiếp diễn, một vận động liên tục. Theo quan điểm duy vật biện chứng sự PTTT là một trong các hình thức vận động của vật chất. Đó là dấu hiệu cho từng sự phát triển, có quan hệ với sự PTTT ở mức độ lớn.

Sự phát triển xảy ra theo thời gian, là chức năng của thời gian và được đo bằng thời gian. Thời gian càng trôi qua sự phát triển

càng tiến bộ. Tùy theo lứa tuổi sẽ ứng với một giai đoạn phát triển tâm lí nhất định. Với mỗi hiện tượng của trẻ em bao giờ cũng gắn theo lứa tuổi để giải thích. Mỗi quan hệ giữa sự phát triển và thời gian có tính bản chất, không phụ thuộc vào các nền văn hoá khác nhau, dân tộc và chủng tộc. Dấu hiệu đặc trưng và bản chất của quá trình phát triển đều thay đổi. Kết quả của sự phát triển dần dần tạo ra sự cảm xúc tâm lí và cách cư xử của con người. Bé Hương trong từng giai đoạn có cách *cư xử* khác nhau, mỗi ngày một hoàn thiện và nâng cao dần. Người ta dùng đơn vị thể xác và tinh thần để đặc trưng quá trình phát triển. Hai thành phần thể xác và tinh thần trong sự phát triển có quan hệ mật thiết với nhau, bổ sung và phụ thuộc lẫn nhau. Nếu bé phát triển chậm thì càng trẻ lâu. Hải nhi tăng cân không đúng thời hạn thì ảnh hưởng cả đến hoạt động giác quan, động hình, lời nói và phản ứng xã hội. Trái lại nếu trong tinh thần có một khuyết tật nào đấy thì trong cơ thể cũng có chức năng kém, ví dụ tư duy yếu thì việc đi, vận động cũng phát triển chậm. Ở trẻ em bình thường thì đơn vị thể xác và tinh thần đều bằng nhau, có tác dụng cân đối với sức khoẻ. Nếu bé buồn thì ăn mất ngon, giảm sức đề kháng đối với bệnh tật.

Đơn vị thể xác và tinh thần là một tính chất đặc trưng của quá trình phát triển, được sử dụng ở mức độ khác nhau trong các biến đổi đem lại sự phát triển.

2. Các loại biến đổi trong phát triển

Cơ thể con người có nhiều biến đổi phức tạp và nhiều màu vẻ. Ta có thể chia thành hai nhóm.

Biến đổi độ lớn: Mọi người trong gia đình đều thấy rằng bé Hương ngày càng lớn như những bé khác, đồng thời chiều cao tăng. Từ lúc sơ sinh đến một tuổi bé tăng trọng lượng khoảng ba lần. Từ sơ sinh đến trưởng thành trọng lượng tăng khoảng 15-18 lần, chiều cao tăng hơn ba lần.

Trong phạm vi tinh thần bé ngày càng phát triển đi đôi với thể xác: bé có dự trữ từ ngữ nhiều, trí nhớ mở rộng, nhận thức phát triển, ý chí được củng cố. Từ 8 đến 13 tháng bé tích lũy được 5-100 từ (xem thêm trang 20, 21). Ý chí bé càng được củng cố nếu bé biết tranh luận với nhau, viện lí do này khác.

Hương tập nói thường dùng tiếng một: mẹ, bố, cơm, sữa; ta dùng vội tưởng mỗi tiếng ấy chỉ một người, một vật riêng rẽ. Thực ra mỗi tiếng ấy là một câu, một tổng thể, bé dùng để tả một cảnh sinh hoạt, một ý muốn của nó, nhưng vì chưa phân giải ra, nên chưa thể tổ chức thành câu. Một lời nói của bé phải đặt lại trong hoàn cảnh mới nhận ra hết nghĩa. Một tiếng *mẹ* khi có nghĩa là *mẹ ơi, bế con*, khi thì *a, mẹ đã về...* Một tiếng *nước* khi để diễn đạt *mẹ ơi, con khát nước* khi thì *cốc nước ở đâu hử mẹ*. Nói mà đã thành câu là đã nhận thức ra từng bộ phận của câu nói, nhưng quá trình nhận thức đó tiến rất chậm. Bé hiểu một câu nói rất khác với sự hiểu của người lớn. Ta nghe một câu, ta hiểu nghĩa từng chữ và cách kết cấu của những chữ ấy. Hương nghe một câu như *lại đây uống sữa* hiểu là mẹ sắp cho uống, chạy tới; nhưng câu ấy đối với Hương không phải là ba từ hợp lại, mỗi từ có một nghĩa riêng, mà một tổng thể, chỉ chung *một mệnh lệnh của mẹ*.

Những biến đổi nêu trên mới là những biến đổi về lượng, đồng thời bao giờ cũng xảy ra quá trình biến đổi về chất thuộc phạm vi tâm lí con người.

Biến đổi về tỉ lệ: Bé Hương cũng như bao trẻ em trong xã hội, khác người lớn về tất cả các mặt như thể chất, chức năng, tinh thần, tỉ lệ các phần trong cơ thể cũng khác nhau xa. Ở mỗi lứa tuổi có một tỉ lệ khác nhau:

Chiều cao đầu so với chiều cao của cơ thể (hình3)

Thai nhi 2 tháng bằng $1/2$ chiều dài toàn thân

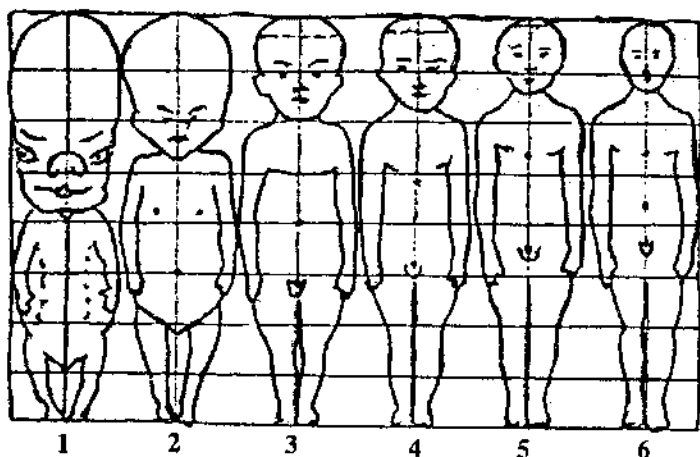
Trẻ sơ sinh - $1/4$ - - - -

Trẻ 2 tuổi - $1/5$ - - - -

Trẻ 6 tuổi - $1/6$ - - - -

Trẻ 12 tuổi - $1/7$ - - - -

Người lớn - $1/8$ - - - -



Hình 3. Các phần của cơ thể theo các lứa tuổi khác nhau

1. Bào thai 2 tháng

2. Bào thai 5 tháng

3. Trẻ sơ sinh

4. Trẻ em 2 tuổi

5. Trẻ em 6 tuổi

6. Trẻ em 12 tuổi

Chiều cao của thân:

Thân của trẻ sơ sinh tương đối dài, gần bằng 45% chiều dài của cơ thể, đến thời kì dậy thì chỉ chiếm 38% chiều cao.

Đối với trẻ em Việt Nam từ 4-7 tuổi: khi trẻ càng lớn thì chân của trẻ càng dài so với chiều cao đứng, hay nói cách khác, thân càng ngắn dần so với chiều cao đứng.

Đi đôi với sự phát triển về thể xác, sự PTIT cũng có nhiều biến đổi đặc sắc. Tư duy cụ thể và trừu tượng liên tục biến đổi từ tuổi thơ ấu đến lúc trưởng thành. Bé Hương tư duy dựa vào các hiện tượng cụ thể, kinh nghiệm riêng lẻ của bản thân bé. Cho bé ăn phở rắc hạt tiêu, Hương không ăn vì nếm thử thấy cay; nhưng nếu cho ớt (loại không cay) vào thì bé lại ăn được, Hương định ninh là ớt thì không cay. Bé có hạt tiêu mới cay. Đối với người lớn bao giờ cũng khái quát hoá kinh nghiệm riêng lẻ và tư duy trừu tượng. Bé càng nhỏ càng sử dụng nhiều trí nhớ máy móc, lớn lên thì trí nhớ luận lí bằng lời nói chiếm ưu thế, thay cho trí nhớ máy móc.

Trong quá trình biến đổi mất đi những tính chất cũ: bé 6 tuổi bắt đầu mất đi lớp răng sữa. Sau thời gian sơ sinh mất đi những phản xạ không điều kiện (phản xạ Babinski, phản xạ Moro). Trong sự PTIT tiếng nói trẻ con, trò chơi lúc bé dần dần mất đi, đồng thời xuất hiện những tính chất mới như mọc răng mới, tuyên sinh dục phát triển, óc thẩm mỹ, biết tranh luận, tính cách con người được hình thành dần dần.

3. Các yếu tố và nguyên nhân của sự phát triển

Sự PTIT là một quá trình phức tạp, phụ thuộc vào nhiều nhân tố. Có những yếu tố chủ quan và khách quan, ảnh hưởng đến sự

phát triển. Những yếu tố chủ quan: tính di truyền, tính bẩm sinh, tính chất đặc biệt của hệ thống thần kinh, kể cả sự phát triển tự phát - sự chín muồi, đó là những yếu tố thuộc phạm vi cơ thể. Yếu tố khách quan: môi trường, điều kiện kinh tế, vật chất, những người xung quanh bé, hay nói cách khác, bé đã lớn lên trong hoàn cảnh như thế nào, những cái gì tác động vào bé. Cả hai yếu tố chủ quan và khách quan liên hệ mật thiết với nhau, quện vào nhau.

Trong khoảng hai mươi năm năm gần đây khoa học đã có thể giải thích các đặc tính của sự phát triển:

a) Khác với quan điểm cũ cho rằng sự phát triển chủ yếu là do tính chất di truyền, khoa học mới quan niệm về tính chất bẩm sinh như sau.

Bé ra đời với tính chất bẩm sinh riêng của hệ thống thần kinh, có ảnh hưởng mạnh đến sự phát triển tinh thần sau này; tính chất đó do di truyền của gia đình. Lúc bắt đầu phát triển tính chất đó không phải hoàn toàn quyết định đến tính cách của bé. Bé di truyền theo những đặc điểm giải phẫu-sinh lí, năng khiếu; nếu gặp điều kiện thuận lợi năng khiếu của bé phát triển tốt. Năng khiếu thể hiện dưới nhiều hình thức, phát triển theo các khả năng, tính chất khác nhau. Nếu hệ thống tín hiệu thứ hai phát triển, con người không những chỉ trở thành nhà toán học hoặc triết học mà có thể trở thành nhạc sĩ hoặc những nhân tài khác có liên quan đến khả năng tư duy trừu tượng. Có nhiều năng khiếu bị dừng lại và không sử dụng nếu trong quá trình phát triển không tác động những yếu tố khác. Mặt khác trong cuộc sống của mình con người có nhiều khả năng khác mặc dù các tiền đề bẩm sinh

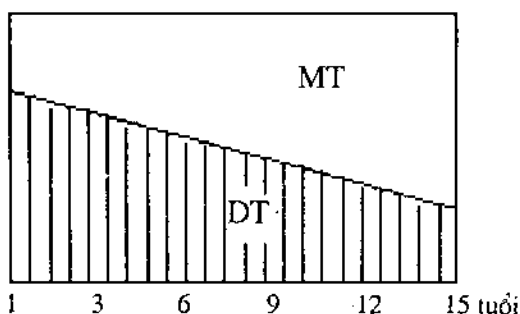
không có, chứng tỏ rằng hoàn cảnh đã tác động nhiều đến khả năng con người. Sự phát triển tính chất con người không phụ thuộc vào tính chất bẩm sinh của hệ thần kinh.

b) Sự phát triển các tiên đề bẩm sinh - năng khiếu - phụ thuộc vào sự phát triển tự nhiên, sự trưởng thành, sự chín muồi của cơ thể, việc luyện tập, học tập. Hai hiện tượng - sự trưởng thành và học tập - không phải là những yếu tố phát triển độc lập, mà chúng có quan hệ mật thiết và ảnh hưởng lẫn nhau. Sự trưởng thành càng nhanh việc học tập càng chóng đạt mục đích. Nếu sự trưởng thành bị ngừng trệ thì điều kiện học tập gặp khó khăn. Nếu cơ quan chức năng như vận động chân, phát âm... của bé chưa trưởng thành (xương, bắp thịt, mô...) thì bé không thể đi, nói... tốt được. Ngược lại, nếu các cơ quan đó trưởng thành nhưng vì nguyên nhân nào đó (bệnh tật, không luyện tập) thì cũng không phát huy tích cực trong hoạt động hằng ngày và có ảnh hưởng ngay đến sự phát triển chung. Ở một vài trẻ em có hiện tượng ngừng trệ sự PTTT không phải vì khuyết tật bẩm sinh mà vì không sử dụng tích cực sự tiếp xúc với môi trường tốt xung quanh bé. Bố-mẹ đều câm sinh con có bộ phận phát âm bình thường, nếu cho bé sống chung với bố-mẹ mà không có sự tiếp xúc với người khác thì con có thể bị câm.

c) Các yếu tố mà ta nêu trên không tác động vào bé một cách độc lập: bé sống trong môi trường cụ thể, vì vậy ngoài yếu tố di truyền bé còn chịu các kích thích ngoại lai khác nhau. Những người xung quanh bé Hương như bà ngoại, bác Nam tạo thành môi trường xã hội có ảnh hưởng rất lớn đến bé. Bé đã được bố-mẹ cho đi máy bay vào TP Hồ Chí Minh mấy lần thăm gia đình

bác Phấn-Hàng; đến ông nội, bà Yến, bà Thuận, ông Kim ở Hà Nội, mở máy thu hình, radiô-caxét, sử dụng bộ phận điều khiển từ xa, đi chơi nhiều nơi ở Hà Nội như công viên Thủ Lệ, Hồ Tây, xem bắn pháo hoa... do đó *tầm nhìn* của bé khá rộng. Sự tiếp xúc vui nhộn với mọi người từ sau khi sinh làm bé phát triển trí tuệ, tình cảm và tinh thần. Bé học nói, tiếp thu được kinh nghiệm sống và các hiểu biết về tự nhiên, xã hội, có được mối quan hệ tình cảm phong phú và đa dạng, cách cư xử xã hội - tất cả đều do sự tiếp xúc với mọi người.

Xã hội không chỉ ảnh hưởng đến sự sống của con người mà ảnh hưởng lớn đến sự giáo dục con người. Giáo dục đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển con người. Giáo dục có thể có tác dụng quyết định đến những tiền đề bẩm sinh cho phát triển hoặc hạn chế lại, có ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến chí hướng của trẻ. Kết quả giáo dục phụ thuộc vào những tiền đề bẩm sinh của hệ thống thần kinh và hệ thống này cũng làm thay đổi ảnh hưởng của giáo dục. Giáo dục không đúng có thể làm yếu ngay cả hệ thần kinh có khả năng nhất. Trong quá trình phát triển dần dần xoá bỏ sự khác nhau giữa tác dụng của các yếu tố chủ quan và khách quan vì cũng khó phân biệt được. Nếu sự phát triển càng nhanh, sự giáo dục lại không hoàn thiện thì con người phải có năng khiếu bẩm sinh mới có kết quả rất tốt và trẻ sẽ chịu ảnh hưởng của giáo dục hoặc môi trường. Nếu trẻ càng ít tuổi mà kết quả giáo dục lại nhiều thì chủ yếu là do năng khiếu bẩm sinh. Lớn lên mà trẻ có năng khiếu chủ yếu là do yếu tố môi trường, trong đó then chốt là giáo dục. Hình 4 biểu thị tương quan tỉ lệ giữa tính di truyền và môi trường trong sự phát triển con người.



Hình 4. Sự tương quan tỉ lệ giữa tính di truyền và môi trường trong sự phát triển con người

d) Ngoài những yếu tố nêu trên còn có những điều kiện khác ảnh hưởng đến sự phát triển, ví dụ hoạt động của các tuyến nội tiết có ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ em ngay từ bé. Tuyến đó hoạt động mạnh hoặc yếu đều có ảnh hưởng đến sự phát triển thể xác và tinh thần. Tuyến giáp trạng hoạt động kém sẽ làm ngừng sự phát triển thể xác và tinh thần của trẻ, thậm chí bé có thể trở thành ngu dốt. Tuyến yên điều chỉnh toàn bộ sự phát triển thể xác và tinh thần, nếu hoạt động mạnh sẽ làm chậm sự phát triển, có khi trở lại sự phát triển ở trình độ của trẻ con hoặc ngu dốt.

Như vậy các tuyến có thể phá huỷ các hoạt động phát triển, làm thay đổi toàn bộ bức tranh phát triển của trẻ em. Trẻ em đau ốm, bệnh tật luôn không những làm chậm sự phát triển thể xác mà ảnh hưởng đến cả sự phát triển tâm lí.

4. Quy luật phát triển

Sự PTTT không phải là quá trình xảy ra ngẫu nhiên mà trong một trình tự xác định, có những tính chất riêng, hay nói cách khác, có những qui luật phát triển.

a) Sự phát triển là một quá trình trọn vẹn

Tính chất đó có nghĩa là những dấu hiệu riêng lẻ của đời sống tinh thần không xuất hiện một cách biệt lập và không phụ thuộc vào các yếu tố khác và bao giờ cũng đồng bộ trọn vẹn. Sự hoạt động tư duy hoàn chỉnh có tác động đến sự hoàn thiện của các biểu tượng và nhận thức. Trình độ tư duy cao có ảnh hưởng đến toàn bộ trình độ giáo dục, lập trường, quan điểm của con người. Sự phát triển khả năng vận động có ảnh hưởng đến sự phát triển nhận thức, lời nói... Tính chất trọn vẹn của quá trình có tác dụng tới từng biến đổi phát triển trong toàn bộ con người, trong đó có quá trình tâm lí.

b) Sự phát triển là một quá trình liên tục

Sự phát triển đó không xảy ra ngẫu nhiên, đột ngột, mà từ từ. Mỗi giai đoạn mới có những tính chất đặc trưng riêng đều có mầm mống từ giai đoạn trước, hay nói cách khác, trong giai đoạn đang phát triển đã có những yếu tố chuẩn bị, chuyển tiếp sang giai đoạn sau. Như vậy mỗi giai đoạn phát triển đều có ảnh hưởng đến giai đoạn sau và cả đến toàn bộ quá trình phát triển về sau. Ví dụ sự ăn uống thiếu thốn ở tuổi ấu nhi có thể gây nên sự chậm trễ về thể xác và tâm lí mà sau này khó khắc phục. Sự căng thẳng tình cảm đã gây nên nhiều điều kiện không thuận lợi của môi trường sống thời thơ ấu sẽ để lại nhiều dấu vết trong sự phát triển cá nhân của cả cuộc đời.

c) Sự phát triển cơ thể và tâm lí con người được thực hiện bằng cách giải quyết những mâu thuẫn nội tại

Sự phát triển đi tới những biến đổi là do kết quả của sự giao hội các khuynh hướng khác nhau tương phản và có những bước

nhảy vọt. Trong quá trình phát triển từ đầu bé đã gặp những lực tương phản như tính di truyền và ảnh hưởng môi trường bên ngoài, xung lực và chí hướng, tình cảm và lí trí. Bằng cách giải quyết và cân bằng những khuynh hướng mâu thuẫn này sẽ phát sinh chất lượng phát triển mới, toàn bộ trình độ phát triển đạt giai đoạn cao hơn. Nếu bé hết tuổi mẫu giáo mà không cân bằng được các mâu thuẫn giữa xung lực riêng và yêu cầu giáo dục thì không có được tính chất mới - tính kỉ luật là yêu cầu không tránh khỏi của tuổi đi học. Bé như vậy cũng thuộc loại phát triển chậm trễ, chưa chín muồi.

d) Sự phát triển tiến hành từ những phản ứng chung đến phản ứng riêng

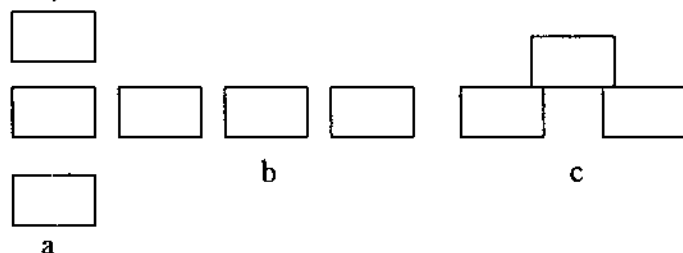
Điều đó có nghĩa là phản ứng của trẻ trong tất cả các giai đoạn phát triển động hình và tâm lí đầu tiên đều thô, không chia từng phần, không có tính chất riêng mà có tính chất chung. Sau đó với những kích thích vừa phải dần dần chính xác hoá và khác biệt. Ví dụ bé sơ sinh phản ứng với bất kì kích thích nào bằng cách vận động chung, chuyển mình, sau đó bé mới phản ứng với kích thích riêng như ánh sáng mạnh thì nhắm mắt lại và khi có tiếng động mạnh thì có phản ứng thính giác. Phải sau một thời gian bé mới có phản ứng riêng biệt đối với từng loại kích thích.

Sự phát triển lời nói cũng vậy. Nếu ta chú ý lúc đầu bé chỉ dùng từ có nghĩa rộng như ăn, uống thì Hương, Khoa cũng như bao trẻ em Việt Nam khác đều cho là *măm măm*. Dần dần bé sẽ tự chính xác hoá cách sử dụng từ do tiếp xúc với người xung quanh. Đầu tiên bé chỉ phân biệt được động vật và bất động vật, sau đó phân biệt được người và động vật.

d) Sự phát triển tinh thần có nhịp độ

Nhịp độ đó không đều và trong các giai đoạn đều khác nhau. Theo nhà nghiên cứu tâm lí trẻ em Nguyễn Khắc Viện thì từ lúc lọt lòng, oa oa chào đời cho đến ngày khôn lớn, ra gánh vác nhiệm vụ xã hội, con đường đi vừa dài vừa khó biết bao. Dựa vào những công trình nghiên cứu của các học giả Âu, Mỹ, ta sẽ cùng đứa trẻ đi lại con đường trưởng thành ấy, con đường mà mỗi chúng ta đã trải qua.

Nhưng trước hết phải nhớ rằng những bước đường sẽ mô tả sau đây chẳng qua là một mức trung bình thôi. Đặc điểm của loài người là không có người nào giống hệt người nào cả. *Mỗi đứa bé có cách trưởng thành riêng, theo một nhịp độ riêng.* Trong sự trưởng thành đó, những năng lực biểu hiện ra theo một thứ tự nhất định. Biết ngồi rồi mới biết đứng, biết đứng rồi mới biết đi. Nếu mẹ đưa cho bé Hương một cái bút chì, mẹ sẽ thấy nó biết vẽ một cái vòng tròn, trước lúc biết vẽ hình vuông. Bố đưa cho Hương những mảnh gỗ vuông chơi, ta sẽ thấy nó 18 tháng biết sắp chồng nhau thành cái dài (*hình 5a*), 24 tháng mới biết sắp thành hàng làm tàu hoả (*hình 5b*), đến 3 tuổi mới biết bắc ngang một mảnh lên hai mảnh khác làm cầu (*hình 5c*) (theo A. Gesell, nhà tâm lí người Mỹ).



Hình 5. Thu Hương sắp mảnh gỗ vuông chơi: a- khi 18 tháng;
b - khi 24 tháng; c- khi 3 tuổi

Đứa bé sinh trưởng cũng như cây cỏ, có thời, có lúc, ta không thể nào đảo ngược thứ tự của tiến trình ấy. Nếu ta để tâm xem xét đời nhiều đứa bé, ta sẽ thấy những hành động tương tự kế tiếp nhau theo một thứ tự định sẵn. Sớm chậm tùy đứa, nhưng thứ tự kế tiếp nhau, đứa này qua đứa khác, không thay đổi. Ta cũng không thể đẩy nhanh thêm được. Muốn cho đứa bé nhảy qua trình độ trưởng thành tự nhiên của nó, chẳng khác gì quả còn xanh lấy nung cho chín sớm.

Học thuyết tiến hoá chứng minh rằng nhịp độ phát triển càng nhanh nếu cơ thể càng trẻ. Tuổi tăng lên thì nhịp độ chậm đi. Sự biến đổi nhiều nhất khi còn là một thai nhi trong bụng mẹ. Trong vòng một năm sau khi sinh ra bé phát triển mạnh nhất so với toàn bộ cuộc đời tiếp theo. Chỉ trong một năm bé đã biết cách tự vận động, biểu hiện nguyện vọng, tình cảm và tư duy.

Trong từng giai đoạn tiến hoá nhịp điệu phát triển khác nhau. Nếu ta muốn nhận định trình độ phát triển của trẻ em và đến giai đoạn nào thì dừng ta cần phải xét nhịp độ phát triển đặc trưng trong giai đoạn mà bé vừa trải qua. Ví dụ sau giai đoạn phát triển mạnh về khả năng lí trí, hoạt động cảm xúc mà bé đã sống qua từ 4 đến 7 tuổi, sẽ đến giai đoạn phát triển chậm, tương đối ổn định để chuẩn bị phát triển nhanh ở tuổi trước dậy thì và dậy thì.

Từ những tính chất qui luật nêu trên ta thấy rằng đường biểu diễn (*hình 6*) sự phát triển giữa thời gian liên tục và sự biến đổi, không đều, không thẳng suốt, có tính chất bậc thang hoặc sóng, có khuynh hướng giảm thấp dần.



Hình 6. Đường cong phát triển khả năng lí trí của học sinh

Theo tính chất qui luật của nhịp độ phát triển ta thấy rằng trong 18 năm đầu thì sáu năm đầu tiên tốc độ phát triển nhanh gấp ba lần hơn sáu năm tiếp theo. Sáu năm thứ ba kể tới tuổi dậy thì phát triển chậm hơn sáu năm thứ hai.

Những năm gần đây kết quả nghiên cứu nhân bản học đã chứng minh rằng tốc độ PTTT tăng theo so với sự tăng khối lượng não. Bảng dưới đây chứng tỏ rằng sự tăng nhanh khối lượng não ứng với nhịp điệu PTTT nhanh nhất.

Sự tăng khối lượng não (gam) của con trai và con gái theo lứa tuổi

| | con trai | con gái | trung bình |
|-----------|----------|---------|------------|
| sơ sinh | 371 | 361 | 366,6 |
| 3 tuổi | 1011 | 896 | 953,5 |
| 4-6 tuổi | 1305 | 1000 | 1040,0 |
| 6-16 tuổi | 1353 | 1230 | 1291,5 |

e) Tính chất quy luật chung đều đúng với sự phát triển từng cá nhân nhưng có chú ý đến đặc điểm riêng

Bức tranh cụ thể đối với sự phát triển cá nhân khá khác nhau. Tính chất đặc trưng của lứa tuổi không chỉ khác nhau bằng cường độ mà cả bằng phương pháp thể hiện. Cuối năm thứ nhất trước khi bé biết đi thường đã biết bò. Tuy nhiên có bé không biết bò mà tập đi luôn. Bé gái thường phát triển sớm hơn bé trai về lời nói và nói chung toàn bộ động hình. Ở tuổi dậy thì trẻ thích phê phán hơn người lớn nhưng không phải đứa nào cũng vậy.

Sự phát triển cá tính có rất nhiều hình thái, phụ thuộc vào các yếu tố khác nhau, vào tính chất bẩm sinh của hệ thần kinh và vào ảnh hưởng đa dạng của môi trường.

B. CÁC GIAI ĐOẠN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN TINH THẦN

Các bà mẹ thường quan tâm nhiều về việc phát triển thể xác của trẻ, trong khi đó các em lớn lên cả về mặt tinh thần về lượng cũng như về chất. Thu Hương không những thích nghi với cuộc sống trong gia đình mà còn có tác dụng với từng thành phần trong gia đình, như đối với bà ngoại, bác Nam, chị Ngọc, anh Phương, anh Minh, cô Vân, chú Sơn, Hương đều có các cách ứng xử khác nhau.

Chức năng tinh thần của trẻ phát triển không đều đặn trong từng thời kì; có bé lúc biến đổi nhanh, lúc chậm, tất cả đều phụ thuộc vào sự biến đổi của toàn bộ cơ thể. Sự PTIT là một quá trình *pha*. Sự biến đổi pha về lượng sẽ chuyển thành chất ở pha

khác: lúc chưa đầy một tuổi bé Hương, Khoa chỉ bập bẹ và khi gần đầy năm bé đã phát âm được một vài vần hoặc một nhóm vần và tiến lên phát âm được một từ đầu tiên. Sự chuyển từ pha này sang pha khác bao giờ cũng có bước quá độ, không nhảy cóc, nhưng có thể rút ngắn thời gian.

Sự PTIT có thể chia làm 5 giai đoạn:

a) Giai đoạn sơ sinh cho tới cuối tháng thứ nhất; giai đoạn này phát sinh những phản xạ có điều kiện đầu tiên;

b) Giai đoạn hài nhi cho tới khi đầy năm. Kết thúc giai đoạn này bé có thể tự bước những bước đầu tiên và phát âm những từ có ý nghĩa. Bé Khoa gọi *ba ba, măm măm...*

c) Giai đoạn ấu nhi (chập chững) từ 2-3 tuổi, bé có thể tự ăn được, nói những câu ngắn về về các hiện tượng sinh hoạt hằng ngày. Hương thấy anh Phương chơi bi cũng bắt chước, đòi hòn bi và thích trò chơi xây nhà.

d) Giai đoạn mẫu giáo kết thúc vào lúc 6 tuổi. Bé có thể tự phục vụ trong sinh hoạt: tự xúc cơm ăn, thay quần áo. Bé Hương hay nói chuyện về những hiện tượng xung quanh mình, bắt chước tốt các trò chơi. Các cô giáo Hảo, Thuỳ, Liên, Nhung, Phương, Giang, Kim Anh dạy bé và các em khác múa, hát; khi về nhà Hương đều múa, hát lại cho bố-mẹ xem; bé muốn múa nhiều lần nhưng mẹ sợ con mệt nên không cho múa nữa.

đ) Giai đoạn đi học: tiếp sau đi mẫu giáo, kết thúc vào lúc 14 tuổi (lớp 9 trường trung học cơ sở). Lúc này Thu Hương không còn bé bỏng nữa, nắm vững lời nói và chữ viết, biết các môn khoa học, quan hệ với những người xung quanh và thích tự lập.

1. Giai đoạn đầu của sự PTTT trẻ em

a) *Phản xạ bẩm sinh cơ bản của trẻ sơ sinh*

Ta hãy trông bé Khoa bú: đó là phản xạ đầu tiên của trẻ sơ sinh, bé quay đầu vào vú mẹ (*phản xạ tìm*), ngậm, hút và nuốt. Đây là phản xạ đầu tiên trên cơ sở phản xạ thực phẩm. Bé Hương đứng cạnh em, lấy kéo bọc nhựa gõ mạnh vào thành nôi, Khoa giật mình; bỗng Hương quay lại, tay vướng vào cốc thủy tinh nhỏ đặt trên ghế đầu phía sau, *choang!* tiếng cốc rơi vỡ ở sàn nhà, bé Khoa kêu *ư, a* một tiếng. Đó là những *phản xạ bảo vệ* do tác động của kích thích bên ngoài. Phản xạ bảo vệ có thể xuất hiện dưới các hình thức khác nhau, bằng chuyển động của một phần cơ thể hay toàn thân, hoặc bằng tiếng kêu. Có nhiều loại kích thích: cơ học, nhiệt, hoá học. Sữa trong bình nóng quá, thuốc đắng thì bé đẩy ra; nhiệt độ nước không thích hợp khi tắm, nước vào mắt bé, Khoa đều có phản xạ bảo vệ. Ta có thể gây ra phản xạ bảo vệ ở hài nhi. Mẹ cất bình sữa (có thể xem là một loại đồ chơi đối với bé ngoài chức năng thực phẩm mà bé đã quen bú) đang đặt trước mặt bé, Khoa kêu lên. Ta sẽ sử dụng các phản xạ bảo vệ này trong công tác thực hành giáo dục trẻ, phạt trẻ khi có khuyết điểm: tạm cất các đồ chơi.

Có tiếng động mạnh, bé Khoa quay đầu lại về phía phát ra tiếng động, đó là *phản xạ định hướng*. Từ chỗ *định hướng thụ động* dần dần phát triển thành *phản xạ định hướng thăm dò* là cơ sở của thần kinh cao cấp của con người: trò chơi, học tập, công tác, nghiên cứu. Tiền đề quan trọng để tạo ra phản xạ định hướng ở trẻ sơ sinh là chức năng của *bộ phận tiếp nhận*.

Nước dãi ở môi, khoang miệng, da trên má, ở lòng bàn tay, bàn chân là những chỗ nhạy cảm nhất đối với những *kích thích va chạm*. Hài nhi sờ mó và làm quen với các vật bằng môi cũng như bằng tay. Mẹ đưa bình sữa có đầu vú cao su vào miệng bé Khoa, bé đẩy ra, khóc và đã *phát hiện* đây là vật lạ, không phải là của mẹ nên không bú bình; đối với bé đây là *không gian khác, không phải không gian thực phẩm của mẹ* nên bị từ chối. Phải luyện tập nhiều lần, công phu bé mới bú bình: mẹ chờ lúc bé mở miệng, bóp vài giọt sữa từ đầu vú cao su vào miệng bé, sau đó ấn đầu vú này vào, tức là *kích thích bộ phận tiếp nhận vị giác*, làm cho bé thích nghi với đầu vú cao su, và bé sẽ quen với việc bú bình.

Những mùi khó chịu làm kích thích vận động bảo vệ môi và lưỡi, mùi dễ chịu gây ra vận động hít vào.

Những ngày đầu sơ sinh bé Khoa sợ kích thích của âm thanh có cường độ lớn, kể cả tiếng người nói vì khi ở trong bụng mẹ - trạng thái chật - và không trực tiếp với môi trường bên ngoài. Khi đặt nằm trên giường các bà mẹ thường phải lấy chân nhỏ chặn hai bên mình bé, tạo ra trạng thái chật tương tự như khi còn trong bụng mẹ, làm bé không bị giật mình khi có các tác động bên ngoài. Tác động của âm thanh có cường độ lớn làm bé thay đổi nhịp thở.

Phản ứng của đồng tử có từ trước khi sinh. Bé đang nhìn chăm chú một vật, đó là hiện tượng quan trọng nhất của phản xạ định hướng đối với kích thích thị giác. Cuối tháng thứ nhất chuyển động tự phát của mắt bị ức chế và mắt tương đối ổn định.

Ta có thể tạo ra hàng loạt phản xạ động hình và tính đối với trẻ sơ sinh. Mẹ đưa ngón tay hoặc bút chì vào lòng bàn tay Khoa, bé nắm lại, ta đã gây ra *phản xạ nắm*. Từ tháng thứ tư đến tháng thứ sáu sức nắm kém đi: sự phát triển đại não làm giảm những cái nắm ban đầu. Sự phân bố thần kinh nắm ở nguồn sẽ được phân bố lại ở những trung tâm cao hơn, điều đó làm bàn tay con người có nhiều khả năng vận động khác nhau: bàn tay của công nhân, của người kéo vĩ cầm, của nhà giải phẫu...

Tồn tại cả những phản xạ vận động bắt đầu từ trung tâm phân bố thần kinh sau đó phát triển đến vỏ đại não thì giảm đi. Trẻ sơ sinh có những vận động tương tự như các vận động lúc bơi, bò, đi. Những vận động đó tiêu tán sau 4 tháng, nếu luyện tập cho trẻ thì bé có thể tiếp tục vận động; vỏ não điều khiển những vận động đó. Hình thức mới của vận động bò, đứng, đi phải tăng cường luyện tập mới có được; nếu bé không có khả năng luyện tập thì những vận động đó không xuất hiện.

b) Những phản xạ có điều kiện đầu tiên của trẻ

Mút (hút) là phản xạ có điều kiện đầu tiên của trẻ sơ sinh. Những ngày đầu tiên Khoa chỉ biết bú khi mẹ để đầu vú vào miệng bé. Việc chạm núm vú vào miệng bé là kích thích không điều kiện, vậy việc bú là phản xạ không điều kiện. Nếu mỗi lần trước khi cho bú, mẹ nắm tay bé Khoa một cách đều đặn thì sau mười ngày quan sát ta nhận thấy bé chỉ bú sau khi mẹ nắm tay bé. Việc nắm tay trở thành kích thích có điều kiện gây bú và sự bú đã trở thành phản xạ có điều kiện.

Điều kiện phát sinh phản xạ có điều kiện: cuối tháng thứ nhất có thể nghiên cứu một vài phản xạ có điều kiện (tự nhiên, nhân tạo) ở trẻ. Lúc đầu tạo ra cho trẻ những phản xạ có điều kiện sớm bao nhiêu thì càng dễ gắn nhiều những kích thích có điều kiện và không điều kiện bấy nhiêu để nghiên cứu phản xạ. Nếu tiến hành muộn hơn thì việc gắn kích thích có điều kiện, không điều kiện và phản xạ có điều kiện được nghiên cứu cùng một lúc, nhất là khi kích thích không điều kiện mạnh (ví dụ lò sưởi nóng là kích thích không điều kiện, chỉ cần bé đưa tay vào gần là có thể nghiên cứu phản xạ bảo vệ bền vững của bé).

c) Những quá trình thần kinh cơ bản

Quá trình thần kinh cơ bản đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra những phản xạ tích cực có điều kiện, ta gọi quá trình đó là *hưng phấn*. Quá trình *ức chế* đóng vai trò quan trọng đối với những phản xạ tiêu cực có điều kiện. Tuy nhiên cả hai quá trình thần kinh hưng phấn và ức chế đều có tác dụng trong tất cả các hoạt động tinh thần.

Ta phân biệt hai loại ức chế. Loại thứ nhất là *ức chế bẩm sinh* hoặc *không điều kiện*, đó là ức chế của bé từ lúc sơ sinh. Bé không cần hoạt động mà cũng có thể đạt được, đó là *ức chế thụ động*.

Bé Khoa ngủ (ức chế ngủ) là một hình thức ức chế thụ động không điều kiện. Đây là ức chế lan khắp não, mục đích dành cho tế bào não sự dễ chịu để hồi phục.

Bé Khoa kêu to một tiếng đồng thời ngủ. Đó là *ức chế vượt biên*, quá trình hưng phấn quá mức sẽ chuyển sang ức chế. Đó là sự bảo vệ tế bào não. Một hình thức nữa của ức chế thụ động

không điều kiện là *ức chế bên ngoài*: bé Khoa đang bú, chị Hương đánh rơi đồ chơi bên cạnh, phát ra tiếng động, bé ngừng bú và lắng nghe, tiếng động đã ức chế việc bú.

Loại ức chế thứ hai là *ức chế có điều kiện*. Ức chế này không phải tự nhiên mà có, phải hoạt động tích cực để xây dựng, ta cũng gọi loại đó là ức chế tích cực. I.P. Pavlov chia ức chế tích cực làm bốn hình thức.

Loại thứ nhất - *ức chế tắt dần* phát sinh khi phản xạ có điều kiện không bền vững. Bé Khoa bắt đầu kêu khóc, mẹ đã thoả mãn ngay nguyện vọng của nó, thói quen không tốt đó thực ra là một loại phản xạ có điều kiện và có thể loại trừ được nếu mẹ không cần để ý tiếng kêu khóc của bé và chỉ thoả mãn nguyện vọng của bé khi nó yêu cầu một cách ngoan ngoãn. Phản xạ không có yêu cầu sớm, bị tắt.

Loại thứ hai - *ức chế từng phần* phát sinh khi ta củng cố một kích thích bằng một kích thích không điều kiện và không củng cố kích thích thứ hai. Bé phản ứng đối với một kích thích và không phản ứng đối với kích thích thứ hai. Ví dụ, mẹ thực hiện yêu cầu đối với bé Hương: không được nghịch cái kéo lớn có mũi nhọn, nhưng cho phép bé dùng cái kéo nhỏ bọc nhựa, đầu tròn cạnh để cắt, bé đã phân biệt rằng kéo nhỏ gây cho bé vận động nắm, nhưng đối với kéo to thì sự nắm giảm đi.

Loại thứ ba - *cái tắt có điều kiện*. Khi bé Hương chạm vào que diêm, bố nói: con không được phép sờ vào, đồng thời cau mặt và ra hiệu máng bằng ngón tay, làm Hương không sờ vào que diêm nữa. Hoặc giả bé kéo khăn bàn có cúc chén ở đó, sờ vào dao, nằm trên cửa sổ hoặc có ý định nghịch một cái gì không an toàn... ta

đều ngăn ngừa một cách tương tự như vậy. Theo thời gian để ngăn chặn bé nghịch tặc chỉ cần nói *không được phép* đồng thời cau mặt, ra hiệu bằng tay, dần dần đã trở thành *cái tắt có điều kiện* đối với hoạt động của bé định tiến hành.

Loại thứ tư - *ức chế chậm* - một loại ức chế khó nghiên cứu và cũng chậm nghiên cứu nhất đối với trẻ em. Vấn đề phát sinh là, việc củng cố kích thích không điều kiện không đến ngay sau kích thích có điều kiện mà phải sau một lúc. Chẳng hạn, mẹ thường xuyên chỉ cho bé Khoa bình sữa 20 giây trước khi cho ăn. Hình ảnh bình sữa đã gây ra sự bú tức khắc nhưng xuất hiện vận động bú chậm hơn sau 20 giây. Bé đã có ức chế chậm, sau khi trông thấy bình sữa 20 giây mới bú. Ức chế chậm là một trong những cơ sở sinh lý của một vài tính chất tâm lý quan trọng, ví dụ tính kiên trì. Ức chế chậm ở tuổi ấu nhi yếu vì ở tuổi này bé có khuynh hướng phản ứng ngay, bé không kiên trì được.

Tất cả các hình thức ức chế tích cực có ý nghĩa to lớn trong hoạt động thần kinh cao cấp của con người, như sự chú ý, tư duy (ức chế từng phần), tự chủ, tự kỉ luật liên quan mật thiết đến giáo dục. Chất lượng của ức chế tích cực phụ thuộc vào ảnh hưởng của giáo dục. Trong công tác giáo dục trẻ em cần luôn luôn nhớ đến những nhân tố ảnh hưởng đến quá trình thần kinh. Ở trẻ nhỏ quá trình hưng phấn và ức chế thụ động chiếm ưu thế, còn ức chế tích cực được tạo dần và lúc đầu còn yếu. Mỗi sự yếu ớt của cơ thể đều xuất hiện sự yếu của ức chế tích cực: trẻ em và cả người lớn đều có thể mệt, đói, kiệt sức, ốm... dẫn đến mất khả năng tự chủ.

Các quá trình thần kinh (hưng phấn và ức chế) thường phức tạp, không bao giờ xuất hiện dưới dạng độc lập. Khi nghiên cứu phản

xạ mới tức là tạo ra một liên hệ thần kinh mới, điều đó không có nghĩa là trong não đã hình thành ngay đường liên hệ thần kinh duy nhất và đơn giản. Thực tế thì trong khoảng khắc đã xảy ra nhiều hiện tượng có cả quá trình hưng phấn và ức chế tham gia.

d) Những nguyên tắc để tạo ra những phản xạ có điều kiện, tích cực và đơn giản

Vấn đề đặt ra là nghiên cứu phản xạ có điều kiện của trẻ em như thế nào và làm thế nào để gây nên những phản xạ đó. Đây là vấn đề cơ bản của tâm lí và giáo dục học trẻ em, nên ta cần phải biết những qui tắc cơ bản nhất để nghiên cứu có kết quả phản xạ có điều kiện.

Quy tắc 1

Trong việc tạo ra những phản xạ có điều kiện ta phải bảo đảm trình tự:

Kích thích có điều kiện

Kích thích không điều kiện

Phản ứng

Củng cố

Mẹ muốn bé Khoa phản xạ với từ *chuông* để tìm thấy vật này ngay. Mẹ bế bé trong vòng tay trái, mẹ nói *chuông* (kích thích có điều kiện), tay phải cầm chuông và rung (kích thích có thể xem là không điều kiện), Khoa sẽ quay đầu về phía cái chuông (phản ứng) và nhìn thấy (củng cố) chuông đó. Nếu ta lặp lại quá trình đó một vài lần, động tác như nhau thì bé sẽ quay đầu đối với từ *chuông* và đã có khái niệm về vật đó trước khi nghe thấy tiếng

chuông kêu. Việc quay đầu về phía cái chuông là một phản xạ động hình có điều kiện.

Quy tắc này bao hàm một vài quy tắc nhỏ:

- Kích thích muốn trở thành có điều kiện phải luôn luôn đi trước kích thích không điều kiện. Từ chỗ ta rung chuông và nói từ *chuông* cho đến khi bé nhìn vào cái chuông ta phải làm rất nhiều lần, thường xuyên để bé nghe quen từ *chuông* và quay đầu lại.

- Khi bé phản ứng (quay đầu) ta phải theo rồi để luôn luôn củng cố (nhìn thấy cái chuông); nếu ta cất nhanh cái chuông đi, dừng lại ở từ *chuông*, bé vẫn quay đầu về phía vật đó mặc dù chuông đã được cất đi.

- Kích thích có điều kiện và không điều kiện, phản ứng và củng cố được nối tiếp nhau không có trung gian. Nếu có thời gian chết giữa từ *chuông* và tiếng chuông kêu hoặc giữa việc quay đầu và nhìn thấy cái chuông quá lâu, sẽ tạo thành phản xạ có điều kiện chậm.

Quy tắc 2

Phản xạ có điều kiện được tạo ra càng nhanh nếu toàn bộ tình hình càng ít biến đổi.

Cùng một người bế bé Khoa với phong cách như nhau, cùng một vị trí trong vòng tay, nói từ *chuông* cùng một ngữ điệu, rung chuông như nhau, làm bé quay đầu về phía cái chuông nhanh hơn là nếu có sự thay đổi động tác (ví dụ người khác bế, phương pháp giữ bé trong vòng tay khác đi, giọng nói khác, vị trí rung chuông khác).

Quy tắc 3

Quá trình tạo ra phản xạ có điều kiện mới phải không có nhân tố bên ngoài phá rối.

Khi huấn luyện bé quay đầu về một phía vật định trước thì xung quanh bé phải không có trẻ con, người lớn đi lại.

Quy tắc 4

Phản xạ có điều kiện phát sinh nhanh hơn nếu hệ thần kinh ở trạng thái làm việc tốt.

Trạng thái làm việc của hệ thần kinh không ngừng biến đổi, sau giấc ngủ là tốt hơn cả. Ở trẻ em một tuổi tốt nhất là sau giấc ngủ từ 30 đến 100 phút, sau đó giảm. Vì vậy trước giấc ngủ, khi bé đang ngái ngủ, việc làm phát sinh phản xạ có điều kiện rất kém.

Quy tắc 5

Trung tâm não của phản xạ không điều kiện - cơ sở mà ta nghiên cứu phản xạ có điều kiện - phải ở trạng thái hưng phấn cao.

Muốn dạy bé Khoa khi 12 tháng ăn bằng thìa phải tiến hành vào lúc bé đói. Nếu bé no thì khó huấn luyện thành công.

Quy tắc 6

Việc nghiên cứu phản xạ có điều kiện sẽ không thành công nếu trung tâm phản xạ khác ở trạng thái hưng phấn cao.

Việc bé Khoa quay đầu về phía âm thanh ứng với từ *chuông* sẽ không thực hiện được nếu Khoa đói.

Những qui tắc nêu trên chỉ có giá trị trong trường hợp khi ta nghiên cứu phản xạ có điều kiện đơn giản. Khi phản xạ đã được

củng cố chắc chắn ta sẽ tuân theo những qui tắc khác; ta sẽ không tuân theo qui tắc 2 nếu bắt đầu thay đổi các điều kiện một cách có hệ thống để phản xạ gây ra nhiều tình huống khác nhau.

Mẹ dạy bé Khoa tập đi trên nền nhà bằng phẳng (điều kiện dễ dàng), sau đó cho tập đi trong những điều kiện khác như đi trên cát, trên cỏ, trên đường đất không bằng phẳng.

Đứa bé còn nhỏ nhiều lúc ta cũng chỉ có thể tập cho nó những thói quen theo lối phản xạ có điều kiện. Bé không thể nghe theo lời khuyên bảo như người lớn được. Nếu ngày nào ta cũng cho bé ăn ngủ, trong những trường hợp như nhau, rửa ráy, dọn dẹp bàn, giường, ru hát... ít lâu, những sửa soạn ấy đủ làm cho nó buồn ăn buồn ngủ. Như tắm rửa lúc đầu nó đâu có thích, nhưng nếu ngày nào ta cũng cho nó ăn sau khi tắm sẽ trở thành một kích thích có điều kiện của bữa ăn; đứa bé sẽ vui mừng mỗi khi tắm. Tập cho bé ở sạch, đi đại tiểu tiện mỗi lúc mẹ bảo, cũng vậy. Trước 4-5 tuổi, khuyên bảo vô ích; phải mỗi lần liên kết điều mình muốn bảo nó làm với một sự thoả mãn cho nó, sau dần dần thành thói quen.

đ) Những phản xạ có điều kiện phức tạp hơn

Việc quay đầu về phía vật định trước là phản xạ có điều kiện rất đơn giản. Ở trẻ em sớm tạo ra được những phản xạ phức tạp hơn mà ta không thể nghiên cứu như đã thấy trước. Những phản xạ phức tạp này thường phát sinh bằng bốn phương pháp.

+ Thử nghiệm và nhầm lẫn

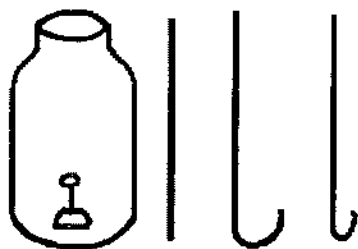
Dùng để nghiên cứu phản xạ phức tạp các động vật và người, trước tiên là các trẻ nhỏ. Khi còn là hài nhi bé Hương cũng như

Khoa trông thấy đồ chơi nhiều màu sắc sỡ, điều này gây hoạt động động hình cho bé; bé vận động toàn thân (đầu, mình, tay, chân) về phía đồ chơi. Những vận động xác định dẫn đến sự tiếp xúc với đồ chơi được giữ lại, những vận động khác của chân, mình, đầu không dẫn đến sự tiếp xúc với đồ chơi nên không được củng cố và mất dần. Những vận động được củng cố bằng tay thường xuyên được xuất hiện, ta nói rằng bé đã biết đưa tay với đồ chơi bằng *thử nghiệm* (nhiều vận động) và *nhầm lẫn* (nhiều vận động không có kết quả).

Việc tạo ra kỹ năng và tập quán bằng thử nghiệm và nhầm lẫn thường là tự phát, gắn liền với nhiều cái ngẫu nhiên không kiểm tra được, vì vậy ít có tác dụng. Ví dụ khi chơi đùa tự do trẻ em lĩnh hội được nhiều hiểu biết, kỹ năng và tập quán tốt và xấu bằng thử nghiệm và nhầm lẫn. Cho bé Hương lắp nhà bằng những miếng gỗ (trong bộ đồ chơi), bé lắp lung tung, không cần biết cái nào trước, cái nào sau (lúc Hương 3-4 tuổi).

A. Rey, nhà tâm lý Thụy Sĩ, đã tiến hành một số thử nghiệm, trong đó có cái sau đây thử trẻ em ở Gionevơ (Genève).

Trong một cái lọ (*hình 7*) để một vật có một cái khuyên; cạnh lọ, một dây thép có thể uốn thành mẫu đứt vào lọ, cho mắc cái khuyên rút ra.



Hình 7. Lọ, khuyên và giây thép

Trước 4 tuổi, trẻ chỉ biết nhờ người lớn lấy cho hay đưa tay thẳng vào lọ, hoặc đút các dây thép thẳng, không uốn thành mấu, cho dính vào cái khuyên, kéo ra. Nếu ta uốn sẵn 2, 3 dây thép, một dây có cái mấu nhỏ vừa lọt miệng lọ, một dây có cái mấu quá to không lọt được, đứa bé trước 4, 5 tuổi cũng không hiểu, cứ thử hết dây này bỏ qua dây khác, không nhận ra cái nào hợp với việc làm. Đến 5 tuổi, để một mình thì không làm được, nhưng nếu ai bảo cho thì nó có thể hiểu được. Qua 6 tuổi, để nó lần mò ít lâu, nó tìm ra. Sau 6 tuổi rưỡi thì phần lớn trẻ em đều tìm ra ngay.

Tóm lại khi cho trẻ em chơi tự do phải có tổ chức, hướng dẫn để hạn chế sự phát sinh những hình thức giáo dục bằng thử nghiệm và nhầm lẫn không đúng yêu cầu.

Phương pháp thử nghiệm và nhầm lẫn - trong đó có quan hệ phụ thuộc giữa trẻ em và người khác - ít được dùng để tạo ra phản xạ.

+ *Chỉ dẫn động hình*

Người lớn tác động vào hoạt động của trẻ em là phương pháp nhanh hơn và có hiệu quả hơn phương pháp trên. Ở tuổi đầu tiên việc chỉ dẫn động hình rất quan trọng. Sau một kích thích xác định ta cho bé một vận động thụ động rồi củng cố. Sau một vài lần ôn luyện ta lại cho bé vận động chủ động. Mẹ nói: Khoa hãy làm *ba ba* đi, rồi bé bé lên, vẫy bé. Ta củng cố vận động đó bằng cách khen, vuốt ve bé; sau đó Khoa học tập mẹ làm *ba ba*. Điều đó chứng tỏ bé đã lớn, có thể ăn bằng thìa và biết cầm bút chì.

Tuy nhiên ta phải chỉ dẫn động hình sao cho có những vận động thích hợp để chuẩn bị cho sự phát triển đi trước. Chừng nào bé chưa đứng vững chắc thì chưa có giác quan đẩy bàn chân đi,

do đó cần dạy bé biết đi. Chỉ dẫn động hình phải dễ chịu và không thể làm quá sức trẻ, sao cho bé có vận động chủ động.

+ *Bắt chước*

Sự bắt chước là biện pháp rất phức tạp để tạo ra phản xạ mới, không phải bẩm sinh. Những phản xạ có điều kiện bắt đầu từ sự bắt chước, phát sinh từ tháng thứ sáu, đúng ra là vào lúc bắt đầu sang tuổi thứ hai. Sự phát triển khả năng bắt chước có ba giai đoạn.

- *Tự bắt chước chính mình*

Bé Khoa tuổi hai nhi khỏe mạnh, no, nằm nghỉ, bé rất hài lòng và cười một mình. Bỗng - hoàn toàn ngẫu nhiên - phát sinh một tiếng động làm thu hút sự chú ý của bé. Phản ứng ngẫu nhiên được củng cố và xác suất đó được nâng cao khi bé lại phát ra tiếng động lại: bé Khoa đã tự bắt chước. Ta chú ý rằng từ tháng thứ sáu bé đã chú ý kết quả của mình và thử bắt chước lại.

- *Bắt chước phản hồi*

Điều quan trọng là bé Khoa đã chú ý đến thành công của mình. Đôi khi mẹ, chị Hương giúp đỡ luyện tập và cho bé *ôn tập* hoạt động của chính mình. Làm như vậy có thể xem bé được củng cố hai lần. Khoa có thể bắt chước người lớn làm cái mà người lớn đã làm như bé. Mẹ thường xuyên dạy bé nói tiếng *H-à-K-h-o-a*, bé ôn theo mẹ và bé cảm thấy vui sướng, ôn mãi.

- *Bắt chước thực thụ*

Nếu bé *ôn tập* theo người lớn cái mà người lớn bắt chước lại trẻ thì có thể đi đến *bắt chước thực thụ* khi bé *ôn* lại theo mẹ cái mà trước đó, tự bé chưa làm bao giờ. Điều đó chỉ xảy ra khi bé

bước vào tuổi thứ hai. Nếu bé chỉ bắt chước vận động thì vẫn tốt vì đó là chuẩn bị cho sự phát triển; giai đoạn phát triển không thể nhảy cóc.

- Chỉ dẫn bằng lời

Chỉ dùng khi bé có thể nắm vững bằng lời (bắt đầu vào tuổi thứ hai). Bé có thể kêu gọi bằng cách vẫy tay. Mẹ gọi *Khoa hãy làm ba ba* mỗi khi có ai ra khỏi chỗ bé. Theo thời gian bé Khoa vẫy tay đối với người đi ra khỏi chỗ của bé và không cần lời chỉ dẫn *Khoa hãy làm ba ba*.

e) Việc tạo ra những phản xạ tiêu cực có điều kiện

Trong công tác nuôi dạy trẻ ta thường đứng trước vấn đề là làm thế nào cho trẻ không phản ứng trước một kích thích nhất định hoặc phản ứng khác đi. Ta có thể dùng mấy phương pháp sau.

Phương pháp 1

Bé không có phản ứng đối với một kích thích xác định, ta có thể *loại trừ kích thích* để bé không thấy kích thích và không bị lôi cuốn bởi kích thích đó (mẹ giấu cái kéo, con dao, không cho bé Khoa thấy).

Phương pháp 2

Ta có thể chăm sóc bé sao cho những *phản ứng không yêu cầu thì không được củng cố*. Bé Khoa có thể làm nhiều bộ mặt khác nhau, điều đó làm người khác chú ý hoặc gây ra tiếng cười. Mẹ muốn loại trừ tật này thì nói với người đứng gần em quay đi,

không cười đồng thời không cho phép bé để ý hoặc cười hay mẹ cũng cố kíp thời phản ứng không yêu cầu mà bé có thể tự lưu ý mình, chẳng hạn nói *con không được làm bộ mặt như thế*.

Phương pháp 3

Ta có thể loại trừ những phản ứng không yêu cầu bằng cách *ngăn chặn* bé. Muốn bé Khoa không đụng vào nồi cơm điện, bố lấy tấm che hoặc mang nồi đi chỗ khác, đồng thời dặn bằng lời.

Phương pháp 4

Ta có thể loại trừ hẳn phản ứng không yêu cầu bằng cách gắn liền với hậu quả không thuận lợi cho bé. Bé Hương mang đồ chơi chạy ra ngoài lòng đường, mẹ bế vào ngay. Nếu bé tỏ ra không lễ phép với cô nuôi dạy trẻ thì cô tỏ thái độ ngay (không cười với bé, ít nói với bé). Biện pháp đó ta gọi là hình phạt, gây ra phản xạ bảo vệ. Nếu bé chơi với đồ chơi ở quanh cửa, mẹ cho bé chơi với thái độ vui vẻ. Tuy nhiên hình phạt chỉ có tác dụng trong chốc lát khi bé làm cô nuôi dạy trẻ giận.

Phương pháp 5

Ta cho bé phản ứng trước tiên với sự tất có điều kiện. Đó là hình thức tất cao nhất với phản ứng không yêu cầu và có hiệu nghiệm từ 2 tuổi. Trước tiên ta phải nghiên cứu sự tất có điều kiện nào đó. Đối với hoạt động nghịch lừa, té nước bẩn của bé, mẹ nói *không được phép*, cau mặt và ra hiệu tay, bế bé đi chỗ khác. Như vậy mẹ đã ngăn chặn có hiệu quả những hoạt động ấy. Sau này nếu bé lại nghịch tương tự thì chỉ cần câu nói *không được phép* là đủ, bé sẽ dừng lại những hoạt động mà mẹ không cho.

Phương pháp 6

Việc loại trừ những phản ứng không yêu cầu phải làm có hệ thống và triệt để, nếu không thì không bỏ được tật xấu.

Phương pháp 7

Ta cố gắng thực hiện sao cho tất cả sự can thiệp tiêu cực *chuyển sang vật* hết và người càng ít đóng vai trò hạn chế tự do, không chăm sóc tới trẻ khi bé có quan điểm tiêu cực. Cần phải luôn luôn nhắc cho trẻ thấy là không có vật gì nguy hiểm có thể sờ được, không đi, không bò tới chỗ không an toàn... tất cả các vật *cấm* ấy đều phải cách li như ổ điện, dao sắc nhọn... Biện pháp này cũng chỉ tạm thời, dần dần ta phải huấn luyện cho trẻ biết sử dụng an toàn đồ vật như sử dụng dao, kéo...

Phương pháp 8

Ta không thể bắt trẻ em sống trong bầu không khí cấm đoán hoặc cho ức chế mạnh để bé đứng im. Ngược lại ta phải cho trẻ xem, nghịch cái gì mà nó thích, tất nhiên phải bảo đảm an toàn cho bé. Cô nuôi dạy trẻ tốt không phải bắt cứ cái gì cũng chỉ cho trẻ mà là hướng cho trẻ những trò chơi bổ ích.

2. Trẻ sơ sinh

Từ khi lọt lòng tới 28 ngày bé thuộc loại trẻ sơ sinh; trong giai đoạn sơ sinh cơ thể của bé thích nghi với những điều kiện sống biến đổi. Từ một thai nhi sống gửi trong bụng mẹ, bé ra chào đời sống ngoài bụng mẹ. Sự sinh tồn của bé Khoa không thể tách rời sự chăm sóc mọi mặt của mẹ (hoặc của mẹ nuôi). Việc sống độc lập của con người lúc sơ sinh khá phức tạp và thời gian dài hơn nhiều so với động vật có vú khác.

a) Chức năng sinh lí

Giấc ngủ Hằng ngày bé ngủ 20 giờ. Nếu bé không khóc thì sự chăm sóc giữa lúc ngủ và thức không có gì khác nhau. Trong những ngày đầu, tay bé đặt trên ngực, dưới cằm giống như trạng thái thai nhi còn nằm trong bụng mẹ. Sau 3, 4 tuần tay bé Khoa nắm lại và để cạnh đầu.

Bé Khoa thường ngủ khi bú no, mẹ đặt nơi thoáng mát. Bé nhạy cảm với thời tiết, kích thích bên ngoài, do đó cần tránh nóng lạnh, nắng gắt trực tiếp và tiếng động mạnh.

Cho bú: Đối với trẻ sơ sinh cho bú 7 lần trong một ngày, cứ cách nhau từ 3 đến 3 giờ rưỡi. Ban đầu cho bú khi bé thức. Khi cho bú cần cho đầu vú vào kín miệng, tránh hút không khí vào mồm, có thể bị nôn sữa.

Bé nằm trong vòng tay và bú mẹ, đó là trạng thái thoải mái dễ chịu nhất, là điều hạnh phúc nhất của bé. Bé và mẹ là một thể thống nhất.

Khi cho bé bú (và sau này cho ăn) mẹ Hạnh nói những lời âu yếm, kích thích tình cảm thoải mái, bé thấy ngon miệng và khi ăn sẽ thấy mến người chăm sóc, cho ăn.

b) Sự chú ý giác quan

Sự phát triển chú ý thị giác

Bộ phận phân tích thị giác của trẻ sơ sinh phát triển thuận tuý theo con đường giải phẫu, việc tiếp xúc bằng thị giác với thế giới bên ngoài không có gì đáng kể. Bé chỉ phân biệt sáng và tối bằng thị lực. Với ánh sáng mạnh bé có phản ứng không thích, bé nhắm mắt và quay đầu.

Sau khoảng 14 ngày bé mới dần mắt vào vật sáng trong vài giây và vật nào để gần mắt bé. Có khi bé chỉ dùng một mắt để nhìn, mắt kia có thể chuyển sang hướng khác một ít vì chưa ổn định cơ nhãn cầu.

Khoảng tuần thứ tư nếu ta chú ý quan sát sẽ thấy Khoa tập trung nhìn vào mặt mẹ đang nghiêng đầu về phía bé. Trong thời gian này bé có thể theo dõi đồ chơi treo phía trên nôi (kiểu mới) có sợi dây bắc ngang nếu mẹ cho chuyển động chậm theo tầm nhìn của bé.

Phương pháp phát triển chú ý thị giác: Trong những ngày đầu sơ sinh chưa cần chú ý, chỉ cần tránh nguồn sáng mạnh. Sau 14 ngày mỗi lần thay tã lót, mẹ cần nói chuyện âu yếm với bé. Sang tuần thứ ba cần treo trên nôi bé nằm những đồ chơi sặc sỡ ở độ cao 70cm và làm rung động. Bố-mẹ cần làm sao cho bé đạt thành công lớn nhất: trong những tuần đầu bé nhận được mặt, giọng nói của bố-mẹ, sau đó đến đồ chơi và sự trang trí chỗ bé nằm.

Sự phát triển chú ý thính giác

Từ ngày đầu cho tới tuần thứ tư những âm thanh có cường độ lớn bé không có phản ứng, nhưng sợ. Sau 4 tuần một số em đã có sự tập trung thính giác: khi nghe thấy âm thanh, bé đã hạn chế vận động hoặc ngừng hẳn, có trường hợp đang khóc thì nín.

Phương pháp phát triển chú ý thính giác: Trong những ngày đầu tránh âm thanh cường độ lớn, tránh tiếp xúc với trẻ lớn hơn. Sau hai tuần, mỗi lần thay tã mẹ cần nói những lời âu yếm với bé, có thể nói với giọng to.

Khứ giác và vị giác, độ nhạy cảm

Đối với trẻ sơ sinh khứu giác và vị giác chưa thể phát huy tác dụng. Trong những ngày đầu bé không thể phân biệt vị giác, sau đó Khoa có thể phân biệt được mặn, nóng, còn trước mắt bé thích bú sữa mẹ.

Khoa tương đối nhạy cảm với nóng, lạnh. Khi đặt Khoa ngồi vào chỗ lạnh hoặc tay bé nhúng vào nước lạnh, bé kêu lên, rút tay lại. Bé sơ sinh chú ý cả vị trí của mình. Khi chuyển Khoa từ vị trí này sang vị trí khác bé cũng phản ứng: cựa quậy. Khi đặt lên bàn cân mà không có chỗ đỡ đầu, Khoa tỏ ra không thích và khi hạ bé xuống vị trí thấp cũng vậy.

Phạm vi giác quan này có ý nghĩa lớn trong việc định hướng tình cảm tích cực của trẻ sơ sinh.

c) Động hình

Bé sơ sinh trong lúc ngủ và thức: Ưu trương cơ đối với trẻ sơ sinh rất quan trọng, có ảnh hưởng đến vận động của bé. Khi bé thức, mẹ ngậm bé, thường làm bé xuất hiện phản xạ: đầu quay về một bên vai, một tay duỗi, tay kia gấp lại để lên đầu. Mẹ quay nhẹ đầu Khoa sang phía bên kia, bé lại quay lại về vị trí cũ.

Giữ đầu: Mẹ đặt bé nằm sấp, Khoa không thể giữ đầu, phải đặt nằm ngửa mới giữ được, hai chân đạp như vận động bơi. Đặt bé xuống giường, cho đầu bé ngả về phía sau, giữ nách bé, cho đầu lên phía trước: chân bé có vận động giống như lúc đi.

Nắm: Vận động tay chân của bé không có mục đích, tự nhiên, mạnh, tay thường nắm lại, nếu đặt cái khuy hoặc ai đưa ngón tay vào lòng tay bé, Khoa nắm lại ngay.

d) Lời nói

Bé Khoa kêu lên, đó là âm thanh đầu tiên của bé, chứng tỏ bé không hài lòng. Đói, tả ướt, thời tiết khó chịu, bé kêu khóc. Như vậy bé vô tình gọi mẹ để chăm sóc. Từng trẻ đều có cá tính riêng. Mẹ cần thoả mãn nhu cầu của bé sao cho bé khóc ít nhất trong ngày.

d) Tình cảm

Tình cảm tạo thành dấu hiệu tinh thần của sự *từng trải* của con người, mang theo sắc thái khác nhau của từng người. Không phải dễ dàng phân loại tình cảm, tuy nhiên có thể tạm chia như sau:

Tình cảm sinh lực (hữu cơ)

Tình cảm xã hội

Tình cảm trí tuệ

Tình cảm của bé phụ thuộc vào trạng thái thể lực. Trẻ sơ sinh bình thường có tình cảm thích và không thích, biểu thị bằng cách *cư xử riêng của mình*. Bé Khoa thích thì thường có biểu hiện: Khoa *kêu* một cách bình tĩnh, vận động nhẹ nhàng, giải phóng sự trương cơ. Khi Khoa không thích có phản ứng kêu to, nâng cao sự trương cơ, thái độ không bình tĩnh. Cần loại trừ nhanh chóng những điều làm bé không thích (đói, tả ướt...) vì ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ sơ sinh. Bé khóc nhiều sẽ tiêu hao nhiều năng lượng, có thể làm ảnh hưởng đến sự tăng cân của bé.

Phương pháp phát triển tình cảm trẻ sơ sinh: Việc chăm sóc của mẹ đối với bé Khoa, trong đó chủ yếu là cho bú, tắm, thay tả, chuyện trò là nguồn tình cảm đối với bé, Khoa yêu thích. Bé thoả

mãn với sự chăm sóc đó, tạo ra được tâm trạng tốt trong khoảng thời gian ngắn khi bé thức. Ta nói rằng đã đạt được sự *định hướng tình cảm tích cực* đối với bé. Tình cảm đó là cơ sở của mối quan hệ tốt giữa bé và người chăm sóc.

e) Thói quen tốt và xấu

Giáo dục trẻ em về bản chất là một quá trình tạo ra những phản xạ có điều kiện tích cực (thuận lợi) và hạn chế các phản xạ có điều kiện tiêu cực (không thuận lợi). Cô nuôi dạy trẻ cần nắm vững các cháu thích những cái gì, tìm cách củng cố phản ứng đúng của trẻ để huấn luyện những phản xạ có điều kiện thuận lợi.

Giáo dục trẻ bắt đầu từ lúc sơ sinh, ta cần tạo ra những phản xạ có điều kiện theo cung qui luật của tuổi sơ sinh. Mỗi bà mẹ cần cố gắng tạo thói quen cho con ngủ đều đặn, không cưỡng bức. Có những kích thích làm cho dễ ngủ như ánh sáng, môi trường (không khí tươi mát). Ngoài ra có những kích thích gây ngủ như âm thanh đều đều, tiếng mưa rơi, sự đu đưa... Tất cả những cái đó là kích thích không điều kiện. Ngoài ra còn kích thích ngủ có điều kiện: ngày nào bé cũng đi ngủ đúng giờ, trên cùng một giường, vẫn cùng một loại chăn màn và dạy đúng giờ.

Trước tiên ta phải loại trừ tất cả các điều kiện làm ảnh hưởng đến giấc ngủ của bé: tã ướt, tiếng động mạnh, ánh sáng chói. Hằng ngày mẹ cho bé Khoa ngủ cùng một phương pháp như nhau, các điều kiện như nhau, bé ngủ tốt. Những phản xạ có điều kiện không yêu cầu thường phát sinh rất nhanh, đó là những thói quen xấu. Những phản xạ này xuất hiện khi có hưng phấn mạnh trong mối liên hệ đơn độc. Khi bé tắm nước nóng quá, nó khó

chịu; khi mẹ gọi đầu cho Khoa, bé không thích, sợ nước vào tai, vào mắt; những cái đó thuộc thói quen xấu.

Ở thời kì sơ sinh còn một thói quen xấu nữa là bé mút tay. Kích thích có điều kiện nào đã làm bé mút tay? Nguyên nhân là bé chờ lâu không được bú; việc bú - theo bé - có thể thay bằng cách ngậm mút ngón tay. Các bà mẹ cần chú ý tiếng kêu của bé, cần nghĩ ngay đến việc cho bú và các nhân tố khác như tã ướt... Không phải bé sơ sinh nào cũng có cách bú như nhau, sau một tháng mỗi bé có một *phong cách* khác nhau.

3. Ấu nhi

Thời kì ấu nhi từ sau giai đoạn sơ sinh đến 3 tuổi.

a) *Chức năng sinh lí*

Giấc ngủ: Sau 4 tuần Khoa thức nhiều và mẹ cũng quyết định khi nào cho bé thức, ngủ. Nếu bé thoả mãn nhu cầu thì khi thức sẽ lạng lẽ và nhìn chăm chăm vào những vật treo gần bé. Sau 6 tuần bé ngủ thâu đêm và chỉ dừng khi mẹ cho bú.

Ở thời kì này ấu nhi đã có cá tính khác nhau. Sang tháng thứ hai bé ngủ tới 18-19 tiếng hằng ngày. Thời gian thức không đều đặn. Sang tháng thứ ba bé thức - ngủ đều đặn, thường ngủ thâu đêm (khoảng 10 tiếng). Bé càng lớn càng ít ngủ; nhu cầu về ngủ không phải do lứa tuổi mà còn tùy thuộc vào cơ thể của bé. Bé khoẻ mạnh, tính khí sinh động thì thường ít ngủ.

Bé 18 tháng mỗi ngày ngủ khoảng 15 tiếng, đêm ngủ 10-11 tiếng và ban ngày 4-5 tiếng chia làm hai lần. Bé từ 16-20 tháng

chỉ ngủ ngày một lần, thời gian ngủ tổng cộng 13-14 tiếng; bé thức hai lần, mỗi lần khoảng 5-6 tiếng. Lên hai tuổi nhu cầu về ngủ ít đi.

Cho ăn: Sữa mẹ là tốt nhất; ban ngày bé bú no thì sang tháng thứ hai bé chỉ cần bú đêm một lần. Từ 6-8 tuần bé có thể ngủ thâu đêm và số bữa ăn chỉ cần 6 bữa mỗi ngày. Sang tháng thứ năm bé ăn thức ăn hỗn hợp và hàng ngày ăn 5 bữa. Cho Khoa ăn thoả mãn, bé tỏ ra tích cực ăn. Bé Khoa lúc ba tháng khi bú đặt tay lên vú mẹ hoặc lên bình sữa; sáu tháng bé giữ bình sữa ở tay và có thể uống nước bằng chén do người lớn giữ. Bé 8 tháng có thể giữ chén khi uống một mình. Bé Khoa 9 tháng có thể giữ chén lấy và nghiêng theo mức cần thiết.

Cho ăn bằng thìa: Từ tháng thứ 3 mẹ có thể tập cho bé Khoa ăn bằng thìa, luyện cho bé biết tiếp nhận thực phẩm bằng phương pháp mới. Lúc đầu mẹ phải vạch miệng cho bé, sau đó để thìa cạnh miệng khoảng 1 cm và đợi khi bé mở miệng sẽ đổ thìa sữa vào. Tập luyện nhiều lần bé sẽ có thói quen khi thìa để gần miệng sẽ há mồm ra.

Cho uống bằng cốc: Từ tháng thứ năm đến tháng thứ 6 mẹ đã luyện cho bé Khoa uống bằng cốc, cho sữa vào cốc, bé dần dần sờ vào cốc. Khoảng 11 tháng bé dần dần có thể sử dụng thìa và cốc lấy.

Đây cũng là vấn đề kiên trì luyện tập cho bé. Phải tới 18 tháng bé mới tự uống nước bằng cốc và 24 tháng mới tự dùng thìa, không cần người lớn hỗ trợ. Trong thực tế bé lên 3 vẫn cần người lớn cho ăn, uống để gọn, sạch.

Tắm rửa: Tắm đối với ấu nhi xem như một trò chơi, tất nhiên mẹ phải tắm cho bé. Hai tuổi bé Hương đã biết nhúng tay xuống nước, xoa sữa tắm và bôi vào người. Ba tuổi bé cũng biết soi gương và đòi lược chải đầu. Hơn hai tuổi bé cũng biết đòi đi bít tất, đội mũ lầy. Ba tuổi bé có thể cài khuy áo đơn giản. Hương đòi mặc quần áo và bố-mẹ cũng phải giúp đỡ mới mặc được.

b) Sự chú ý giác quan

Khoảng 4 tuần sau khi sinh nếu ta chú ý sẽ nhận thấy bé có thể tập trung thị giác, đầu tiên chỉ trong khoảng khắc, sau đó lâu hơn. Khoa nhìn vào mắt người nào nghiêng về phía bé và khi đó tay bé ngừng vận động. Hình ảnh của vật trong giây lát đã rơi vào điểm vàng của võng mạc và trong phần vỏ não tương ứng xuất hiện quá trình hưng phấn mạnh. Trung tâm hưng phấn đã gây ra xung quanh nó một giải ức chế; kết quả là những hoạt động còn lại của bé bị ức chế, trước mắt là ức chế động hình của bé.

Ảnh hưởng của chú ý thị giác đến động hình: trong khoảnh khắc khi bé xuất hiện sự tập trung thị giác thì có thể tiến hành giáo dục bé, sự chú ý thị giác có ảnh hưởng nhiều đến việc giáo dục.

Bé Khoa bắt đầu theo dõi vật chuyển động trong thị trường của bé, đầu tiên chỉ trong phạm vi nhỏ. Đến tháng thứ ba bé theo dõi vật chuyển động không phải chỉ bằng mắt mà bằng cả đầu như, như vậy phạm vi đã mở rộng. Đến tháng thứ năm bé theo dõi những vật hấp dẫn bằng cả toàn thân, có khi vươn tới gần để theo dõi. Những vật hấp dẫn kích thích bé bò, đứng và đi. Điều đó chứng tỏ chú ý thị giác ảnh hưởng đến động hình của bé.

Nhiều kết quả nghiên cứu chứng tỏ rằng đến tháng thứ tư bé phân biệt được tốt các màu cơ bản. Bé phân biệt các vật càng dễ nếu các vật khác nhau nhiều và chuyển động, đồng thời bé phối hợp cả thính giác và xúc giác.

Thị giác phát triển quan hệ chặt chẽ với vận động tay. Trước ba tháng bé vận động tay trong tình huống *cảnh giác*, chưa theo dõi được bằng thị giác. Sau ba tháng vận động tay kém đi và bắt đầu theo dõi bằng thị giác. Bé để tay trên mình, hai tay chơi lẫn nhau (hình 8) và mắt quan sát. Bé ngẫu nhiên nhìn thấy đồ chơi treo phía trên, lọt vào tầm nhìn của bé. Dần dần bé muốn nắm vật (đồ chơi), như vậy có liên hệ giữa thị giác và động hình, cụ thể là vận động nắm của bé.

c) Sự phát hiện chiều thứ ba

Khoa cắm vật vào tay, mân mê và bé có kinh nghiệm mới mẻ đối với vật: cảm giác xúc giác liên hệ với cảm giác quang học, kinh nghiệm làm bé phát hiện chiều thứ ba. Trước 9 tháng bé mới nhận thức được mặt phẳng (chiều dài, chiều rộng), sau 9 tháng bé nhận thức được chiều sâu - chiều thứ ba. Cho cái khay vào một hộp không đậy nắp, Khoa cho tay vào lấy ra, bé đã thấy chiều sâu của hộp. Ta thấy rằng sự chú ý thị giác có ảnh hưởng tới sự phát triển lí trí của bé. Ngoài ra thị giác có ảnh hưởng không ít tới tình cảm của bé: Khoa vui mừng khi nhìn thấy mẹ đi từ cửa vào và tỏ thái độ bình thường khi thấy người khác cùng ở vị trí đó.

Trong thập niên 60 của thế kỉ 20, nhà tâm lí học Mỹ Eleanor Gibson đã làm trắc nghiệm về vực thẳm hay tai hoạ và cho rằng bé sơ sinh đã có khái niệm về chiều sâu.

Ông dùng một tấm kính trong suốt đặt trên mặt đất và vẽ những ô vuông da lợn trắng đen rồi để bé lên mặt kính, bên dưới kính là cái hố sâu, để mặt cho bé trườn lê, nhưng đi đến vực thẳm của cái hố dưới tấm kính thì em dừng lại. Theo ông đó là bằng chứng của bé sơ sinh đã có khái niệm về chiều sâu để khỏi phải rơi xuống hố (Science & Avenir tháng 5-1992, Định Công Thành dịch ra đăng ở *Sổ tay nội trợ* tập 20).

Ở đây xuất hiện vấn đề: bé sơ sinh làm sao trườn lê được? Muốn biết bờ phải tới tháng thứ 8, em bé được làm trắc nghiệm trên - theo tác giả - đã phải sang tháng thứ 8 và phát hiện chiều thứ ba (nhanh trước 1 tháng) và đã có phản xạ bảo vệ khi thấy cái hố sâu, như vậy hợp lí hơn.

Phương pháp phát triển thị giác

Năm đầu tiên Khoa hay quan sát người lớn xung quanh mình, bé có khả năng phân biệt người này người khác, vì vậy việc kích thích thị giác, thính giác và tình cảm rất quan trọng. Khi bé thức cần có người bên cạnh để chuyện trò. Hai bé Hương, Khoa thích quay vào mẹ như hoa hướng dương quay về phía mặt trời.

Từ tháng thứ hai cần treo các vật có màu sắc trên nôi (hoặc giường) của bé, trong phạm vi tầm mắt. Nếu có điều kiện thì trang trí màu trên trần nhà (như dán tranh ảnh màu...). Nếu bé từ ba tuần tới ba tháng thì đồ chơi treo cao 70cm cách mặt bé. Tốt nhất là dùng dây nilông treo các vòng có màu sắc. Khi bé thức bố-mẹ đưa các vòng vào tay bé. Đồ chơi nên treo thẳng từ gối lên. Đến tháng thứ năm đồ chơi cần thay đổi luôn, vì bé có phản ứng với những cái mới. Bé chỉ chơi 5-10 phút là chán và do đó cần đổi

mới đồ chơi. Cũng sau 5 tháng cần cho bé đi ra ngoài nhiều: ra phố, công viên, một mặt để thay đổi không khí, mặt khác cho bé tiếp xúc rộng với thế giới xung quanh.

Khi bé 2-3 tuổi cho bé quan sát nhiều hơn: thay đổi cự li xa gần của vật, độ sáng tối khác nhau, màu sắc khác nhau, cho bé vận động nhiều.

• Sự phát triển chú ý thính giác

Tám tuần bé đã có thể phân biệt âm thanh khác nhau: tiếng âm nhạc dễ chịu thì bé hạn chế vận động, yên lặng hoặc ngừng khóc. Nếu cường độ âm thanh lớn bé thở nhanh, mặt nhăn nhó, đôi khi khóc. Bé ba tháng mới có phản ứng khác nhau đối với tiếng động. Sau ba tháng bé đã có khuynh hướng tìm nguồn âm thanh. Phải sau sáu tháng bé mới xác định được đúng đắn hơn nguồn âm thanh từ đâu tới.

Về mặt luyện tập chủ yếu không phải là cho thính giác mà cho bé tập nói nhiều hơn. Bố-mẹ và người lớn khác năng nói chuyện nhiều với bé bằng những lời âu yếm và cho bé nghe từ nhiều phía để nhận biết các nguồn phát âm.

Việc phát triển xúc giác

Đối với người có hai cơ quan xúc giác: da và nước dãi. Ở trẻ em nước dãi là cơ quan xúc giác quan trọng nhất. Bé từ 4 đến 8 tháng tuổi đầu tiên ngậm vật giữ trong tay mình sau đó đưa vào mồm ngậm. Vì vậy việc phát triển xúc giác cho bé khá đơn giản: chọn đồ chơi dễ rửa, nhẵn, bé có thể cho vào mồm được; chú ý đồ chơi có nhiều dạng khác nhau, màu sắc và vật liệu khác nhau.

Đến 2-3 tuổi bé đã nhận biết bằng tay các vật nặng nhẹ, nhẵn, sần sùi, vuông cạnh và tròn cạnh.

d) Động hình

Từ 3 đến 4 tháng khi thức bé nằm ngửa, khi ngủ tay bé nắm lại, để cạnh đầu. Từ 4 tháng trở đi tay bé mở ra nhiều hơn, bé quan sát và nghịch với hai tay mình (hình 8)



Hình 8. Bé từ 1 đến 4 tháng: ba tháng bé có thể đã biết lật, ngẩng đầu cao nếu ta giúp bé chống tay, bé biết nhìn theo, cười; hai tay bé chơi với nhau

Vận động tay chân của bé ở trạng thái dật dật, không có mục đích. Dưới 3 tháng bé chỉ ở trạng thái nằm ngửa. Trên 3 tháng bé đã biết lẫy (lật), hay nói cách khác, bé đã có sự phát triển vận động ở vị trí bụng: bé đã nâng được đầu; đến tháng thứ 5 bé có thể chỉ dựa vào hai tay chống, đầu ngẩng cao. Một vài bé 6 tháng khoẻ mạnh, có thể tự mình làm được “máy bay” bằng hai cánh tay và bàn chân. Tám tháng bé có thể bơi bằng bụng, 9 tháng bò bằng đầu gối. Việc bò bằng hai chân hai tay có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển vận động.

Từ tháng thứ 4 bé đã phát triển được vận động tay: bé trượt tay trên gối, sờ vào gối, thích chơi với cái giỏ con, hai tay nghịch lẫn nhau. Khi 5 tháng bé nằm ngửa, tay thích nắm đồ chơi lọt vào tầm mắt mình (hình 9). Thường xuyên cả hai tay thích sờ vào đồ vật.



Hình 9. Bé từ 4 đến 8 tháng; 4 tháng bé đã có thể ngồi dựa lưng, 6 tháng ngồi được một mình. Đưa cho bé một vật, bé nắm lấy bằng cả 4 ngón tay. Biết trao một vật từ tay này qua tay kia. Khoái bú ngón chân, bắt đầu khám phá và quen với cơ thể bé

Vận động nắm cũng phát triển: cho bé 5-7 tháng chơi những que dài 3cm, bé nắm chắc, ngón tay cái để sát mình. Từ 8-9 tháng ngón tay cái của bé đã ở vị trí độc lập với bốn ngón tay kia. Ta quan sát động hình rõ khi mẹ cho Khoa nghịch khuy (có đường kính khoảng 8 mm); 6-7 tháng Khoa cầm khuy trong lòng bàn tay, 8 tháng cầm khuy bằng ngón cái và ngón trỏ và các ngón khác cũng vận động theo.

Quy luật phát triển vận động

Việc phát triển vận động tuân theo qui luật xác định. Vỏ não điều khiển các bắp thịt dần dần và theo cùng một trật tự: trước tiên ở đầu, xuống gáy, thân, tứ chi, ngón tay và ngón chân.

Trước tiên bé điều khiển bắp thịt trên đầu: vận động mắt theo rơi vật, cười (bắp thịt môi), quay đầu (bắp thịt gáy), quay mình (bụng), đứng dậy (gối), chân, tay và các ngón (chân, tay) hoạt động sau cùng.

Phương pháp phát triển động hình

Bé khoẻ và thoả mãn các điều kiện sinh hoạt thì vận động ổn định: tháng thứ 5 bé nghịch hai tay, tháng thứ sáu bé nghịch đồ vật. Vận động làm chắc bắp thịt, thở sâu, máu tuần hoàn tốt.

Tính chất vận động của bé phụ thuộc vào: loại vận động, trạng thái cơ thể, tâm lí, cách ăn mặc (rộng, chật...), chỗ bé nằm, kích thích bên ngoài. Vì vậy trong giáo dục vận động cần luôn luôn coi trọng trạng thái thể lực và tâm lí trẻ. Khi bé ngủ hoặc khi ốm mới cần cho bé nằm tại giường, còn khi khoẻ cần cho bé chơi ở nhiều chỗ khác.

Thông thường hay dùng đồ chơi để kích thích động hình kết hợp với sự giúp đỡ của người lớn: lúc 3 tháng để đồ chơi gần bé cho bé trông thấy sao cho bé với được, mẹ giúp đỡ thêm.

Bé 7-8 tháng dùng đồ chơi như búp bê, ô tô, đồ chơi càng hấp dẫn càng tốt. Đồ chơi để xa một ít, cho bé trông thấy, sẽ bò đến để lấy đồ chơi... Mẹ cần chú ý động tác chống tay của bé cho đúng.

Việc ngồi, đi của bé đều phải tập luyện (hình 10, 11), chủ động, dùng cho bé ngồi thụ động và dùng đồ chơi, lời nói để kích thích bé. Lúc đầu mẹ phải cầm tay dắt bé Khoa đi khi bé chập chững, dần dần cho bé đứng một chỗ, mẹ đứng xa 1 m và vẫy bé lại.

Bé 12 tháng sự đi đứng chỉ là tượng trưng, phải 2 tuổi mới có bước đi bình thường.



Hình 10. Bé 8-12 tháng. Tám tháng bé đã biết bò, ngồi rất vững, 10 tháng tập đứng lên; mẹ cầm tay dắt bé, rồi bé đi được một mình.

Có thể cho bé lên xuống bậc thềm. Mẹ chú ý cho Khoa đi trên cầu ván nhỏ hoặc có điều kiện thì rủ 5-6 em dắt tay nhau đi thành vòng, đi từng bước, chuẩn bị cho việc học múa, hát ở tuổi mẫu giáo (hình 11). Hết 3 tuổi bé chạy, nhảy vững vàng hơn. Trò chơi có tổ chức như nhảy dây, chui, vượt hàng rào đều có tác dụng phát triển động hình.



Hình 11. Mẹ dắt tay bé tập đi; bé đi được một mình, bé chạy nhảy vững vàng hơn

d) Lời nói và tư duy

Từ tháng thứ hai bé đã biểu thị điều không hài lòng bằng tiếng kêu; tháng thứ ba bé *lắm bắm* theo kiểu của nó; tháng thứ năm bé *thét* lên; tháng thứ bảy bé *bập ọe*: ba ba, a a.

Bé *lắm bắm* biểu thị tâm trạng tốt, tình cảm tích cực. Trong những lúc đó mẹ cần âu yếm nói chuyện với con, cho con bắt chước.

Việc làm cho bé hiểu *lời nói đầu tiên* là điều quan trọng nhất lúc ban đầu. Đó là phản xạ có điều kiện đầu tiên đơn giản có tính chất âm học, quang học và động hình. Khi nhắc lại âm thanh của một từ mẹ cho bé Khoa xem vật. Khi cho Khoa ăn mẹ nói *sữa, sữa*. Khoa quay đầu lại và nhìn thấy bình sữa, dần dần bé sẽ hiểu được từ *sữa*. Phải tới sáu tháng bé mới hiểu được *lời nói đầu tiên*. Mẹ cho Khoa xem đồng hồ báo thức và nói *tích tắc*, sau đó để đồng hồ chỗ khác, hỏi: *tích tắc đâu, con*; Khoa quay đầu về phía đồng hồ và nhìn vào đó. Động tác này cũng không đơn giản và phải làm nhiều lần.

Phương pháp phát triển lời nói tích cực

Trong tập thể các em cần nắm vững ba nguyên tắc phát triển lời nói:

+ Có quan hệ chặt chẽ giữa lời nói của bé và tình cảm lời cuốn; tâm trạng tốt, bé nói nhiều. Không thoả mãn sinh hoạt bé kêu khóc nhiều hơn nói;

+ Nắm vững kịp thời *âm* của bé vừa phát, ôn luyện cho bé;

+ Cần tạo ra tình huống cho bé thích nói và làm cho bé hiểu những vật xung quanh bé, những vật bé dễ phát âm.

Từ tháng thứ bảy trở đi bé mới bắt đầu liên kết các tổ hợp âm thanh nhất định với những ấn tượng mà bé đã nhận được hoặc với hành động trả lời của mình. Mẹ gọi Khoa: *đi lại đây con, lại đây*;

Khoa chìa tay cho mẹ và đứng dậy. Lúc này bé mới hiểu từ và lệnh nói ra không dựa vào sự tri giác chính xác cấu tạo âm thanh của từ và lệnh đó, mà dựa vào chỗ hấp thụ được cấu trúc nhịp độ - âm điệu, vào chỗ nắm được mặt ngữ điệu - diễn đạt của từ và câu do người xung quanh nói ra. Có từ đồng âm từng phần nhưng bé không phân biệt được. Nếu tiếng *tích tắc* của *đồng hồ* làm bé quay lại và chỉ cho bé *đồng tiền kim loại*, ta cũng gõ vào nhau cho có tiếng động nhẹ, ta làm động tác giống nhau thì bé có cùng phản xạ đối với đồng hồ cũng như đồng tiền. Dần dần bé mới tập được cách phân biệt và lặp lại đúng các âm thanh ngôn ngữ. Việc tri giác và tái hiện lại các âm thanh ngôn ngữ được hoàn thiện không phải chỉ trong thời kì bé đi nhà trẻ mà cả trong thời kì mẫu giáo.

Sự phát triển thính giác âm vị, biết phân biệt tinh vi và liên kết các âm vị là điều kiện quan trọng nhất để thông hiểu và sử dụng ý nghĩa của từ.

Những từ có ý nghĩa đầu tiên xuất hiện ở bé vào lúc cuối một tuổi. Bé Khoa gọi những người thân cận *mẹ, bố, bà...*, chỉ vào cái cốc, đôi dép và hiểu ý nghĩa của từ đơn giản đó. Trước khi bé tích cực phát âm các từ, bé tỏ ra thông hiểu ngôn ngữ người khác. Một số em một tuổi chỉ có thể nói được hai ba từ nhưng hiểu được hơn mười từ và có phản ứng đúng với các từ đó. Vốn từ vựng thụ động của bé (số từ bé hiểu được) phát triển nhanh hơn vốn từ vựng tích cực (vốn từ bé tự nói ra được).

Do việc bắt chước ngôn ngữ người lớn, bé nắm được tiếng mẹ đẻ. Trong quá trình giao lưu với người xung quanh bé bắt đầu tách các âm thanh và tổng hợp các âm thanh thành vần, từ và câu.

Lên hai tuổi bé đi một mình được, hoạt động đa dạng với nhiều sự vật xung quanh (hình 12), bé có nhiều nhu cầu mới. Hương cần búp bê, quả bóng, cái kéo..., muốn tắt đèn một mình. Những yêu cầu đó không diễn đạt được bằng tiếng kêu. Để người khác có thể hiểu được, bé phải chuyển sang giao lưu ngôn ngữ với người lớn; muốn trao đổi ý nghĩ phải sử dụng các phương tiện ngôn ngữ. Do yêu cầu tất yếu của thực tiễn, bé tích cực nắm các từ ngày càng mới, làm phong phú vốn từ vựng của mình.



Hình 12. Bé từ 12 đến 18 tháng; hai tay tập sử dụng riêng rẽ; có thể đưa cho ta một vật, nói được những tiếng có nghĩa; biết lật sách, lấy tay chỉ hình trong sách

Lúc đầu bé dựa vào các từ rời rạc để diễn đạt những yêu cầu và mong muốn của mình. Hương cần búp bê chỉ nói *bê*, muốn đi chơi chỉ nói *chơi*. Dần dần bé Hương ghép từ khá hơn: *mẹ ơi, tắt...* và nắm cấu tạo ngữ pháp của tiếng mẹ đẻ.

e) Sự phát triển tư duy

Bé sinh ra chưa có tư duy. Cuối năm thứ nhất mới thấy những biểu hiện đầu tiên của tư duy. Bé đã tích lũy đượ ít nhiều kinh nghiệm bằng cách trực tiếp tri giác sự vật xung quanh. Năm đầu tiên Hương chỉ sờ mó các vật một cách đơn giản, năm thứ hai bé đã xếp vật lung tung (hình 13), chuyển từ cái này sang cái kia.

Hương cho búp bê ngồi lên máy bay, để bao diêm lên đồng khuy và dần dần Hương hiểu được công dụng của các đồ vật như ấm nước, chén, đĩa... Dần dần bé rút ra được những thuộc tính của sự vật, tìm ra được mối quan hệ qua lại của các sự vật đó. Trông thấy đám tang bé cũng bắt chước: bắt con gián chết cho vào bao diêm và đem ra vườn chôn, làm tang lễ cho con gián...

Bé lên hai suy nghĩ chủ yếu về những đồ vật đang tri giác và đang mó máy. Tư duy ở tuổi vườn trẻ còn mang tính chất *trực quan hành động*. Tư duy của bé có thể khái quát độc đáo. Chó, mèo, chuột, Hương đều cho là mèo và gọi chung là *miu miu*. Bé chưa thể phân tích được những đặc điểm có tính chất bản chất, mà thường dựa vào sự giống nhau bên ngoài giữa sự vật và hiện tượng.



Hình 13. Bé từ 2 tuổi đến 2 tuổi rưỡi: thích ném đồ vật có trong tay xuống đất; dùng hai bàn tay: một tay giữ giấy, tay kia cầm bút vẽ nguệch ngoạc; bắt chước mẹ cho gấu bông ăn; biết lật từng trang sách, chỉ hình quả bóng

f) Sự phát triển trí nhớ

Trí nhớ của bé phát triển trong suốt thời thơ ấu. Khối lượng ghi nhớ tăng lên, các quá trình ghi nhớ và tái hiện, biến đổi và được hoàn thiện. Việc phát triển trí nhớ phụ thuộc vào điều kiện sống của bé, vào việc giáo dục.

Ta đều biết ngay từ giữa tháng thứ nhất có thể nhận thấy các phản xạ có điều kiện, đơn giản nhất được hình thành. Ví dụ bé mới sinh được hai tuần, cứ mỗi lần vừa bế ra khỏi nôi, trước khi cho ăn, mẹ cầm hai tay bé, nó bắt đầu nằm yên, môi mấp máy và tìm vú mẹ. Sau đó đến khoảng cuối tháng thứ sáu bé bắt đầu *nhận lại*. Ví dụ hằng ngày mẹ chăm sóc bé (cho ăn, tắm rửa, thay tã...) sẽ tạo ra ở bé phản ứng dương tính. Hai bé Hương, Khoa lúc sơ sinh thường mỉm cười, vỗ tay, phát ra các âm thanh khe khẽ. Việc nhận lại như thế đòi hỏi phải xác lập các đường liên hệ tạm thời vững chắc giữa phản ứng trả lời của bé và tổ hợp kích thích nhất định.

Dần dần phạm vi các sự vật nhận lại được mở rộng ở trẻ. Thời gian giữa hai lần tri giác để có thể nhận lại, được tăng lên. Trong năm đầu chu kỳ đó không quá vài ngày; năm thứ hai chu kỳ đó tăng đến vài tuần. Sau đó là quá trình nhớ lại: bé Hương cố tìm chiếc dép rơi, điều đó chứng tỏ bé có thể nhớ lại sự vật không được tri giác trong lúc này. Bé lên hai thường chỉ nhớ lại cái gì vừa mới xảy ra vài ngày trước đó. Chỉ có ấn tượng thật sâu sắc, được màu sắc xúc cảm thì bé mới ghi nhớ lâu hơn.

g) Sự phát triển tưởng tượng

Trẻ sơ sinh chưa có tưởng tượng. Tưởng tượng hình thành trong quá trình sống, trong hoạt động của trẻ dưới ảnh hưởng của môi trường sống và giáo dục. Muốn phát triển tưởng tượng cần tích lũy kinh nghiệm tương ứng. Bé có được kinh nghiệm nhờ hoạt động chơi đùa, quan sát.

Những hình ảnh tưởng tượng đầu tiên bắt đầu hình thành trên cơ sở những dấu vết của những kích thích cũ trên những tổ hợp

mới của chúng. Tham gia các trò chơi có chủ đề ở nhà trẻ, nghe người lớn kể chuyện, đều góp phần phát triển trí tưởng tượng của bé. Bé Hương lấy que làm thìa, xé giấy vụn làm cơm, cho gấu bông ăn (hình 13), bé đã tưởng tượng việc cho ăn là như vậy. Bé hai tuổi thích nghe những câu chuyện ngắn, thật hợp với các em, với cảnh tượng mà các em đang sống.

h) Sự phát triển tình cảm

Bé sơ sinh mới chỉ có những phản ứng xúc cảm không điều kiện. Khi có tiếng động mạnh, mất thăng bằng, nóng lạnh đột ngột thì bé mới có phản ứng sợ hãi biểu lộ bằng những vận động bảo vệ hoặc khóc. Nếu mẹ quần tã chặt làm Khoa khó vận động, chỗ nằm vướng víu, sẽ gây ra xúc cảm *bực tức* biểu hiện ở chỗ giãy giụa toàn thân, kêu khóc. Âm thanh êm dịu, sự du đưa làm bé hài lòng (xúc cảm tốt), biểu lộ bằng cách nằm yên, vận động điều hoà và miệng *lắm bắm, ọ ọ*.

Bé ăn no, chỗ nằm thoải mái (khô, ấm hoặc mát), thoải mái nhu cầu cơ thể của bé thì tạo ra phản ứng xúc cảm tốt ở trẻ. Đói, tã ướt, tạo ra phản ứng xúc cảm xấu.

Trên có sở những phản ứng xúc cảm bẩm sinh không điều kiện đó mà những phản ứng mới có điều kiện hình thành. Hai bé Hương, Khoa chỉ cần thoáng nhìn thấy hình dáng, thoáng nghe thấy giọng nói của mẹ thì bé bắt đầu có trạng thái tươi vui ngay. Bé ốm, thấy bác sĩ mặc áo bờ lu trắng cho uống thuốc đắng, tạo ra phản ứng xấu. Lần sau chỉ thoáng thấy bộ đồ trắng đó là bé bắt đầu có phản ứng đó rồi.

Với thời gian bé hoạt động, tiếp xúc với người xung quanh, tình cảm của bé ngày càng phát triển phong phú.. Bé không chỉ dừng lại ở sự thoả mãn về ăn uống, chỗ nằm, mà *thế giới mới* của bé ngày càng rộng hơn, tình cảm của bé ngày một phức tạp hơn.

Đầu tháng thứ ba bé có những phút *phức cảm mừng rỡ* do mẹ chăm sóc bé, thoả mãn nhu cầu và âu yếm Khoa.

Gần một tuổi bé cảm thấy vui thích khi nhìn thấy những vật nhiều màu sắc rực rỡ, nghe tiếng nhạc êm dịu, khi thấy đồ chơi mà nó có thể chơi bằng nhiều cách.

Việc phát triển ở bé mối thiện cảm đối với những người thân, thông cảm với những cảm xúc và hành động của những người đó là việc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Mẹ mỉm cười với bé Khoa lúc một tuổi, bé cũng cười theo. Một tuổi rưỡi bé đã biết thích thú khi được người lớn khen. Bé đang ngậm tay, nếu ai cản trở bé, nó sẽ cau có. Như vậy tình cảm không phải chỉ bắt đầu do cái gì dễ chịu hoặc khó chịu gây ra, mà còn do cái tốt hay cái xấu gây ra, cái gì phù hợp hay mâu thuẫn với yêu cầu của những người xung quanh gây ra.

1) Sự phát triển ý chí

Hoạt động của bé Khoa lúc sơ sinh có tính chất không chủ định, gồm các phản xạ không điều kiện (phản xạ bú, phản xạ nắm, các phản xạ bảo vệ...). Sau đó bé có thể điều khiển được các cử động của bản thân, hình thành các kĩ xảo cử động hết sức đơn giản.

Lúc ba tháng bé Khoa nhìn thấy quả lắc nhiều màu, nó vận động toàn thân, chứng tỏ bé hưng phấn: chân tay cựa quậy lung

tung, nhưng không đạt đến một kết quả nào cả. Có lúc bé nắm được cái vòng nhựa màu đỏ và đã có kinh nghiệm ban đầu về việc nắm. Cơ sở sinh lí của những cử động có chủ định - quá trình hình thành những đường liên hệ tạm thời giữa bộ máy phân tích thị giác và bộ máy phân tích vận động.

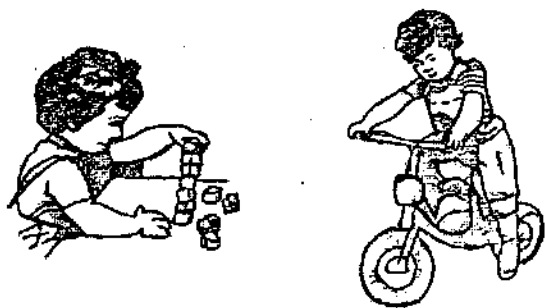
Song song với sự phát triển các vận động chủ định bé điều khiển được cử động của thân mình và chân, rồi bé tập ngẩng đầu, ngồi, đứng, cuối cùng tập đi (hình 14).



Hình 14. Bước từng bước lên cầu thang, biết đi bằng đầu ngón chân; chưa kiểm soát được các cử động nhanh nhẹn, dễ bị ngã; tự đi giày một mình và thường lẫn giày chân này qua chân khác

Trong năm đầu bé cố gắng nhiều trong việc điều khiển bộ máy phát âm. Từ tháng thứ bảy bé tập bắt chước. Đó là một nhân tố có ý nghĩa to lớn trong việc hình thành ý chí. Lúc đầu bé chỉ bắt chước máy móc và sang tuổi mẫu giáo thì có ý thức hơn.

Khoa dùng tay nắm chắc các đồ vật khác nhau: quả lắc, con gấu bông... sau đó sờ mó một cách khéo léo. Bé Khoa tự đi lấy một mình, vượt qua một số khó khăn nhỏ trên đường đi (hình 11, 15).



Hình 15. Bé 2 tuổi rưỡi đến 3 tuổi. Biết cầm viết bằng những ngón tay; có thể xếp chồng lên nhau 7 khối vuông; biết leo một mình lên xe đạp ba bánh và đạp

Lên hai tuổi mẹ có thể dùng lời nói lại đây, ra đây để tạo ra vận động của bé. Những việc làm như vậy góp phần hình thành hành động ý chí của bé.

Lên 3 tuổi vận động của bé phát triển hơn, thích leo trèo (hình 16) lên xuống cầu thang, hành động ý chí của bé mạnh hơn.



Hình 16. Leo cầu thang đã vững vàng, biết vịn tay theo lan can, nhưng vẫn còn đặt hai chân một nấc; biết rót nước từ cốc này sang cốc khác; biết bắt chước đánh răng và rất hạnh diện

k) Trò chơi

Trò chơi là một loại hoạt động đặc trưng sức khoẻ của bé. Đó là một hoạt động tự nhiên xuất phát từ chỗ dư năng lượng, có ý nghĩa quan trọng ban đầu đối với phản xạ thăm dò định hướng của bé.

Việc thực hiện trò chơi phải tuân theo những qui tắc sau:

+ Thoả mãn nhu cầu của trẻ. Bé ốm, đói, mệt, ngái ngủ, vừa ngủ dậy, khóc thì không tổ chức trò chơi. Tổ chức trò chơi ở nơi thoáng mát.

+ Kích thích bên ngoài đủ thuận lợi để gây phản xạ thăm dò định hướng, thiếu điều kiện đó thì năng lượng thừa giải phóng bằng nhịp điệu du đưa.

+ Có phương pháp đúng thực hiện trò chơi. Nếu cô giáo chỉ giới thiệu cho bé thì không thể củng cố được phản xạ của bé, mà phải đưa trực tiếp cho bé nghịch đồ chơi đó và hướng dẫn cho chơi. Trò chơi phải vừa sức trẻ, có giờ giấc.

+ Cần thay đổi trò chơi, đồ chơi cho bé. Kéo dài một trò chơi bé hay chán, mệt.

Sự phát triển trò chơi

Bé khoẻ mạnh, được thoả mãn nhu cầu, bé có hoạt động ổn định. Nếu quần áo không chật khi thức, bé có hoạt động tay chân. Bé 3-4 tháng thì *lắm bầm*. Đối với Khoa thì *lắm bầm* là một loại trò chơi nói. Trước 6 tháng Khoa chơi với hai tay của mình và sau 6 tháng chơi với cả hai chân và không thích chơi với hai tay nữa.

Chơi bằng đồ vật là đặc trưng của trò chơi nhất. Đầu tiên bé nắm chặt trong tay, sờ mó, sau đó đưa lên mồm ngậm. Chơi mãi một vật cũng chán, cần đổi cho bé; đối với vật mới bé tăng cường chú ý và thời gian chơi kéo dài. Từ 7 tháng trở đi bé nghịch đồ chơi với cùng một động tác: chuyển từ tay nọ sang tay kia, đưa lên mồm ngậm, đặt xuống giường.

Sau khi bé có khả năng nhận thức chiều thứ ba (sau 9 tháng), mẹ cho bé chơi đồ chơi có hình khối nhỏ (*hình 15*); khoảng 1 tuổi cho chơi đồ chơi xây dựng: thanh, miếng gỗ nhỏ làm nhà... Từ tháng thứ 7 khi cho bé dùng đồ chơi mẹ cần nói thêm bằng lời, chuyện trò và làm động tác hướng dẫn cho bé, nhất là những trò chơi vận động.

Khoảng 1 tuổi bé có thể chơi trò chơi tập thể: giữa bé và người lớn hoặc giữa các em với nhau, nhất là những trò chơi vận động.

1) Những nhiệm vụ chủ yếu trong giờ học trò chơi vận động của trẻ 24-36 tháng

Ở trẻ 3 tuổi không có vận động nào mới xuất hiện mà nhiệm vụ chủ yếu của cô giáo là hướng dẫn và rèn luyện cho trẻ hoàn chỉnh những vận động đã có. Điều này chỉ có thể thực hiện được bằng cách tiếp tục phát triển việc phối hợp động tác, các cử động giữa các nhóm cơ được phát triển.

Bé thường được hướng dẫn, nghe theo tín hiệu để thay đổi tư thế vận động như: biết cúi xuống để chui qua vòng, gậy (trong các trò chơi *chui vòng, gậy; tàu hoả chạy*); biết chuyển dần trọng tâm cơ thể từ chân này sang chân kia trong cử động đi, chạy (trong trò chơi *đi thẳng hàng, đi trên ghế, bước qua gậy*) biết

khéo kết hợp quay vòng và nghiêng người khi *bước qua gậy*; khi rẽ trái hay phải (trong trò chơi *lái ô tô...*).

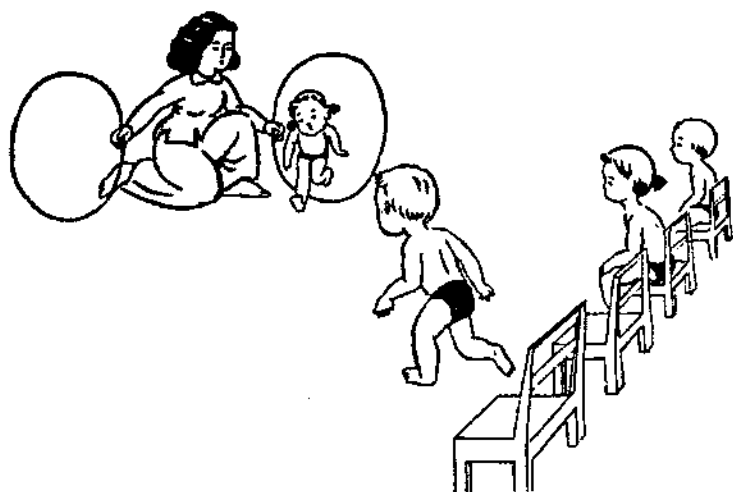
Việc phối hợp động tác không chỉ thể hiện ở sự kết hợp cử động của tay với các ngón tay, giữa các nhóm cơ của từng trẻ, mà còn thể hiện bằng sự phối hợp phức tạp, giữa các động tác của bé này với bé khác (sự phối hợp tay chân giữa hai trẻ trong trò chơi *chạy xếp vòng*).

Bên cạnh nhiệm vụ hoàn chỉnh những cử động đã có còn phải làm cho trẻ khoẻ mạnh, nhanh nhẹn, hoạt bát, vui tươi; phát triển trí tưởng tượng, trí nhớ, làm giàu thêm tiếng nói và năng lực suy nghĩ của trẻ, đồng thời mở rộng vốn hiểu biết và cách quan sát các sự vật xung quanh trong đời sống. Cần dạy trẻ yêu thích cái đẹp, thói quen văn minh, vệ sinh, giữ cho trẻ khỏi ốm đau, nâng cao thể lực để có khả năng chống lại những điều bất lợi trong môi trường sống.

Nhiệm vụ tiếp theo mà cô giáo không thể không lưu tâm tới là sân bãi, dụng cụ cho trẻ tập luyện; không những chỉ chuẩn bị đầy đủ về số lượng mà cả chất lượng, hình dáng, kích thước, dụng cụ sử dụng trong trò chơi vận động, phải phù hợp với lứa tuổi và cụ thể của từng bài; phải giữ gìn dụng cụ sạch sẽ và vệ sinh. Ta hãy lấy trò chơi *chui vòng* làm ví dụ.

Mục đích: Rèn luyện cho trẻ tính khéo léo, nhanh nhẹn; giáo dục cho trẻ ý thức chơi tập thể, tôn trọng kỉ luật và trật tự.

Chuẩn bị: Mỗi nhóm trẻ chuẩn bị có hai vòng (*hình 17*) (vòng làm bằng mây, song, tre), đường kính khoảng 50-60cm. Trẻ ngồi thành hàng ngang trên ghế hoặc đứng thành một hàng dọc đối diện và cách cô giáo cầm vòng từ 2 đến 3m.



Hình 17. Trò chơi chui vòng

Cách chơi: Từng trẻ lần lượt chạy lên chui vào vòng (chui vào vòng bên phải hay bên trái cũng được), tiếp tục chạy vòng sau lưng cô để chui vòng thứ hai rồi trẻ về xếp cuối hàng.

Số lần chơi: mỗi trẻ được chơi từ 5-6 lần và giữa các lần chơi cho trẻ nghỉ từ 30 giây đến 1 phút.

Phương pháp hướng dẫn: Trẻ mới tập nên cho chơi từng em một. Sau khi các em nắm được thành thực kĩ thuật chơi, mới cho chơi tập thể. Khi chơi yêu cầu các em cố gắng chui không để cho người chạm vào vòng.

4. Bé ở tuổi mẫu giáo

Rời khỏi nhà trẻ lúc ba tuổi, Thu Hương đi học Trường Mẫu giáo Mầm non B cho tới 6 tuổi. Cả hai giai đoạn này đều quan trọng đối

với bé Hương. So với tuổi nhà trẻ bé đã *trưởng thành* nhiều mặt: hiểu biết, tưởng tượng, trí nhớ, chú ý, chơi đùa, khéo tay.

a) Chế độ sinh hoạt

Ở tuổi này ta vẫn rất cần coi trọng chế độ sinh hoạt của trẻ như ăn, ngủ, chơi đùa.

Giấc ngủ: Trẻ cần ngủ 12-14 giờ hằng ngày; nhiều em sau ba tuổi không muốn ngủ trưa; cần cố gắng cho các em ngủ, nếu không cũng phải giữ yên lặng. Sau khi ăn cơm chiều xong, xem tivi, sau đó bé cần ngủ đúng giờ; chỗ ngủ cần thoáng mát.

Ăn uống: Có điều kiện cho bé ăn 4 bữa mỗi ngày và tự túc sử dụng dụng cụ như thìa, đũa, nhất là khi bước vào tuổi thứ năm. Tạo tập quán cho bé ăn tại bàn cố định. Khi ăn đều mời chào cô giáo, các bạn cùng lớp; cha mẹ, anh chị em; giữ sạch sẽ khi ăn.

Mặc: Tuổi mẫu giáo bé có thể tự mặc quần áo lấy, đi giày dép. Bé có thể tự rửa tay chân, đánh răng lấy, tự đi vệ sinh một mình.

b) Động hình

Bé ba tuổi đi đã vững (*hình 14, 15, 16*); bố mua cho Hương xe đạp ba bánh, bé đi được. Hương đóng mở được khuy áo, cầm bút chì vẽ nguệch ngoạc (*hình 13*).

Khi Thu Hương 4 tuổi đã trở tài đứng một chân khá lâu cho bố-mẹ xem. Bé thích lên xuống thang gác, biết sử dụng bàn chải đánh răng (*hình 16*), mở máy thu hình, radiô-caxét. Hương hay bị bố-mẹ mắng vì dùng phấn vẽ đầy nhà, bé *tự túc được trong vệ sinh (đại tiểu tiện)* do mẹ huấn luyện bé.

Tuổi này cần cho bé đi tham quan nhiều: tham dự các trò chơi như du quay, đi máy bay, trượt cầu... Những trò chơi đó đều có tác dụng phát triển động hình.

Giúp đỡ gia đình: Bé thích bắt chước người lớn làm như nấu bếp, giặt, là, dọn dẹp, làm vườn. Hương cùng bố-mẹ đi dự đám cưới, khi về nhà cũng thích làm cô dâu, bắt vài bạn đóng vai phù dâu. Dựa vào sự bắt chước đó mẹ có thể hướng dẫn cho con làm một số việc vặt trong gia đình, tạo tập quán tốt.

Đến 4 tuổi Hương đã phân biệt sử dụng hai tay: 75% các em thuận sử dụng tay phải, khoảng 19% tay trái và còn lại các em sử dụng cả hai tay. Bố-mẹ và cô giáo cần chú ý điểm này vì ảnh hưởng trực tiếp đến việc cầm bút sau này. Cố gắng tập cho các em thuận tay phải, vì nếu để sử dụng tay trái quen thì sau này rất khó sửa.

Cần cho bé hoạt động nhiều ở tuổi mẫu giáo, các em sẽ hiểu biết sớm và có nhiều kinh nghiệm.

c) Sự phát triển cảm giác và tri giác

Đến tuổi mẫu giáo các bộ máy thu nhận kích thích bên ngoài đã được hình thành đầy đủ nhưng không có nghĩa rằng cảm giác của bé không phát triển nữa. Không những thế trong lứa tuổi này cảm giác tiếp tục hoàn thiện mau chóng nhờ sự phát triển và phức tạp hoá hoạt động của bộ máy phân tích trung ương. Do đó độ nhạy cảm được nâng cao, việc phân tích các thuộc tính của sự vật và hiện tượng xung quanh tinh tế hơn.

Hệ thống tín hiệu thứ hai ngày càng tham gia nhiều hơn vào quá trình phân tích làm cho cảm giác trở nên chính xác hơn và đồng thời làm cho cảm giác có tính chất tự giác.

Các cảm giác nhìn, nghe cũng như cảm giác da và vận động được phát triển mạnh đối với bé 3-7 tuổi. Rèn luyện giác quan tức là tích cực phát triển cảm giác ở trẻ là một trong những nhiệm vụ của cô giáo mẫu giáo vì cảm giác là nguồn duy nhất trong nhận thức thế giới xung quanh. Trong chương trình học mẫu giáo có học hát, vẽ, nặn, xây dựng đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển cảm giác.

Sự phát triển cảm giác nhìn

Ở tuổi mẫu giáo cảm giác nhìn phát triển ở mức độ nhìn tinh: các vật xa, gần, xanh, đỏ... bé Hương phân biệt được. Tuy nhiên bé mẫu giáo nhỏ nhìn chưa tinh bằng bé mẫu giáo lớn. Muốn luyện sự nhìn của bé cần dùng hình thức sinh động như: đồ bé nhận xét hai đôi giày, dép trẻ em khác nhau thế nào, vật đặt xa bé. Khi luyện tập tránh làm cho bé mỏi mắt hoặc vật để sáng quá. Khi luyện tập cần chú ý xem bé có bị các tật của mắt không như cận thị... có như vậy đánh giá mới chính xác.

Mẹ cho bé Hương vẽ, nghịch các bút chì màu, càng nhiều màu càng tốt, cắt đường viền màu ở các tranh vẽ, xem các hoạ báo thiếu nhi như *Sơn tinh*, *Thủy tinh*; *Câu chuyện của bé Bơ*; *Ba cô gái...*, bé rất thích và là phương pháp tốt để phát triển tri giác màu.

Có một số rất ít trường hợp bé bị hồng thị giác màu, không phân biệt được màu này, màu khác.

Sự phát triển cảm giác nghe

Trong tuổi mẫu giáo độ nhạy cảm thính giác tiếp tục phát triển. Có điều đáng chú ý là *độ thính tai* của các em rất khác

nhau. Em nào có độ nhạy cảm thính giác thường có khiếu về âm nhạc.

Cô giáo cần kiểm tra độ nhạy cảm thính giác của trẻ. Điều này cần tinh ý và tỉ mỉ vì không dễ dàng nhận thấy bé kém nghe. Có khi bé kém nghe thật nhưng nhờ mắt nhìn của bé, thái độ, môi mấp máy của người nói bé cũng có thể đoán được, do đó cô giáo không phát hiện được tai bé nghe kém.

Nếu bé nghe không rõ thì ảnh hưởng ngay đến việc phát triển ngôn ngữ. Cần luyện cho bé tập nghe những âm thanh khế mà không thể phối hợp với thị giác được và cũng không phỏng đoán được. Những tiếng ồn ào, hò hét liên tục làm các em mệt mỏi và không bổ ích gì cho việc luyện tập thính giác. Trẻ em vốn hiếu động, thích ồn ào nhưng vẫn có thể dạy các em giữ im lặng trong một khoảng thời gian để luyện thính giác.

Sự phát triển cảm giác vận động và cảm giác da

Trong tuổi mẫu giáo cảm giác vận động phát triển rất mạnh. Các vận động của bé tinh vi và chính xác hơn. Bé Hương ở tuổi mẫu giáo thực hiện những cử động lớn dễ dàng như chạy, nhảy, múa, nhưng cử động nhỏ đòi hỏi chính xác lại khó: viết, khâu kim, vẽ. Điều đó chứng tỏ rằng hoạt động của bộ máy phân tích vận động ở lứa tuổi đó chưa đạt mức độ hoàn chỉnh. Bé đã phân biệt được vật nặng, nhẹ có phần chính xác hơn. Việc đánh giá khối lượng vật phụ thuộc vào mức độ chính xác của cảm giác vận động và một phần cảm giác da.

Cho bé tham gia các trò chơi vận động (chạy, nhảy, múa), tập vẽ, nặn, xây dựng, lao động đơn giản... đều có tác dụng lớn trong việc phát triển cảm giác vận động.

Xúc giác bé ngày một chính xác hơn. Khẽ đụng vào người bé Hương, nó cũng nhận ra. Cho bé chơi nhiều đồ chơi, nghịch nhiều thứ làm xúc giác phát triển. Cho bé Hương nhắm mắt, mẹ đưa quả vải, quả ổi, bé sờ và nhận ra, không cần đưa lên mũi ngửi; tất nhiên trong thực tế bé đã biết các quả đó từ trước.

Sự phát triển tri giác

Song song với cảm giác, tri giác cũng phát triển mạnh. So với thời kì ấu nhi, Thu Hương ở tuổi mẫu giáo đã hiểu biết nhiều. Bé đã phản ánh sự vật và hiện tượng xung quanh chính xác và chi tiết hơn. Bé chăm chú quan sát sự vật, tay mân mê. Rõ ràng là bé đã quan sát có mục đích, có ý thức các sự vật. Mẹ bảo Hương tìm trong tranh chiếc dép rơi của một em trong bức tranh, Hương chăm chú tìm và cuối cùng nhận ra. Như vậy bé đã nghiên cứu, xem xét và chú ý đến điều mẹ nói. Hương được bố-mẹ cho đi chơi nhiều nơi: khi đi công viên Thủ Lệ xem thú, lúc đến công viên Thống Nhất đi máy bay, đến bà Oanh leo thang sắt, nay lại nhà bác Hưng có đồ vật này, mai lại nhà bác Huy có đồ vật khác... do đó bé tri giác được nhiều.

Những hoạt động tạo hình như vẽ, nặn, xây nhà có tầm quan trọng trong việc phát triển tri giác của bé. Qua việc tạo hình bé có thể biết được tri giác của mình có đúng hay không.

Cho Hương vẽ người lúc bé năm tuổi, bé vẽ mặt người, sau đó vẽ tay chân mọc từ đầu ra (hình 18).



Hình 18. Thu Hương vẽ người lúc bé 5 tuổi

Xem xét những hình vẽ của trẻ em, người ta đã nhận thấy trẻ thường chỉ ghi những chi tiết đối với chúng có ý nghĩa thôi, bỏ hết những chi tiết chúng cho là vô vị. Nói đúng hơn chúng không thấy những chi tiết ấy. Vẽ con người như hình 18 chỉ có mặt, tay chân, còn thân mình thì không có; vì thân mình không như những bộ phận kia có những cơ quan cử động, nói, mắt lấp lánh... làm cho chúng lưu tâm đến.

Trẻ em không bao giờ có ý kiểm tra xem ý nghĩ của mình có hợp với sự thực không; ý nghĩ là sự thực. Trong trí chúng, kinh nghiệm và tình cảm ghi lại những loại hình, nghĩa mỗi loại vật có nhiều biểu tượng chung, chúng thấy các loại hình ấy, chứ không nhận ra được một cách rõ ràng sự thực trước mắt, tức là những đặc tính của mỗi vật. Những ý nghĩ luôn luôn lẩn át lên sự thực.

Cuối tuổi mẫu giáo lớn Hương vẽ người chính xác hơn: có đầu, thân mình, rồi mới vẽ chân tay. Việc học tập bằng tranh vẽ rất quan trọng trong việc phát triển tri giác ở tuổi mẫu giáo.

Song song với sự phát triển tri giác nhìn, tri giác sờ mó, tri giác nghe cũng phát triển.

Tri giác sờ mó hình thành trong sự liên kết các cảm giác da và vận động, được hoàn thiện trong hoạt động của bé với các sự vật và do điều kiện giáo dục. Em bé 6-7 tuổi cầm một vật trong tay khác hẳn với em bé 2-3 tuổi chỉ nắm chặt vật trong tay mà thôi, chưa thể biểu hiện sự phát triển tri giác sờ mó được.

Học nhạc, múa theo điệu nhạc, nghe băng caxét ở tuổi mẫu giáo đều giúp cho tri giác nghe phát triển tốt.

d) Sự phát triển chú ý

Ở tuổi mẫu giáo sự chú ý *không chủ định* phát triển mức độ cao. Bé luôn luôn xuất hiện những hứng thú mới, tham gia vào những hoạt động mới làm cho bé phải chú ý tới thực tế mà trước đây bé không để ý đến. Bé chú ý lâu hơn, kiên trì làm một việc gì đó: Hương gấp thuyền, dùng hết tờ giấy này đến tờ giấy khác không chán; xếp hình bằng que diêm cũng vậy, mẹ bảo thôi, đi rửa tay cũng không nghe. *Khối lượng chú ý* cũng tăng lên: vào vườn Bách thú Hương có nhận xét nhiều con vật ở cùng một chuồng và có nhiều chuồng khác nhau với những con vật khác nhau.

Trong lớp cô giáo đã cho các em làm quen với thực tại xung quanh: xem bể nuôi cá cảnh, nhà gác có cầu trượt bằng nhựa, đi xem vườn hoa Tao Đàn... cô đã kích thích trẻ phản ánh tích cực thực tế tự nhiên, xã hội. Bé thích thú những buổi hoạt động tạo hình, bé tập trung chú ý các vật một cách không chủ định.

Những chú ý không chủ định phát triển cao ở tuổi mẫu giáo thì *chú ý có chủ định* của các em mới chỉ bắt đầu hình thành. Một mẫu thuẫn mới xuất hiện ở bé Hương: một mặt bé hay có chú ý không chủ định, một mặt bé phải hoàn thành những việc cô giáo giao, tham gia vào những trò chơi tập thể như nhảy múa... để cuối buổi nhận được *phiếu Bé ngoan*. Điều kiện đó trong lớp mẫu giáo và sinh hoạt gia đình đã góp phần hình thành chú ý có chủ định.

Chú ý phụ thuộc vào tính chất của nhiệm vụ đề ra cho bé. Độ bền vững của chú ý có chủ định ở trẻ tuổi mẫu giáo trong các *trò chơi học tập thú vị* cao hơn độ bền vững của chú ý khi thực hiện những bài tập có tính chất giả tạo ít hứng thú đối với bé.

Việc điều khiển chú ý có chủ định đòi hỏi phải có kỹ năng buộc chú ý phục tùng nhiệm vụ đã đề ra, đó là tài nghệ của cô giáo, làm sao cho từng em hình dung rõ ràng cái gì cần làm từ trước.

Cho bé Hương xem tranh vẽ nhóm trẻ đang chơi đùa, trong số đó có một em đánh rơi dép, chiếc dép ở xa các em. Nhiệm vụ của bé Hương là tìm ra em đó và xem chiếc dép rơi ở đâu. Việc đó đòi hỏi phải chú ý xem tranh. Đối với bé Hương lúc đầu và giữa tuổi mẫu giáo là điều khó.

Độ bền vững của chú ý có chủ định ở trẻ, tính mục đích và tính hệ thống của việc tìm tòi ở trẻ được nâng lên trong trường hợp cho bé xem qua hình vẽ (từng tranh riêng một) chiếc dép bị rơi và nhờ vậy tạo ra cho bé biểu tượng về sự vật cần phải tìm.

Tuỳ theo mức độ phát triển của trẻ mà ngôn ngữ, hệ thống tín hiệu thứ hai giữ vai trò ngày càng lớn trong việc hình thành ở trẻ biểu tượng sơ bộ về nhiệm vụ đã đặt ra.

Để tập luyện chú ý của trẻ trong quá trình quan sát những hiện tượng phức tạp nào đó hoặc khi lao động, cô giáo cần giải thích, hướng dẫn cái gì cần phải xem, sự vật đang tri giác có những đặc điểm gì, phải đạt những kết quả gì trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Thực ra bé Hương cũng như nhiều em khác, rất hay quên những điều cô nói, bỏ qua nhiệm vụ của mình, vì vậy việc điều chỉnh chú ý của bé một cách có chủ định bị phá huỷ. Cô giáo dùng biện pháp cho cả lớp nhắc to lại lời hướng dẫn đã nói với trẻ để khắc phục nhược điểm đó. Bé nói ra thành tiếng lời hướng dẫn tức là đã tự tăng cường ảnh hưởng của lời hướng dẫn đối với quá trình chú ý và nhờ vậy có thể điều khiển quá trình đó phù hợp với nhiệm vụ đã đề ra cho trẻ.

Khi Thu Hương xem tranh thường nhìn lung tung, chuyển từ phần này sang phần khác trong bức tranh, hoặc dừng lại lâu ở một chi tiết thứ yếu như đôi guốc trong tranh. Hương chưa thể để ý đến các đặc điểm trong bức tranh. Mẹ phải dùng lời hướng dẫn và nhấn mạnh đặc điểm bản chất trong bức tranh, ví dụ: bé đang chơi đùa quay thành vòng tròn trong tranh.

Ban đầu chú ý có chủ định của bé ở tuổi mẫu giáo rất không bền vững, người lớn cần tổ chức hoạt động cho bé, xác định rõ ràng nhiệm vụ để ra cho các em.

Cô giáo Thuỷ kể rằng: cô đã thay đổi vị trí đồ chơi trong lớp sau khi các em về. Hôm sau cô cho các em nhận xét xem có gì thay đổi trong lớp không thì ít em nhận ra sự thay đổi đó. Chỉ cần làm những thay đổi nhỏ trong cách xếp đặt trong lớp, với sự hướng dẫn của cô giáo, dần dần tập cho trẻ chú ý có chủ định.

Bé Hương lúc 5 tuổi đã có nhiều biểu hiện chú ý có chủ định đặc biệt về mặt quan hệ xã hội, bé có nhiều nhận xét tinh tế. Bé đã hỏi bố-mẹ: tại sao người này gọi bằng bác, người kia gọi bằng dì, bằng cô...

Việc tham gia các trò chơi tập thể có luật lệ, học tập bắt buộc có ý nghĩa quan trọng trong việc rèn luyện kỹ năng tập trung chú ý của trẻ.

Cần chú ý rằng trong tuổi mẫu giáo chú ý không chủ định có liên quan với hứng thú trực tiếp của bé, làm cho bé tiếp thu tốt tri thức và kỹ năng cần thiết.

Khi học lớp 1 chú ý chủ định được tiếp tục phát triển do ảnh hưởng của giáo dục nhà trường.

d) Sự phát triển trí nhớ

Mẹ giới thiệu cho Hương xem truyện tranh *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, bé rất thích. Mẹ bảo Hương tìm trang *Thủy Tinh* dâng nước làm lụt để đánh *Sơn Tinh*, Hương tìm rất nhanh và chỉ từng hình vẽ, nó tự thuyết minh được cho bố-mẹ nghe. Sau đó Hương dấu rất kĩ cuốn sách này trong đồng sách báo của mẹ. Lúc nào thích Hương lại nhớ đúng chỗ và lấy ra rất nhanh. Như vậy trí nhớ của Thu Hương ở tuổi mẫu giáo nặng về tính chất *không chủ định*.

Bé ghi nhớ điều gì có ý nghĩa quan trọng trong đời sống, trong hoạt động của bé, cái gì nó thích thú, cái gì gây cho bé ấn tượng mạnh và rõ rệt. Hương không tự đặt cho mình nhiệm vụ ghi nhớ gì cả. Nếu người lớn đặt ra cho bé Hương lúc 3-4 tuổi phải ghi nhớ một cái gì đó thì sẽ không có kết quả. Mẹ đưa cho bé Hương quyển tranh ảnh, hộp đồ chơi, chữ số, bé nhớ rất lâu vì Hương thích thú với những loại đó. Nhưng sau khi cho bé các vật đó rồi đặt yêu cầu bé phải nhớ, như số 3, số 8 trong hộp đồ chơi chữ số thì Hương chẳng nhớ gì cả.

Muốn cho bé nhớ kĩ một tài liệu nào đó thì cần tổ chức cho bé hoạt động với tài liệu đó. Kết quả nghiên cứu cho biết rằng: bé càng tích cực hoạt động với đồ vật cần ghi nhớ thì kết quả ghi nhớ không chủ định càng cao, và các đồ vật ấy càng có vai trò quan trọng hơn trong hoạt động của bé. Chẳng hạn các em mẫu giáo khi tích cực hoạt động với tranh ảnh, sắp xếp tranh theo nhóm... thì nhớ những tranh ấy tốt hơn hẳn những em nào chỉ xem tranh không thôi.

Hôm thứ bảy tuần trước Hương đi dự đám cưới cùng với bố-mẹ. Sau năm ba ngày bé có thể tường thuật được những điều mà

bé đã thấy trong đám cưới; bé hồi tưởng khá tốt, nhất là nhân vật cô dâu, chú rể, đặc biệt - cô dâu - Hương quan sát kĩ. Như vậy hồi tưởng của bé có tính trực quan, hình tượng. Bé hình dung sự vật được hồi tưởng một cách sinh động.

Bên cạnh trí nhớ không chủ định, ở giữa tuổi mẫu giáo trí nhớ có chủ định đã bắt đầu nảy nở, đó là mầm mống của ghi nhớ và tái hiện có chủ định. Nguyên nhân xuất hiện những mầm mống đó vì hoạt động của các em ngày một phức tạp và do yêu cầu học tập trong lớp mẫu giáo.

Lúc đầu tính chất của ghi nhớ có chủ định của bé ở tuổi mẫu giáo chưa hoàn chỉnh, nó chưa nắm được các biện pháp ghi nhớ, chưa biết cần phải làm gì để ghi nhớ tốt hơn. Cô giáo mẫu giáo có trách nhiệm lớn trong việc giáo dục các em phát triển loại ghi nhớ này. Sự phát triển trí nhớ có chủ định có ý nghĩa quan trọng đối với việc chuẩn bị cho trẻ em vào học ở trường tiểu học.

e) Sự phát triển tưởng tượng

Ở đầu tuổi mẫu giáo trí tưởng tượng của trẻ em rất bị hạn chế, một mặt có tính chất tái tạo thụ động và mặt khác không có tính chủ định. Do ảnh hưởng của việc giáo dục trong lớp mẫu giáo, kinh nghiệm sống của trẻ ngày một nhiều và ngày càng có yêu cầu cao về hoạt động, nên tưởng tượng của bé không ngừng phát triển về số lượng và chất lượng.

Đặc điểm tưởng tượng của bé Hương lúc này có tính chất sáng tạo. Chị Ngọc nói sẽ đem thỏ về nhà nuôi, bé chưa trông thấy thỏ bao giờ nhưng tự mình cũng bắt chước làm như thỏ, Hương mô tả thỏ có bốn chân, hai tai, có đuôi, mắt, mũi, mồm tương tự như

mèo. Như vậy tưởng tượng của bé Hương lúc này ít phụ thuộc vào cái đang tri giác trực tiếp. Trong nhiều tưởng tượng của bé có tính chất mục đích, chủ định rõ rệt.

Nhưng bé Hương vẫn còn lẫn lộn giữa cái tưởng tượng và cái có thực. Hương nghịch dao, mẹ mắng, nó khóc và nói là mẹ đánh; Hương tưởng tượng mẹ đánh, thực ra mẹ không đánh. Nhiều người tưởng rằng bé nói dối, nhưng thực ra không phải thế mà chỉ lẫn lộn giữa tưởng tượng và thực tại; chưa biết cái gì là tự nghĩ ra, cái gì là có thực.

Tưởng tượng của bé thường gắn liền với điệu bộ tay chân: Hương tưởng tượng lúc đi máy bay ở công viên Thống Nhất, nó giang hai tay, miệng thổi *phù phù* ... Bé không thể ngồi yên để tưởng tượng như người lớn được. Muốn tưởng tượng tốt bé phải hoạt động nhiều: chơi, vẽ, xếp sắp, xây dựng, kể chuyện... Việc xem truyện tranh, vô tuyến, xem kịch, múa rối, xiếc... đều giúp ích cho việc tưởng tượng rất tốt.

f) Sự phát triển ngôn ngữ

Hương có một vốn từ khá phong phú so với thời kì ở nhà trẻ. Cấu tạo âm thanh của ngôn ngữ đã được hoàn thiện hơn, tuy nhiên Hương vẫn còn hơi ngọng một vài vần như *th*, nó gọi con *tỏ* (*thỏ*), bé biết dùng thực tế ngữ pháp tiếng mẹ đẻ. Bé có khả năng nắm 3000-4000 từ khi bảy tuổi và thường gặp khó khăn khi phát âm phụ âm *r* và đôi khi lẫn lộn giữa *l* và *n*. Việc tiếp xúc với người xung quanh, tham gia hoạt động với các bạn cùng tuổi rất quan trọng trong việc phát triển ngôn ngữ. Các buổi phát thanh, truyền hình dành cho các em mẫu giáo cần cho bé nghe, xem vì rất thiết thực trong việc phát triển ngôn ngữ. Việc hoàn

thiện ngôn ngữ liên quan chặt chẽ với sự phát triển tư duy của bé và đặc biệt là liên quan với sự chuyển biến từ tư duy trực quan-hành động sang tư duy có lập luận logic. Hình thức tư duy này bắt đầu hình thành trong lứa tuổi mẫu giáo. Tất cả những cái đó kích thích bé nắm được các phương tiện ngôn ngữ, chuyển sang các hình thức mới, việc phát triển bằng từ phức tạp hơn.

Khác với tuổi còn ở nhà trẻ, bé Hương hiện giờ có thể mô tả tường thuật sự vật mà không cần tri giác cụ thể. Mẹ kể chuyện *Ba cô gái* bé có thể tường thuật được. Bé học tiếng nói, ngôn ngữ thông qua thực tế tiếp xúc, không phải học theo qui tắc ngữ pháp như ở trường tiểu học hay trung học. Bố-mẹ công tác ở nước ngoài, đem bé đi theo gửi nhà trẻ, mẫu giáo của nước đó; sau một thời gian bé cũng hiểu và nói theo các em ở nhà trẻ, trường mẫu giáo đó. Bé học thực hành ngoại ngữ rất nhanh, chẳng cần biết văn phạm ra sao.

Cùng với việc tích lũy kinh nghiệm giao lưu ngôn ngữ, ở bé đã hình thành những khái quát ngôn ngữ kinh nghiệm không có ý thức, hình thành tình cảm ngôn ngữ. Cơ sở sinh lí của tình cảm ngôn ngữ là động hình, hình thành dưới ảnh hưởng của kinh nghiệm giao lưu ngôn ngữ với người xung quanh. Động hình đó là hệ thống những đường liên hệ tạm thời (trong đó là các đường liên hệ khái quát hoá). Đó là những đường liên hệ tạm thời giữa các kích thích ngôn ngữ hình thành phù hợp với những đặc điểm ngữ pháp của ngôn ngữ.

Trong quá trình giao lưu với người lớn, sau khi nắm được một số từ nhất định, bé trong tuổi mẫu giáo bắt đầu tạo ra những từ hoàn toàn mới không có trong từ vựng của người lớn. Nhưng khi

nắm được tình cảm ngôn ngữ bé làm việc đó theo tinh thần và qui tắc của bé. Bé Hương thường hay nói *đố đố, đố phải*, không ai hiểu bé sáng tạo từ lúc nào và nghe bọn trẻ nói chuyện với nhau thì vỡ ra rằng *đố* có nghĩa là *không*.

Cách vận dụng tích cực các từ có tính chất trò chơi ngôn ngữ độc đáo như vậy có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển ngôn ngữ của bé và trong việc hình thành tình cảm ngôn ngữ.

Tất nhiên ở tuổi mẫu giáo bé nói ra từ nào là hiểu ngay từ đó, nhiều từ mà Hương không hiểu nghĩa. Nhiệm vụ cô giáo mẫu giáo là giải thích cho các em hiểu từ và nghĩa luôn. Đầu tuổi mẫu giáo các em nói chủ yếu về điều đang tri giác ở thời điểm đó. Nhưng khi mẹ kể chuyện theo sách có tranh *Sơn Tinh, Thủy Tinh* thì Hương chú ý hình vẽ trong tranh nhiều hơn là nội dung câu chuyện.

Bé 3-4 tuổi chưa phát âm thạo vì chưa thể điều khiển được bộ máy ngôn ngữ của mình và mặt khác thính giác ngôn ngữ phát triển chưa đầy đủ.

Bé 5-6 tuổi ngôn ngữ có nội dung phong phú hơn và có cấu tạo phức tạp hơn của các em nhỏ. Từ vựng của bé tăng lên rất nhiều. Bé có thể mô tả điều đã qua, tường thuật một số sự việc, hiện tượng. Hương có thể liên hệ câu này với câu kia, làm cho việc mô tả sự vật, hiện tượng đúng đắn và sinh động hơn. Sự thay đổi trong cấu tạo ngôn ngữ như vậy gắn chặt với sự xuất hiện tư duy có suy luận logic.

Bé 7 tuổi ngôn ngữ tiếp tục phát triển, do việc giao lưu với người xung quanh, với các bạn cùng tuổi. Việc giao lưu đó làm

cho vốn từ của bé phong phú và nắm được những vấn đề ngữ pháp của tiếng mẹ đẻ.

Bé Hương hay dùng những từ như *bởi vì, để mà, tại sao*; nói lên nguyên nhân, mục đích và câu hỏi. Nhiều khi bé dùng từ *rất đắt chữ*, Hương nói với anh Phương : Anh muốn lấy kẹo cứ *nói thẳng* với chị Ngọc, chị ấy sẽ cho; có nhiều câu làm bố-mẹ bất ngờ.

g) Sự phát triển tư duy

Sự phát triển tư duy ở bé mẫu giáo gắn liền với sự phát triển ngôn ngữ, với việc dạy tiếng mẹ đẻ.

Song song với các hiện vật trực quan, những lời chỉ dẫn của cha mẹ, anh chị và cô giáo về những cái bé đang tri giác đều đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển trí tuệ.

Mẹ dắt bé Hương bằng xe máy đi cạnh đường tàu, bé nhận xét thấy đường tàu chạy lùi về phía sau và hỏi mẹ tại sao như vậy. Đó là câu hỏi biểu hiện tư duy của bé đang phát triển. Mẹ hướng dẫn cho Hương cách dùng tủ lạnh, bé cũng hiểu phải thật lạnh nước mới đông thành đá, bỏ ra ngoài thì đá tan dần. Bé quan sát cục đá với con mắt tò mò. Trong một số trường hợp bé có thể hiểu được một số quan hệ trong các hiện tượng.

Mẹ đưa cho Hương một số đồ chơi và *giao nhiệm vụ* cho bé phải tìm hiểu chúng, Hương suy nghĩ trước khi bắt tay vào hoạt động. Trong một chừng mực nhất định bé đã có tính độc lập tương đối, có kỹ năng suy nghĩ. Hộp bánh quy để trên nóc tủ, bé tìm ghế kê cao, lấy chổi lông cời hộp bánh. Trong tuổi mẫu giáo bé chuyển từ tư duy trực quan-hành động sang tư duy trực quan-

hình-tượng. Ở giai đoạn phát triển ban đầu vì kinh nghiệm còn ít nên bé suy luận còn rất ngây thơ, không đúng với thực tế. Mẹ gấp thuyền giấy cho Hương, thả vào nước, thuyền nổi, cho mẩu gỗ vào chậu nước, gỗ cũng nổi. Khi mẹ sắp cho chiếc đinh vào, hỏi bé: đinh sẽ nổi hay chìm? Hương nói *đinh sẽ nổi*. Theo thời gian bé sẽ biết được nhiều sự kiện mới, nhờ nghe lời chỉ bảo của bố-mẹ, cô giáo, bé dần dần xây dựng lại các suy lí của mình đúng dần hơn.

Đặc điểm nổi bật của tư duy bé mẫu giáo là cụ thể và hình tượng. Bé có thể suy nghĩ về những sự vật mà bé không trực tiếp tri giác và hiện tại trên thực tế bé cũng không tác động tới, nhưng trong khi lập luận bé dựa vào những hình ảnh trực quan của các sự vật, hiện tượng riêng lẻ, cụ thể. Với các con số đối với bé phải kèm theo đơn vị như 3, 5, 6... bé không hiểu bằng 3 cái kẹo, 5 hòn bi, 6 quả táo... Mẹ hỏi: Con có 3 cái kẹo, bố cho thêm 2 cái nữa, thế là Hương có mấy cái kẹo? Hương trả lời dễ dàng bài toán đó.

Bé nhìn sự vật theo công dụng: xe máy là để đi, tủ lạnh là dùng làm nước đá, mũ là để đội... Lúc đầu tuổi mẫu giáo Hương rất thích ăn kẹo sôcôla và sau đó cứ cái gì ngon bé nói *cứ tạm gọi là sôcôla đi mẹ ạ*. Chẳng hạn mẹ cho ăn kẹo có que cầm tay, Hương cũng xem như là sôcôla. Nhưng sau đó bé dần dần phân loại được, bé không những có thể lĩnh hội những khái niệm thuộc về chủng mà cả những khái niệm thuộc về loài, có khả năng khái quát hoá cao hơn.

Sự hình thành những khái niệm chung ở bé mẫu giáo có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển tư duy sau này ở lứa tuổi học sinh. Như vậy tư duy của bé mẫu giáo đang phát triển rất

manh. Bé lĩnh hội được một loạt kiến thức mới về hiện thực xung quanh, đồng thời nắm được những phương thức tư duy đơn giản nhất; tập phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát những thao tác trí tuệ đơn giản nhất.

Việc cho bé tiếp xúc với các đồ dùng công nghiệp trong gia đình rất bổ ích cho việc phát triển tư duy của bé: cho bé sử dụng máy thu hình, radiô-caxét, máy vi tính, tủ lạnh... dần dần tạo ra ý thức công nghiệp cho trẻ, thích nghi với đời sống hiện đại, phát triển kỹ năng mới. Cô giáo và trang bị của lớp mẫu giáo đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển tư duy của trẻ. Những câu hỏi mà cô giáo đặt ra trong khi học, đi tham quan, đi chơi, các trò chơi phải nhằm mục đích kích thích tính tích cực trí tuệ của trẻ.

h) Sự phát triển tình cảm

Bé rất nhạy cảm, có phản ứng rõ rệt với các sự kiện vui, buồn khác nhau bằng những xúc cảm mạnh mẽ, dễ hoà vào tình cảm và tâm trạng của những người xung quanh. Bé bộc lộ trực tiếp, mạnh mẽ trong lời nói, cử động, vẻ mặt... Sự vật hấp dẫn gây ra tình cảm tích cực: chiếc máy bay mới, nhiều màu, con búp bê biết nhắm mở mắt, đất di được ... kích thích bé hay dùng đồ chơi; chỗ rửa mặt sạch sẽ có trang trí hoa... làm bé thích rửa tay, giữ gìn vệ sinh. Cho bé xem phim hoạt hoạ, múa rối đều gây hứng thú tình cảm, bé suy nghĩ sâu thêm.

Quan hệ tình cảm giữa cô giáo và bé có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nếu cô giáo chinh phục được tình cảm của bé thì sẽ dễ dàng bảo bé thực hiện được những yêu cầu đã đề ra, phục tùng những hành vi tốt.

Bé Hương lúc này vẫn muốn làm cái gì theo ý thích hơn là nhiệm vụ mẹ giao. Mẹ bảo Hương nhặt rau, nhưng nó không thích và cầm dao gọt vỏ khoai tây như chị Ngọc thường làm. Hằng ngày Hương thích lấy đá từ cốc nhôm trong tủ lạnh trong khi mẹ sai lấy bát bày ra mâm thì không muốn. Do việc làm theo hứng thú nên một lúc nào đó bé sẽ chán và khi có kích thích mới hấp dẫn, bé lại theo cái mới. Trong những lúc đó thì vai trò của cô giáo rất quan trọng, phải tạo ra cho bé có ý thức về nhiệm vụ phải làm.

Học nhạc, nghe kể chuyện cổ tích, đóng kịch, nặn, vẽ, đi chơi... tất cả những việc đó làm phát triển ở bé những xúc cảm thẩm mĩ, qua đó bố-mẹ, cô giáo có thể dạy bé cảm thụ cái đẹp trong cuộc sống xung quanh. Sự ngạc nhiên trước cái mới, tính tò mò và lòng ham hiểu biết đều kích thích tình cảm trí tuệ.

Ngay từ tuổi mẫu giáo việc giáo dục tình cảm đạo đức phải được chú ý đầy đủ, bằng cách này hay cách khác phải giới thiệu cho bé cuộc sống lao động của xã hội. Trẻ cần nắm được tiêu chuẩn hành vi trong gia đình và trong tập thể, mẫu giáo.

Bé cũng sớm nhận thức được thế nào là hành vi không hay. Có lúc Hương tỏ ra e thẹn khi mẹ nhắc lại cho bố nghe những điều Hương nói. Bé biết đá dằm là điều không hay, ai nhắc đến trẻ thường xấu hổ. Nhưng bé Khoa đá dằm, theo các nhà tâm lí, thì lại là hình thức *trả thù mẹ!*

Sự phát triển tình cảm ở bé có liên quan đến sự thay đổi cơ sở sinh lí của tình cảm. Nếu ở đầu tuổi mẫu giáo nhiều phản ứng xúc cảm diễn ra do sự chi phối của các trung tâm dưới vỏ não thì ở tuổi lớn hơn vỏ não có một ý nghĩa cơ bản trong sự diễn biến các tình cảm.

Những xúc cảm đơn giản đối với bé mẫu giáo thường không ổn định và khó kiềm chế. Hương khi khóc, đôi cũng khó dỗ nín, phải lâu mới im. Mẹ cho trẻ hàng xóm cái kẹo, Hương đổi, nhưng nếu cho anh Minh, anh Phương thì không sao vì Hương hay tị với bạn hàng xóm.

Làm việc cần cù, sinh hoạt giản dị, có ngăn nắp, sạch sẽ, đều có tác động đến tình cảm của bé, gây cho bé những ấn tượng xúc cảm mạnh mẽ, ấn tượng đó kích thích bé lặp lại trong khi chơi vì bé hay bắt chước người lớn.

1) Sự phát triển ý chí

Lúc Hương hơn bốn tuổi mẹ bảo bé ra rổ bát lấy đôi đũa nhưng Hương thấy bát hoa thì cầm nghịch luôn mà không thực hiện điều mẹ nói. Mẹ bực mình vì nói một đằng, Hương làm một nẻo. Hoàn cảnh trực tiếp bé tri giác được là cái bát hoa - thúc đẩy bé cầm lên; nó phản ứng theo ấn tượng trực tiếp, bỏ qua lời yêu cầu của mẹ. Lúc này các trung tâm hưng phấn do hệ thống tín hiệu thứ hai gây ra dưới ảnh hưởng của các tác động ngôn ngữ còn chưa mạnh lắm, chưa tập trung so với hoàn cảnh trực tiếp tri giác.

Hành động ý chí của bé dần dần hình thành mạnh mẽ. Bố-mẹ, cô giáo huấn luyện tốt thì dần dần sẽ hình thành kỹ năng làm một việc gì đấy theo lời chỉ dẫn như chấp hình, vẽ. Bé càng ít tuổi thì càng làm theo ý thích như nặn, xếp đồ chơi... mà không làm theo lời dặn. Đến cuối tuổi mẫu giáo bé dần dần mới làm theo lời hướng dẫn và hiểu được cách thức làm.

Kinh nghiệm thực tế cho biết rằng hoạt động nghiên cứu-định hướng của bé đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện lời chỉ dẫn khi những lời này tạo ra cho bé phản xạ định hướng tương ứng làm bé chú ý. Ngay ở đầu tuổi mẫu giáo bé cũng có thể hành động theo lời hướng dẫn.

Cần giải thích cho bé vì sao phải cầm bút vẽ như thế này, cầm dao kéo như thế kia... bé hiểu thì việc hình thành kĩ xảo sẽ nhanh chóng. Việc bắt chước người lớn có tác dụng tích cực trong việc hình thành kĩ xảo. Thu Hương nhìn mẹ đan len, nó bắt chước được và biết cách mắc từng mũi đan. Nhờ có kĩ xảo mà hành động ý chí của bé phát triển.

Bé Hương còn có những động tác chưa đúng cần tập luyện: từ trên giường muốn xuống đất, chân dẫm vào sàn rồi mới tìm dép, chưa quan sát vị trí dép trước khi bước xuống, như vậy chân dễ bẩn.

Khi tập luyện cho bé những thói quen tốt thì thường bé giữ gìn đồ dùng, đồ chơi, quần áo cẩn thận. Thói quen tốt không tập luyện thì tật xấu dễ xuất hiện. Ở nhà, trong lớp mẫu giáo, thường xuyên phải tập luyện tính ngăn nắp, gọn gàng cho trẻ, nếu không trẻ dễ mất trật tự, bừa bãi. Muốn cho sự luyện tập tốt điều quan trọng là làm cho các em vui thích với sự luyện tập đó. Mẹ bảo Hương gấp quần áo cho gọn, nó không nghe; mẹ dùng biện pháp khác: con và anh Minh thi nhau xem ai gấp gọn quần áo cất đi, Hương làm ngay và muốn phần thắng về mình.

Như ta đã biết, ở lứa tuổi này bé đã hình thành tri giác, ghi nhớ, chú ý có chủ định. Tuy nhiên trong khi bé làm nhiệm vụ của cô giáo, bố-mẹ giao thì vẫn bị phân tán do hoàn cảnh xung quanh

như có trẻ vui đùa bên cạnh, nhưng sau đó bé có thể tập trung lại ngay để làm theo yêu cầu của công việc.

Hương nhiều lần bắt mẹ bế từ chợ Hoè Nhai về nhà, mẹ mỏi tay, giải thích, bé không nghe. Có lần, sau khi bé theo mẹ đi, mẹ dặn trước là khi về, con phải tự đi bộ về nhà. Nó hiểu đó là nhiệm vụ phải thực hiện và đã làm được.

Trong lứa tuổi này việc giáo dục thái độ kính trọng đối với người lớn, với người lao động và tôn trọng bạn đi đôi với việc rèn luyện ý chí của bé.

5. Thu Hương đi mẫu giáo

Bố-mẹ cho bé Hương đến Trường Mẫu giáo Mầm non B để theo học với các bạn cùng lứa tuổi. Hương tỏ ra rất ngoan ngoãn trong lớp, răm rắp nghe lời cô giáo, mắt quan sát toàn lớp học. Các cô giáo Hào, Thuỳ, Liên, Nhung, Phượng, Giang, Kim Anh đều tham gia dạy các em học hát, múa, trò chơi. Tiết mục nào bé Hương cũng thích, trong các loại đồ chơi mỗi em thích một thứ, rồi lại thay đổi sang thứ khác. Hương thích xếp hình, Vân bế búp bê, Minh đang mân mê mấy viên bi ve, Huân đang cầm bộ đồ vẽ, bé Hà đang tẩn mẩn một mình nghịch những miếng gỗ vuông xây nhà. Mỗi em đều chăm chú vào đồ chơi của mình như đang tìm hiểu một điều gì bí mật. Các em đang luyện chân tay và cả bộ óc nữa, đây là điều rất bổ ích. Hương thích đồ chơi có thể chuyển động được như ô tô, cưỡi ngựa; cái vòng xanh đỏ, hòn bi giờ đây Hương không thích nữa. Giờ nghỉ Hương xuống sân trượt cầu nhựa, lái ô tô.

Tuy nhiên đồ chơi tự động hoá, hoặc rất hoàn chỉnh sẽ hạn chế sự sáng tạo của bé, trẻ không thể phát huy sáng kiến của mình được. Bé tự tìm hiểu cách sử dụng các đồ chơi cũng là tập dượt sự khắc phục khó khăn để đi tới đích. Bé sung sướng biết bao khi tự khám phá ra cái gì hoặc làm được cái gì.

J. Satô, nhà tâm lí nổi tiếng về trò chơi trẻ em, đã chứng minh là trong các trò chơi xây dựng, nặn... bao giờ các em cũng cố gắng vươn lên làm tốt hơn. Sau khi xếp được cái tháp với sáu hình khối em muốn xếp được cái mới với bảy hình khối. Từ thất bại đến thành công, rồi đến thất bại mới, dần dần em có thể vượt được trở ngại, khó khăn do qui luật cân bằng và sự vụng về của hai bàn tay đã gây ra cho bé. Nên cho các em thay đổi đồ chơi, em thích nặn đất sét thì cho bé nặn, bố-mẹ có thể thỉnh thoảng quan sát bé cho phần khởi nhưng không nên can thiệp vào việc bé đang làm. Đối với tuổi mẫu giáo chơi chính là học tập.

Mặc dù Hương đã quá 5 tuổi nhưng chưa thể có khái niệm về con số, bố đã cho hộp số bằng nhựa và Hương đã quen thuộc với hộp số này. Sự khám phá ra con số là sự tiến bộ lớn về tư duy của con người - đây là người lớn.

Với đầu tuổi mẫu giáo bé không có khả năng hiểu một phép tính, dù là đơn giản nhất vì óc em còn non quá. Mặc dù bé chưa có khả năng để hiểu thế nào là số, bé vẫn có thể tiến lên trong sự hiểu biết, nhận thức con số bằng nhiều cách; bố-mẹ, cô giáo hướng dẫn cho bé điều đó, có khi bé nhận thức được trong khi chơi đùa. Trong gia đình hoàn toàn có khả năng luyện cho bé quen các con số. Việc chia kẹo cho các em, sai bé đong mấy bơ bột gạo để nấu cơm, xúc mấy thìa bột, đường, đậu, nước để làm bánh... đều có tác dụng tạo cho bé quen dần với các con số.

Bé mẫu giáo chỉ có khả năng nhận thức cảm tính, hình thức bên ngoài là chủ yếu, không có khả năng suy luận. Piaget đã tiến hành thí nghiệm sau. Trước mặt em bé ông lấy một ít bột nặn, nặn một cái xúc xích và một cái bánh; lượng bột dùng để nặn xúc xích và bánh như nhau, cho bé thấy rõ điều đó. Xúc xích thì mỏng và dài, bánh thì to. Ông hỏi em bé đã chăm chú theo rồi : trong xúc xích và trong bánh, thứ nào có nhiều bột nặn hơn? Em trả lời: *bánh*. Em chăm chú theo rồi hình thù này rồi hình thù khác, chỉ chú ý đến bề ngoài và không nghĩ được rằng số lượng bột nặn vẫn như nhau. Vì chỉ chú trọng đến cái gì em trông thấy, em đã quên cái gì em đã biết được.

Trong sinh hoạt hằng ngày mẹ đã cho Hương làm quen với các từ đi đôi với thực tiễn: *nhiều và ít; thêm và bớt; to hơn và bé hơn*, những điều đó trong tương lai sẽ giúp bé suy luận về toán.

Buổi tối ở nhà mẹ thường dạy Hương ngâm bài thơ tặng em Khoa:

*Em bé bông bong
Khi ăn khi ngủ
mẹ bồng mẹ yêu
Từ đâu bé hiểu mọi điều
Luôn vùi mẹ bế
mẹ chiều mẹ ru*

Thu Hương thích mẹ đọc truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh; Hái nấm* cho bé nghe. Sau đó Hương cũng cầm sách và đọc lại như đã thành thạo lắm và bé đã đọc khá đúng, tỏ ra có trí nhớ tốt. Hương rất thích mở truyện tranh để xem các tranh vẽ. Hương phát âm đã rõ, chúng tỏ đã đến tuổi tập đọc. Hương thích dùng

bút màu vẽ, viết lung tung, điều đó nói lên bé muốn viết và việc đi học lớp 1 cũng sắp chín muồi.

6. Thu Hương đi học

Thu Hương đã tròn 6 tuổi, bé bước vào bước ngoặt của cuộc đời: thời kì thơ ấu đã qua, bé chuyển sang thành người có ý thức, bản ngã đã hình thành, *Hương chuyển từ trạng thái không ổn định sang trạng thái ổn định*, người khác khó mà chi phối hành động của bé.

Trước 7 tuổi Thu Hương thường khó bảo: từ cái quần áo mẹ bảo mặc thứ này thì Hương lại đòi cái kia, không chịu đi giày mà đòi đi dép. Nhưng sau 7 tuổi bố-mẹ có thể đưa Hương đi vào phép tắc. Bé đã hiểu *thế nào là nhiệm vụ cần phải làm*.

Trước hôm đến trường tiểu học Hương muốn đến thăm Trường Mẫu giáo Mầm non B để chào từ biệt các cô giáo một lần nữa. Bố đưa Hương đến.

Hương mỉm cười nhìn *lũ đàn em bé bỏng* đang chơi ở sân trường. Hương nhớ lại, mới tháng trước đây, mình hãy còn chơi trượt cầu, đánh đu, lái ô tô..., giờ đây mình không muốn chơi bởi thoả mái những trò chơi đó nữa và muốn làm *cô giáo* hướng dẫn *lũ đàn em chơi*. Hương bèn bắt vài em xếp hàng rồng rắn để lên cầu trượt, sau đó bế một em lên ngồi đu, dạy em khác lái xe ô tô. Hương vui sướng khi được làm cô giáo dạy lại các em những động tác mà Hương rất thành thục với các trò chơi này!

Nhưng đối với bố Anh, mẹ Hạnh thì Hương vẫn *còn là bé Hương* mà thôi.

Bố-mẹ muốn Thu Hương học giỏi. Nhưng điều cơ bản là làm sao cho Hương yêu mến trường, mến cô giáo, mến bạn, Hương ham học. Đó mới là cơ sở của việc học giỏi. Nhưng điều cơ bản hơn nữa là không khí gia đình ấm cúng, vui vẻ, Hương phấn khởi và không bận tâm suy nghĩ gì.

Những năm đầu của ghế nhà trường đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nề nếp học tập của bé Hương. Từ lớp 1 bé học giỏi sẽ là cái đà tiến lên của bé trong những năm sau, và bé sẽ dễ ham học. Trái lại trong những năm tiểu học bé học yếu thì rất dễ chán học và bố-mẹ, thầy, cô giáo phải mất công sức nhiều trong những năm ở trường trung học cơ sở và phổ thông.

Muốn tạo điều kiện bé học tập tốt thì chế độ sinh hoạt của bé phải ổn định, tránh thay đổi nhiều. Nếu bé tự đi đến trường và về nhà một mình được thì cứ để bé đi. Nếu hằng ngày bố-mẹ đón về thì nên đón về đều đặn, hôm nào không đón được thì cần giải thích lí do. Bé Hương mới hết thời thơ ấu nhưng cần làm cho bé luôn luôn cảm thấy an toàn trong cuộc sống, tránh mọi sợ sệt có ảnh hưởng đến sự phát triển, đến việc học tập của bé.

Điều làm cho bé phấn khởi là *khí đi học về thấy mẹ ở nhà*. Đó là một yếu-tố quan trọng góp phần đáng kể vào kết quả học tập của bé.

Thu Hương đã lớn, nhiều việc muốn tự làm lấy như mặc áo, đi bít tất, đi giày. Đôi khi mẹ hay làm hộ vì xem Hương còn bé, Hương không thích điều đó, nó thấy rằng những việc đó Hương có thể tự làm lấy được vì khi đến trường mẹ đâu có ở cạnh mình mà làm hộ.

Thu Hương đi học về, để cặp trên giá sách, mẹ hỏi: con tập đọc, làm tính có tốt không? Hương không trả lời, mẹ tỏ ra không bằng lòng. Bé không muốn nói gì đến lớp học, cô giáo, bạn bè sau khi về nhà. Đối với Hương cũng như nhiều bạn khác, nhà trường là lĩnh vực riêng, khác với gia đình, là nơi bé muốn sống một đời học sinh tự do, độc lập. Đó là sự trưởng thành của bé muốn mình tự lập. Bé có những điều kín đáo riêng mà ta cần tôn trọng. Mẹ cần tâm sự và chuyện trò với bé, xem xét sách vở và hỏi cô giáo về việc học hành của bé. Bé càng nói chuyện về nhà trường với mẹ, đó là sự thành công lớn của người mẹ trong quan hệ tình cảm với con.

Bố-mẹ đến trường hỏi cô giáo về việc học tập của Hương và các mặt khác nữa, có gì thì mẹ uốn nắn Hương ngay. Hương cảm thấy không thích vì gia đình, nhà trường *cấu kết* với nhau làm khổ bé, Hương có tội tình gì đâu! Bố-mẹ cần tránh nói với con hoặc để cho con biết rằng bố-mẹ quen thân cô giáo, có gì cô giáo đỡ đầu cho, làm như vậy bé khó sửa chữa khuyết điểm. Với bé, động viên là chính, làm sao cho bé thấy mình tiến bộ và là một học sinh có khả năng học tập. Bố-mẹ cần luôn luôn làm cho con tin tưởng ở cô giáo và bảo vệ cô, có như vậy cô giáo mới hoàn thành được sự nghiệp giáo dục của mình.

Ở các lớp tiểu học cô giáo bảo gì Hương và các bạn nghe răm rắp; Hương nghe cô giáo hơn bố-mẹ. Khi còn học tiểu học bé không phân biệt được giờ chơi và giờ học, ngồi trong lớp vẫn thích chơi, cô phải nhắc nhiều.

Hằng ngày hoặc hằng tuần bố-mẹ cần nắm được tình hình học tập của con qua sổ liên lạc. Phải chú ý động viên những tiến bộ

mọi mặt của con trong lớp học, dù là tiến bộ nhỏ, đó là điều chủ yếu và nghiêm khắc với những điểm kém, cần cho con biết rằng Thu Hương là một học sinh có khả năng học tập, có thể vươn lên hơn nữa, làm cho bé tự tin vào khả năng của bản thân.

Mặt khác cũng không nên hy vọng quá nhiều vào tương lai của con mình, ít ra cũng phải trở thành tiến sĩ trong xã hội, mà cần cho trẻ phát triển theo khuynh hướng của nó, phù hợp với thực tại khả năng và nguyện vọng của trẻ em.

Thu Hương đi học có những yêu cầu riêng mà bố-mẹ phải quan tâm: góc học tập của em. Góc học tập là nơi không phải chỉ để sách vở, bút mà còn đồ chơi và những *của cải riêng* của bé, bé cần có một ngăn kéo để thực hiện được những ý đồ của bé: *chứa đựng những bí mật của riêng mình*.

Bé cần được yên tĩnh mặc dù nhiều lúc phải nô đùa náo nhiệt. Lúc nào cũng tiếng đàn hát, âm thanh từ radiô-caxét, vô tuyến làm bé mệt mỏi, không thể học tập tốt được.

Thời gian cần cho học tập cần ngày càng nhiều theo lứa tuổi. Bố-mẹ cần quản lí chặt chẽ thời gian nghe nhạc, xem vô tuyến. Trong nhiều trường hợp các gia đình đã xem các thứ đó là *kẻ thù* của việc học tập của học sinh.

Mỗi sáng trước khi Thu Hương đi học mẹ đã chuẩn bị sẵn cho con quần áo, bữa ăn sáng. Trên đường đi tới trường Hương ca hát vui vẻ. Điều đó làm Hương sáng khoái, cơ thể vận động và phát triển tốt. Nhìn vẻ mặt, thái độ của Hương có thể biết con mình có thích nghi với nhà trường không; sau đó hỏi bạn bè, không dễ dàng bố-mẹ hỏi trực tiếp mà Hương nói ngay.

Bố-mẹ hi vọng nhiều ở Thu Hương, đặc biệt về mặt học tập. Nhiều tranh truyện mẹ chỉ đọc một lần, Hương có thể lật từng trang và thuyết minh rất sát nội dung, có khi đúng từng lời trong tranh tương ứng trong khi Hương chưa biết đọc. Hương có khả năng ứng đối như người lớn, khéo tay. Nhưng Hương còn có thiếu sót: chưa chịu khó làm việc vặt trong nhà. Hương cần được bồi dưỡng các mặt để phát huy được năng lực các mặt và khắc phục những thiếu sót. Nếu có điều kiện cho Hương đi thử nghiệm tâm lí, tiến hành những *test* về các mặt mới thấy rõ xu thế phát triển của em.

IV. BA GIAI ĐOẠN KHỦNG HOẢNG TRONG GIA ĐÌNH

Hai vợ chồng và một đứa con, lúc nào cũng tươi vui, không khí gia đình tưởng như lúc nào cũng êm ả. Nhưng không, vì thời tiết có lúc giống bão, khi nắng khi mưa, hướng hồ Thu Hương ngày một lớn, làm sao lại không có lúc *phá bình* không khí gia đình sau khi đã thực hiện hai cuộc cách mạng Copecnic của bé.

Trạng thái khủng hoảng thứ nhất vào lúc bé từ 3-6 tuổi. Lúc này khái niệm sống và chết xâm nhập tâm lí của bé. Bé hỏi mẹ: *Ai cho anh Minh vào bụng của mẹ anh ấy, hở mẹ?* Vì sao bạn Tùng lại chết? Hương thắc mắc là bé đã sinh ra như thế nào, tại sao lại có con trai, con gái. Từ ba tuổi bé đã nhận ra giới tính, xuất hiện đồng thời với việc khẳng định bản ngã. Khi xuất hiện giới tính thì có ảnh hưởng với quan hệ bố-mẹ. Bảo Hương thay tã ướt cho Khoa, bé nói: *con ngưng lắm, không làm đâu*. Như vậy

Hương đã nhận thức được giới tính của mình. Theo S. Freud, nhà phân tâm học nổi tiếng người Áo, thì con gái thích cha vì được cha nuông chiều; con trai thích mẹ và được mẹ âu yếm.

Có điều có thể làm ta thấy đột ngột là ở bé ba tuổi đã có hiện tượng phát dục, có khi khá mạnh. Bé có tò mò về vấn đề giới, ta cần thấy đó là hợp lí. Bố-mẹ cần nghiên cứu cách trả lời, không nên né tránh. Cần giải đáp câu hỏi của bé, nếu bé không thoả mãn thì sẽ ảnh hưởng không hay cho trẻ. Đừng cho bé cảm thấy khi hỏi một số vấn đề lại thuộc điều cấm kị, không được hỏi; như vậy bé sẽ cảm thấy mình có lỗi. Khi đó bé sẽ trở nên rụt rè trong quan hệ với bố-mẹ.

Khi Hương bốn tuổi tính tình ương ngạnh, nhiều cái khó bảo, kể cả con trai cũng vậy. Bộ ba cha, mẹ, con không phải không có lúc dầy vò vì tính ghen tuông làm cho con trai xa bố, con gái xa mẹ.

Khi năm tuổi một tình cảm mới xuất hiện ở trẻ nhỏ: bé cảm thấy như mình có lỗi, có khi tự trách mình đã nghĩ xấu về bố-mẹ, có khi muốn tự trừng phạt. Loại tình cảm đó làm cho bé ngủ hay mê hoảng vì cảm thấy mình có lỗi. Trong trường hợp này bố mẹ cần âu yếm, chuyện trò với con để cho tình cảm được thoải mái; đó là môn thuốc tốt nhất cho tính ương ngạnh và sự cảm thấy mình tội lỗi.

Trạng thái khủng hoảng thứ hai vào lúc 6-7 tuổi, bé hay khóc và làm ầm ĩ trong nhà, nguyên nhân là bé chuyển từ trường mẫu giáo sang trường tiểu học. Đó cũng là một sự thử thách, đây là lần thứ hai bé tách ra khỏi người mẹ. Bé phải đi học nhiều giờ trong một ngày, bé mệt mỏi và căng thẳng. Về nhà bé dễ trút sự

căng thẳng, mệt mỏi đổ vào những người xung quanh. Cần cho bé giải trí, đi dạo chơi bên ngoài.

Trạng thái khủng hoảng thứ ba xảy ra lúc bé 7-8 tuổi: Thu Hương bước vào thế giới bạn bè. Bé có bạn, bắt chước bạn và có khi bắt nạt bạn; có khi buộc bạn phải chơi với mình; có khi sợ bạn. Nhiều chuyện linh tinh, chế riễu, thù ghét, khoe khoang... ám ảnh bé. Sân chơi, góc đường phố là xã hội thu nhỏ của bé. Cha mẹ lúc này đóng vai trò quan trọng, phải bảo vệ bé khi bị bắt nạt, chế riễu, làm cho bé yên tâm đi học.

V. PHẦN KẾT

Piaget đã xác định các chặng đường phát triển tâm lí trẻ em:

- a) Chặng dùng những vận động của các giác quan để nhận thức thế giới xung quanh;
- b) Chặng dùng các thao tác cụ thể để nhận thức thế giới qua đó hình thành được cái logic cụ thể trong đầu;
- c) Chặng dùng thao tác hình thức để nhận thức thế giới theo một logic nghiêm ngặt hơn.

Trên mỗi chặng đường phát triển tâm lí đó, đứa trẻ được bổ sung công cụ khám phá thế giới đồng thời cũng củng cố những điều đã khám phá được, trong đó có các công cụ chủ yếu là: đôi bàn tay, các giác quan, ngôn ngữ và sau cùng là các biểu tượng.

Mối quan hệ người với người cũng có tác dụng củng cố trí khôn của trẻ em.

Những mô tả đó của Piaget có thể coi là manh nha cho lý thuyết hoạt động, vì trước đó các phát ngôn tâm lý học chỉ mang tính chất phỏng đoán. Piaget chứng minh sự phát triển tâm lý bằng các hoạt động của chủ thể đang khám phá thế giới xung quanh, ở bên ngoài chủ thể và phản ánh bên trong đầu chủ thể. Đó chính là tâm lý học nhận thức thực hiện nghiên cứu thông qua hoạt động của chủ thể nhận thức.

Một số nhà công nghệ giáo dục Việt Nam không thừa nhận Piaget ở điểm sau:

- a) Nhân vật đứa trẻ Piaget mang dáng dấp đứa trẻ bác học, chủ yếu là đứa trẻ toán học, không phải đứa trẻ bình thường;
- b) Piaget vẫn nghiên cứu trẻ em qua các câu trả lời nói và viết;
- c) Mọi tìm tòi vẫn diễn ra trong phòng thí nghiệm.

Do nhận thức được *chỗ yếu* của Piaget, một số nhà công nghệ giáo dục Việt Nam đã nghiên cứu đứa trẻ Việt Nam phổ thông trong hoạt động học bình thường của nó. Những ứng dụng thao tác tay chân chuyển dần thành thao tác trí óc cũng là có học nhờ Piaget; song chỗ khác nhau là các thao tác đó được tiến hành khác nhau khi đứa trẻ chiếm lĩnh các đối tượng khác nhau.

Công nghệ giáo dục Việt Nam còn thừa hưởng cả những thành tựu tâm lý học hành vi của Mỹ, như ở Skinner chẳng hạn.

Để kết thúc tài liệu này tác giả xin đăng bài thơ của nhà nghiên cứu tâm lý trẻ em Nguyễn Knắc Viện (*Lòng con trẻ*, Trung tâm Nghiên cứu tâm lý trẻ em xuất bản, Hà Nội, 2000):

Thấp cổ bé miệng
Ấm ức, oan ức
Không được nói lên
Nói lên không được
Phận em là vậy
Ngày ngày chịu khổ
Bố mẹ giáo viên
Bác sĩ y tá
Nuôi dạy chăm chữa
Biết đâu em khổ!

Tố khổ
Hiến kế

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Khắc Viện:

a. *Ngây thơ*, NXB Thế Giới, Hà Nội, 1988.

b. *Lòng con trẻ*, NXB Thế Giới - Trung tâm Nghiên cứu tâm lí trẻ em, Hà Nội, 2000.

c. *Tâm lí Gia đình*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội 1999.

d. *Tâm lí Lâm sàng trẻ em Việt Nam*, NXB Y học - Trung tâm Nghiên cứu Tâm lí Trẻ em, Hà Nội, 1999.

d. *Nỗi khổ của con em*, Trung tâm Nghiên cứu tâm lí trẻ em, Hà Nội, 1993.

2. Nguyễn Thị Nhất, *biên soạn và dịch*, N - T - Tủ sách tâm lí trẻ em 6 tuổi, vào lớp 1, NXB Kim Đồng, Trung tâm Nghiên cứu tâm lí trẻ em, Hà Nội, 1992.

3. Maurice Reuchlin - Psychologie - *Tâm lí Đại Cương*. Bs Lê Văn Luyện dịch, NXB Thế Giới - Trung tâm N - T (tập 1, 2, 3), Hà Nội, 1995.

4. Paul Osterrieth, *Nhập môn tâm lí học trẻ em*, Phạm Văn Đoàn dịch, NXB Y học - Trung tâm N - T, Hà Nội, 1993.

5. Fischer, *Những khái niệm cơ bản của tâm lí xã hội*, NXB Thế Giới - Trung tâm N - T, Hà Nội, 1992.

6. Bs Vũ Thị Chín, *Mẹ và con*, NXB Văn hoá-Thông tin, Hà Nội, 2001.
7. Phạm Minh Hạc- Lê Khanh-Trần Trọng Thuỷ, *Tâm lí học*, NXB Giáo dục, tập 1, 2; Hà Nội, 1988-1989.
8. Bs Đỗ Hồng Ngọc, *Sinh con đầu lòng*, NXB Thanh Niên, Hà Nội 1989.
9. Gs Lê Văn Anh - Bs Thu Thuỷ- Bs Nguyễn Văn Kha, *Phép dưỡng thai và khoa tâm lí nuôi dạy trẻ*, NXB Đồng Nai, 1994.
10. Phạm Toàn, *Nơi hợp lưu những trường phái tâm lí học*, Bộ KH-CN-MT, Tạp chí Tia Sáng, số 6 (5/6 - 5/7/2001), trang 22.
11. L' Oboslava Klindová - Eva Rybárová, *Vývojová Psychologie*, SPN, Praha, 1974.
12. Marie Damborská - Jaroslav Koch, *Psychologie a Pedagogika Dítěte*, SPN, Praha, 1969.

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| Lời giới thiệu | 5 |
| I. MỞ ĐẦU HAI CUỘC CÁCH MẠNG “COPECNIC” | 7 |
| 1. Cuộc cách mạng Copecnic lần thứ nhất | 10 |
| 2. Cuộc cách mạng Copecnic lần thứ hai | 13 |
| II. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA HOẠT ĐỘNG THẦN KINH CAO CẤP Ở TRẺ EM | 15 |
| 1. Giai đoạn sơ sinh | 16 |
| 2. Giai đoạn từ 2 đến 3 tháng | 17 |
| 3. Giai đoạn từ 3 đến 5 tháng | 17 |
| 4. Giai đoạn từ 6 đến 12 tháng | 18 |
| 5. Giai đoạn từ 12 đến 18 tháng | 19 |
| 6. Giai đoạn từ 18 đến 24 tháng | 20 |
| 7. Giai đoạn từ 2 đến 3 tuổi | 20 |
| 8. Giai đoạn từ 3-4 đến 7 tuổi | 21 |
| 9. Giai đoạn đi học và thiếu niên | 21 |
| III. SỰ PHÁT TRIỂN TINH THẦN Ở TRẺ EM | 22 |
| A. Đặc điểm của sự phát triển tinh thần | 22 |
| 1. Thế nào là khái niệm phát triển | 22 |
| 2. Các loại biến đổi trong phát triển | 23 |

| | |
|--|-----------|
| 3. Các yếu tố và nguyên nhân của sự phát triển | 26 |
| 4. Qui luật phát triển | 30 |
| B. Các giai đoạn của sự phát triển tinh thần | 36 |
| 1. Giai đoạn đầu của sự phát triển tinh thần của trẻ em | 38 |
| a. Phản xạ bẩm sinh cơ bản của trẻ sơ sinh | 38 |
| b. Những phản xạ có điều kiện đầu tiên của trẻ | 40 |
| c. Những quá trình thần kinh cơ bản | 41 |
| d. Những nguyên tắc để tạo ra những phản xạ có điều kiện, tích cực và đơn giản | 44 |
| đ. Những phản xạ có điều kiện phức tạp hơn | 47 |
| e. Việc tạo ra những phản xạ tiêu cực có điều kiện | 51 |
| 2. Trẻ sơ sinh | 53 |
| a. Chức năng sinh lí | 54 |
| b. Sự chú ý giác quan | 54 |
| c. Động hình | 56 |
| d. Lời nói | 57 |
| đ. Tình cảm | 57 |
| e. Thói quen tốt và xấu | 58 |
| 3. Ấu nhi | 59 |
| a. Chức năng sinh lí | 59 |
| b. Sự chú ý giác quan | 61 |
| c. Sự phát hiện chiều thứ ba | 62 |
| d. Động hình | 65 |
| đ. Lời nói và tư duy | 68 |

| | |
|---|-----|
| e. Sự phát triển tư duy | 71 |
| f. Sự phát triển trí nhớ | 72 |
| g. Sự phát triển tưởng tượng | 73 |
| h. Sự phát triển tình cảm | 74 |
| i. Sự phát triển ý chí | 75 |
| k. Trò chơi | 78 |
| l. Những nhiệm vụ chủ yếu trong giờ học trò chơi vận động của trẻ 24-36 tháng | 79 |
| 4. Bé ở tuổi mẫu giáo | 81 |
| a. Chế độ sinh hoạt | 82 |
| b. Động hình | 82 |
| c. Sự phát triển cảm giác và tri giác | 83 |
| d. Sự phát triển chú ý | 88 |
| đ. Sự phát triển trí nhớ | 91 |
| e. Sự phát triển tưởng tượng | 92 |
| f. Sự phát triển ngôn ngữ | 93 |
| g. Sự phát triển tư duy | 96 |
| h. Sự phát triển tình cảm | 98 |
| i. Sự phát triển ý chí | 100 |
| 5. Thu Hương đi mẫu giáo | 102 |
| 6. Thu Hương đi học | 105 |
| IV. BA GIAI ĐOẠN KHỦNG HOẢNG TRONG GIA ĐÌNH | 109 |
| V. PHÂN KẾT | 111 |
| Tài liệu tham khảo | 114 |

BÉ HOẠT ĐỘNG VÀ SUY NGHĨ NHƯ THẾ NÀO ?

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Mai Quỳnh Giao

Giám đốc Nhà xuất bản Phụ Nữ

CHỊU TRÁCH NHIỆM BẢN THẢO

PGS TS Nguyễn Hữu Quỳnh

Giám đốc Viện Nghiên cứu và Phổ biến kiến thức bách khoa

BIÊN TẬP

Tạ Thị Hoan, Phạm Trần Việt Anh

CHẾ BẢN - SỬA BÀI

Phạm Thanh Tâm, Nguyễn Quang Huỳnh

BÌA

Hoạ sĩ Doãn Tuấn, Nguyễn Tiến Dũng

In 1000 cuốn, Khổ 14,5 x 20,5cm tại Công ti in Khuyến học - Hà Nội
Giấy phép xuất bản số 18/1022 XB - QLXB ngày 9.9.2002
của Cục Xuất bản - Bộ Văn hoá & Thông tin
In xong và nộp lưu chiểu Quý I.2004

